**THAM KHẢO MỘT SỐ BÀI NGHỊ LUẬN HAY**

**ĐỀ 1: CẢM NHẬN VỀ ƯỚC NGUYỆN CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI QUA BÀI THƠ « MÙA XUÂN NHO NHỎ »**

**I. Mở bài:**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng lòng tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua bài thơ

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng lòng ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập. Viết ở giữa mùa đông giá rét của xứ Huế. Khi đó đất nước ta vừa trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, phải đối mặt với vô vàn những khó khăn, thách thức. Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Cá nhân nhà thơ Thanh Hải lúc này đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Đối lập giữa ranh giới sự sống và cái chết nhưng không làm trái tim nhà thơ nguội lạnh. Ngược lại tâm hồn thi nhân lại nảy nở, bừng sức sống để cảm nhận ấm áp về một mùa xuân nồng ấm tình người.

=> Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy nhưng bài thơ vẫn tràn đầy niềm lạc quan, niềm tin yêu vào cuộc sống. Đó là điều đáng quý, đáng trân trọng ở nhà thơ Thanh Hải. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058**- Chủ đề**: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên, đất nước, con người và khát vọng cống hiến của nhà thơ.

**2. Phân tích đoạn thơ**

**\* Dẫn dắt:** Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm mới, là mùa muôn hoa đua nở đem đến hương sắc, vị ngọt của tình yêu, sức sống, hạnh phúc. Trước vẻ đẹp diệu kì của mùa xuân được các thi nhân cảm nhận bằng tâm hồn trìu mến, thân thương, mùa xuân hiện ra với muôn vàn sắc màu rực rỡ.

- Nhà thơ Nguyễn Trãi từng viết về mùa xuân với những xúc cảm:

“*Cỏ xanh như khói bến xuân tươi*

*Lại có mưa xuân nước vỗ trời”*

- Vũ điệu mùa xuân đã rót vào tâm hồn nhà thơ Thanh Hải niềm cảm xúc dâng tràn. Thật đơn sơ, lặng lẽ mà mùa xuân vẫn hiện về tràn đầy sức sống trào dâng.

**a. Khổ 1 - Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên**

- Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được mở ra bằng những hình ảnh, màu sắc, âm thanh hài hòa, tràn đầy sức sống của xứ Huế mộng mơ:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

 *Một bông hoa tím biếc”*

- Giản dị mà ấm áp nhà thơ nhà thơ Thanh Hải đã chọn cho mình bức tranh mùa xuân với gam màu ấm áp mà dịu dàng trang nhã.

- Chỉ bằng vài chi tiết nhưng nhà thơ Thanh Hải đã vẽ lên trước mắt người đọc một bức tranh mùa xuân bằng tâm hồn nghệ sĩ với đầy đủ màu sắc, âm thanh, đường nét. Với một dòng song xanh hiền hòa mênh mang, tác giả không nói rõ là dòng song nào nhưng người đọc dễ dàng nhận ra đây là dòng sông Hương của xứ Huế mộng mơ.

- Trên gam màu xanh của dòng sông ấy nổi bật là hình ảnh *“bông hoa tím biếc”.* Bông hoa ấy “mọc” từ giữa dòng sông như tâm điểm của bức tranh đầy ấn tượng. Bông hoa ấy như phát sinh như khởi nguồn từ cái sức sống dồi dào bất tận của dòng sông xanh để không ngừng vươn lên bất tử. Như vậy sự kết hợp hài hòa giữa hai gam màu xanh của dòng sông, sắc tím biếc của bông hoa đã gợi lên một bức tranh dịu dàng tươi tắn mang đậm hương sắc của xứ Huế thân thương. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 079486205

- Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ như một lời báo hiệu, nhấn mạnh sự trỗi dậy của một bông hoa giữa bốn bề sông nước, tác giả tô đậm hình ảnh bông hoa tím bé nhỏ mà tràn đầy sức sống mãnh liệt, vươn lên sự sống có phần khắc nghiệt để hòa cùng vạn vật giữa sự bao la vô tận. Màu hoa tím biếc xuôi dòng Hương Giang xanh thẳm thật thơ mộng, quyến rũ đến lạ thường! Một màu tím đặc trưng của con người xứ Huế mộng mơ, trầm tư, cổ kính.

*\* Chuyển ý:* Bức tranh mùa xuân ấy không chỉ đẹp bởi màu sắc mà còn sinh động bởi âm thanh của tiếng chim chiền chiện hót líu lo. Âm thanh ấy vút cao, lảnh lót, trong trẻo, ngân vang như lan tỏa trong không gian làm cho không khí mùa xuân trở lên náo nức, rộn rang cũng như làm rung động tâm hồn nghệ sĩ.

*“Ơi con chim chiền chiện*

 *Hót chi mà vang trời”*

- Mùa xuân không chỉ với sắc màu hài hòa mà bức tranh mùa xuân ấy bỗng nhộn nhịp hẳn lên với tiếng chim chiền chiện hót vang trời chào đón ngày mới. Không gian tươi vui ấy làm xao động tâm hồn thi nhân.

- Từ cảm thán “Ôi” được đặt lên đầu câu cùng với câu hỏi “ hót chi” tạo cảm giác thân thương, trìu mến của tác giả, đồng thời giúp ta cảm nhận được sự ngọt ngào thân thương của xứ Huế, như một nốt nhạc ngân vang trong bản trường ca vô tận, đồng thời thể hiện được cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên. Tiếng chim hót như rót vào tâm hồn nhà thơ một niềm rung cảm mãnh liệt, tiếng chim chiền chiện hót vang lừng trong trẻo như nốt nhạc rộn rã của mùa xuân.

=> Dòng sông êm trôi, bông hoa lững lờ, tiếng chim rộn rã… bức tranh mùa xuân xứ Huế bao giờ cũng đẹp, nhẹ nhàng, và mơ mộng như thế!

*\* Chuyển ý*: Thiên nhiên, nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo nhà thơ Thanh Hải như cảm nhận được hơi thở nồng ấm của mùa xuân, sắc xuân, tình xuân chan chứa:

 *“Từng giọt long lanh rơi*

 *Tôi đưa tay tôi hứng.”*

- Hình ảnh “giọt long lanh” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Có thể hiểu theo nhiều nét nghĩa: Có thể là giọt nắng bên thềm, giọt mưa xuân, giọt sương mùa xuân, hay cũng có thể là giọt nước mắt hạnh phúc của tác giả… Nhưng theo mạch cảm xúc của bài thơ “giọt long lanh” là giọt âm thanh của tiếng chim.

- Âm thanh mượt mà trong vắt của tiếng chim, thánh thót như chuỗi ngọc long lanh, đọng lại lên thành từng giọt và rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

=> Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được Thanh Hải vận dụng một cách tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng của nhà thơ. Từ một hình tượng, một sự vật được cảm nhận bằng âm thanh ( thính giác), tác giả đã chuyển đổi biến nó thành một thứ có thể nhìn thấy (bằng thị giác) bởi nó có hình khối, màu sắc. Rồi lại được cảm nhận nó bằng da thịt, sự tiếp xúc (xúc giác).

=> Sự chuyển đổi cảm giác ấy là một sáng tạo nghệ thuật qua bút pháp ẩn dụ. Cảm xúc ấy chỉ có thể có được ở một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của một thi sĩ yêu đời.

- Động từ “hứng” thể hiện sự nâng niu trân trọng của nhà thơ vừa cho thấy cảm xúc của tác giả say sưa, ngây ngất trước cảnh đất trời vào xuân với cảm xúc say sưa, xốn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân, của cuộc đời.

- Đặt bài thơ vào hoàn cảnh nhà thơ Thanh Hải đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời những vần thơ của ông vẫn dào dạt, tràn đầy cảm xúc thiết tha yêu mến thiên nhiên, yêu mùa xuân, yêu cuộc đời.

- Đang sống giữa những ngày đông giá lạnh, đang phải đối mặt với bệnh tật, thậm chí phải đối diện với cả cái chết, vậy mà nhà thơ vẫn hướng đến mùa xuân tươi trẻ, tràn đầy sức sống, thể hiện một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao cuộc sống vô bờ. Đọc những vầnthơ của ông, người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tìnhyêu quê hương, đất nước đến vô ngần.

**b. Cảm xúc trươc mùa xuân của đất nước**

**\*Khổ 2**

*\* Chuyển ý:* Trong vũ điệu của mùa xuân, ta không chỉ thấy được vẻ đẹp quyến rũ của mùa xuan thiên nhiên mà con người bắt gặp mùa xuân trẻ trung sôi nổi. Từ những cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, nhà thơ liên tưởng đến mùa xuân của con người, của đất nước với một sức sống vô tận:

*“Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ”*

- Điệp từ “mùa xuân” được tác giả đặt ở đầu hai câu thơ để nhấn mạnh đến mùa xuân của “người cầm súng” và “ người ra đồng”, biểu thị cho hai nhiệm vụ chính lúc bấy giờ là bảo vệ và xây dựng đất nước.

- Nét đặc sắc của bài thơ là sự sáng tạo ra hình ảnh “lộc”. Lộc có nghĩa là chồi non, lộc biếc, là sức sống trỗi dậy của mùa xuân.

- Với “người cầm súng” lộc là những vành ngụy trang che mắt quân thù, giắt trên lưng người lính, theo chân họ ra trận. Còn “lộc” với “ người ra đồng” lại là những nhành mạ non trải dài trên những cánh đồng tạo màu xanh ngút ngàn.

- Tuy nhiên “lộc” ở đây còn được hiểu theo nghĩa biểu tượng, đối với “người cầm súng” “lộc” là thành quả cách mạng là những chiến thắng mà những người chiến sĩ đã đem về để bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho người dân. Còn “ với người ra đồng” “lộc” là những mùa màng bội thu, là những hạt gạo trắng ngần, là bát cơm dẻo thơm làm giàu cho đất nước.

- Điệp từ “ giắt đầy”, “ trải dài” gợi ra một không gian rộng lớn tràn ngập sắc xuân.

=> Bằng những hình ảnh sóng đôi nhịp nhàng, am hưởng câu thơ trở lên nhịp nhàng cân xứng đã vẽ lên mảng xanh niềm tin, hi vọng của đất nước đang lên người cầm súng và người ra đồng là những hình ảnh tiêu biểu cho những con người đóng góp cống hiến cả thân mình để làm lên mùa xuân cho mùa xuân tổ quốc.

 *\* Chuyển ý*: Những người lao động với những chiến sĩ, họ đang mang mùa xuân của thiên nhiên, đất trời khi làm nhiệm vụ hay chính họ đã làm ra mùa xuân đất nước. Để rồi đất nước vào xuân với không khí vô cùng tưng bừng, náo nhiệt. Giai điệu rộn rã của mùa xuân, nhịp sống của con người như hối hả hơn, xôn xao hơn.

*“Tất cả như hồi hả*

 *Tất cả như xôn xao”*

- Điệp từ “tất cả” xuất hiện liên tục nhấn mạnh đây là nhiệm vụ chung của tất cả mọi người chứ không của riêng ai. Lời thơ thể hiện niềm hân hoan, rung động trong tâm hồn thi sĩ.

- Từ láy “hối hả” gợi nhịp điệu khẩn trương, còn từ láy “xôn xao”, gợi sự tươi vui, nhiệt tình và trách nhiệm của những con người đang bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH.

=> Ý thơ khẳng định một điều: Không chỉ cá nhân nào vội vã mà cả đất nước đang hối hả, khẩn trương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều náo nức, rộn ràng trong mùa xuân tươi đẹp của thiên nhiên, của đất nước.

**\* Khổ 3:**

*\* Chuyển ý:*Sức sống của mùa xuân đất nước còn được cảm nhận qua nhịp điệu, qua những âm thanh xôn xao của đất nước bốn nghìn năm, trải qua bao vất vả gian lao để tiến lên phía trước và mỗi khi xuân về lại được tiếp thêm sức sống để bừng dạy. Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

*“Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước”*

- Trong giai điệu trầm lắng suy tư câu thơ đưa ta trở về với lịch sử *“Bốn nghìn năm”* là chặng đường lịch sử của dân tộc ta, trong chặng đường ấy đất nước đã trải qua bao thăng trầm “bao vất vả, gian lao” được chứng minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đó là các cuộc xâm lược của kẻ thù, chúng nhiều lần muốn cướp nước ta, đàn áp nhân dân ta.Những vần thơ trầm lắng suy tư như gơi hắc về một thời đau thương mà anh dũng.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng viết về những khó khăn gian lao vất vả nhưng luôn giành chiến thắng, chính điều đó đã sản sinh ra những con người trưởng thành từ đất mẹ gian lao:

*“Đất nghèo nuôi dưỡng những anh hùng*

*Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên”*

*- “Bốn nghìn năm”* cũng là lời khẳng định sự trường tồn của đất nước ta, dù lúc thịnh, lúc suy, lúc thăng, lúc trầm, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn sáng ngời, vẫn mạnh mẽ đi lên phía trước.

- Vì vậy tác giả đã nhân hóa đất nước “ vất vả và gian lao” cho thấy đất nước như một người mẹ tần tảo,vất vả sớm hôm, trĩu nặng gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ đi trước.

*“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững*

*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”.*

 ( Huy Cận)

- Hình ảnh so sánh *“ Đất nước như vì sao”* là hình ảnh đẹp thể hiện sự tỏa sáng của dân tộc Việt Nam mãi như một vì sao sáng, qua đó thể hiện niềm tin, niềm tự hào dân tộc của tác giả.

Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý thơ: trải qua những gian truân, vất vả, đất nước vẫn toả sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

Với hình ảnh này ngôi sao đã trở thành biểu tượng đẹp, thiêng liêng trên lá cờ tổ quốc, ngôi sao trên mũ cối của lực lượng quốc phòng an ninh, biểu thị cho sự trường tồn vĩnh cửu của dân tộc.

- Ba động từ “cứ đi lên” đặt liên tiếp cạnh nhau vừa là hình ảnh nhân hóa vừa khẳng định tư thế vươn lên mạnh mẽ không ngừng của dân tộc Việt Nam, không có một thế lực nào, khó khăn nào có thể cản trở được tư thế ấy.

=> Khổ thơ trên ta cảm nhận được niềm tin, sự lạc quan phơi phới, niềm tự hào của tác giả vào tương lai của đất nước. Đặt bài thơ vào những năm 1980 khi đất nước ta phải đương đầu với bao khó khăn, thử thách, nền kinh tế như người bệnh trọng vừa mới hồi phục, nhưng nhà thơ Thanh Hải luôn đặt trọn niềm tin lớn lao vào đất nước. Qua đó ta càng thêm trân trọng lòng yêu đời, yêu cuộc sống và niềm tin của nhà thơ Thanh Hải vào quê hương, đất nước.

**Khổ 4: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời**

- Trong khí thế bừng bừng của đất nước vào xuân, tác giả đã cảm nhận được một mùa xuân trỗi dậy từ tâm hồn mình. Đó là mùa xuân của lòng người, mùa xuân của sức sống tươi trẻ, mùa xuân của cống hiến và hoà nhập. Tác giả không mơ một giấc mơ vĩ đại, không ước vọng lớn lao, chỉ là những mong muốn đơn sơ bình dị:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.”*

- Điệp từ *“ta làm”* được lặp lại hai lần kết hợp với  biện pháp lặp cấu trúc ngữ pháp khiến cho nhịp thơ vừa uyển chuyển, nhịp nhàng vừa mạnh mẽ diễn tả rõ nét khát khao cống hiến mãnh liệt. Không ước mơ trở thành cái gì quá lớn lao, cao sang, vĩ đại, những điều tác giả mong muốn thật bình dị nhưng đầy ý nghĩa.

- Tác giả muốn hóa thân thành *"con chim"* để góp tiếng ca cho đời, để đem lại niềm vui cho mọi người; muốn hóa thân thành "*cành hoa*" để tô điểm, tô sắc cho vườn hoa mùa xuân muôn hương muôn sắc của đất nước và muốn "*nhập vào hòa ca*" để góp một tiếng nhạc hay cho mai sau. Sau cùng, tác giả mong muốn trở thành “ một nốt trầm »  không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ “*nhập”* vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về. Sự cống hiến ấy lặng lẽ, âm thầm, không phô trương, xa hoa, không câu lệ. Tất cả đều bình dị, nhẹ nhàng. Một ước mơ nhỏ nhoi, giản dị đến vô cùng. Ước nguyện sống ấy vô cùng cao đẹp. - Đại từ “ta” dùng để khẳng định đó không chỉ là tâm niệm riêng của cá nhân nhà thơ mà còn là khát vọng chung cho mọi người, cho dân tộc, cho đất nước. Khát vọng ấy vượt qua tất cả mọi khuôn khổ, giới hạn. Ngay cả khi nằm trên giường bệnh, cái khát vọng cao quý ấy cũng không bị dập tắt. Ta bắt gặp sự đồng điệu giữa tâm hồn thơ Thanh Hải với tâm hồn nhạc sĩ Trương Quốc Khánh – tác giả khúc ca Tự nguyện :

“Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng

Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương

Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm

Là người, tôi sẽ chết cho quê hương”

- Đó là sự gặp gỡ của những tâm hồn nghệ sĩ ý thức được vai trò, trách nhiệm cao cả của mình với quê hương. Khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước, nguyện hi vinh cho sự phồn vinh của đất nước. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

Đây là tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng chân thành và tha thiết.

**Khổ 5:** **Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác**

- Khát vọng, ước nguyện đó đã được đẩy lên cao thành một lẽ sống cao đẹp, không chỉ cho riêng nhà thơ mà cho tất cả mọi người, cho thời đại của chúng ta. Đó là lẽ sống cống hiến cho đời lặng lẽ, khiếm tốn, không kể gì đến tuổi tác:

"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc"

- Lời thơ như tâm tình thiết tha. Một sự sáng tạo độc đáo của nhà thơ khi phát hiện ra được hình ảnh “ *mùa xuân nho nhỏ”.* Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là ẩn dụ cho cuộc đời mỗi con người, mỗi sự cống hiến. Tác giả muốn góp chút công sức nhỏ bé của mình vào mùa xuân lớn của đất nước.

- Từ láy “lặng lẽ”, “nho nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc. Thái độ "lặng lẽ dâng cho đời” nói lên ý nguyện thật khiêm nhường nhưng hết sức bền bỉ và vô cùng đáng quý vì đó là những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời. Thật cảm động làm sao trước ao ước của nhà thơ dẫu đã qua tuổi xuân của cuộc đời, vẫn được làm một mùa xuân nhỏ trong cái mùa xuân lớn lao ấy. Âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến dù ở tuổi tác nào :

“Dù là tuổi hai mươiDù là khi tóc bạc”.

- Lời thơ rắn rỏi . Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Hình ảnh hoán dụ "tuổi hai mươi", và "khi tóc bạc" là ầm thầm cống hiến bất kể khi tuổi trẻ hay lúc về già. Điệp ngữ "dù là" nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước. Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn!

- Như vậy, với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình. Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước, khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. Tâm nguyện này, ta bắt gặp đâu đó trong những vần thơ của Tố Hữu:

“Nếu là con chim, chiếc láThì chim phải hót, chiếc lá phải xanhLẽ nào vay mà không có trảSống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”

**Khổ 5: Lời ca ngợi quê hương đất nước qua làn điệu dân ca Huế ( Khổ cuối)**

- Những câu thơ cuối cùng mang đậm dấu ấn của những làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế. Nó như tiếng tâm tình, thủ thỉ, như tiếng lòng sâu lắng thiết tha, nồng đậm nghĩa tình:

 “Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền đất Huế”.

*- “Nam ai”* và *“Nam bình”* là hai điệu dân ca Huế rất nổi tiếng mấy trăm năm nay. Phách tiền là một nhạc cụ dân tộc để điểm nhịp cho lời ca, tiếng đàn tranh, đàn tam thập lục.

- Câu thơ "*Mùa xuân ta xin hát*" diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu buổi xuân về. Quê hương đất nước trải dài ngàn dặm, chứa chan tình yêu thương.

- Đó là "*ngàn dặm mình", "ngàn dặm tình"* đối với non nước và xứ Huế quê mẹ thân thương! Câu thơ của người con đất Huế quả là "*dịu ngọt".* Có lẽtrong những ngày cuối cùng của cuộc đời, Thanh Hải muốn hát lại hai làn điệu dân ca quen thuộc của quê hương xứ Huế. Bởi lẽ trong những ngày tháng nằm trên giường bệnh, khi bị tử thần rình rập, nhà thơ lại thấy quê hương của mình đẹp hơn, bản sắc quê hương mình cũng đáng tự hào hơn. Đây cũng là cách để nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương, nguồn cội.

**c. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với lời thơ năm chữ nhẹ nhàng, giọng điệu chân thành, tha thiết phù hợp với tâm trạng cảm xúc, cùng với hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ,… Thanh Hải đã gửi đến cho chúng ta một thông điệp đáng quý: mỗi người hãy sống có khát vọng, sống có cống hiến, dù chỉ là phần nhỏ bé của mình vào công cuộc bảo vệ, giữ gìn và dựng xây đất nước.

- Khát vọng sống có cống hiến, dù chỉ là phần nhỏ bé nào phải chỉ có trong thơ Thanh Hải, hay Tố Hữu mà nhà văn Nguyễn Thành Long trong truyện ngắn “ *Lặng lẽ Sa Pa* ” cũng đã khắc họa nên bức chân dung nhân vật anh thanh niên cùng nhiều nhân vật khác. Họ chính là minh chứng sinh động nhất của hình ảnh “ *mùa xuân nho nhỏ ”* mà Thanh Hải gửi gắm đến chúng ta qua bài thơ cuối đời của ông.

**C. Kết bài**

Ba khổ thơ đầu bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” đã đem đến cho người đọc một cảm nhận rất riêng của mùa xuân xứ Huế, mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Ba khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công của tác phẩm, làm lay động trái tim người đọc hôm nay và mai sau. Mỗi lần đọc bài thơ ta càng thêm trân trọng một tâm hồn yêu thiết tha quê hương, đất nước của nhà thơ. Với những giá trị ấy tên tuổi của nhà thơ Thanh Hải cùng bạn đọc.

**ĐỀ 2: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” - HỮU THỈNH**

**A. Mở bài:**

 **Cách 1:** Hữu Thỉnh là một trong những cây bút tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, trưởng thành trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ. Là một nhà thơ quân đội nhưng Hữu Thỉnh rất có duyên nên khi viết về mùa thu. Những trang thơ của Hữu Thỉnh vừa nhẹ nhàng, gần gũi, tinh tế mới lạ, giọng điệu tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh giản dị trong sáng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng. Nên các tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. Bài thơ “ Sang thu” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

**Cách 2**: Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu cũng trở thành đề tài bất tận, nguồn cảm hứng quen thuộc và lâu đời trong các tác phẩm thi ca, nhạc họa. Mùa thu với tiết trời se lạnh, chiếc lá vàng bay dễ khiến lòng người dao động. Vì thế mùa thu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi nhân chắp bút ngợi ca. Vườn thơ thu của dân tộc đã có rất nhiều tác phẩm viết về mùa thu để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên trong đó phải kể đến bài thơ “Sang Thu” của Hữu Thỉnh. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

 **Cách 3**: Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca.Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến, thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và đượm buồn trong thơ Xuân Diệu.Và thật bất ngờ khi ta gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**2. Phân tích bài thơ**

**a. Những tín hiệu giao mùa:**

- “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè vẫn chưa hết mà mùa thu tới có những tín hiệu đầu tiên. Viết về mùa thu các tác giả thường dùng những chất liệu quen thuộc: Sắc vàng của hoa cúc, của lá vàng rơi hay tiếng lá xào xạc của lá ngô đồng, của rặng liễu… Cò riêng Hữu Thỉnh lại đón nhận mùa thu bằng những cảm nhận tinh tế, giản dị:

 *“Bỗng nhận ra hương ổi*

 *Phả vào trong gió se”*

+ Thu của Hữu Thỉnh được bắt đầu bằng một mùi hương quen thuộc phảng phất trong “gió se” - thứ gió khô và se se lạnh, đặc trưng của mùa thu về ở miền Bắc. Đó là “hương ổi” - mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

+ Động từ “Phả” giàu sức gợi cảm, là động từ mạnh diễn tả mùi hương thơm nồng nàn, lan tỏa. Hương ổi “phả” vào trong “gió se” đem đến cho người đọc một sự liên tưởng thú vị: khiến cho hương thơm ấy như sánh lại và đậm đặc hơn. Làn gió heo may đã đưa hương ổi lan tỏa khắp các đường ngõ, thôn xóm. Để rồi ta nhận ra trong gió có mùi thơm hương ổi nồng nàn một tín hiệu rõ nhất báo mùa thơ về.

+ “Hương ổi” gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ. => Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu ( cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết.

=> Kể từ đây tín hiệu chuyển mùa khi thu về không chỉ là sắc lá vàng bay, là hoa cúc vàng nở rộ, là rặng liễu đìu hiu… mà vị sứ giả đầu tiên mang đến mùa thu cho mỗi chúng ta là “hương ổi” một thứ hương quê mộc mạc, dân dã vốn đã rất thân thuộc với mọi người. Ở đây Hữu Thỉnh đã có một hình ảnh, một tứ thơ khá mới mẻ so với thơ văn cổ viết về mùa thu, nhưng lại vô cùng quen thuộc và gần gũi đối với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc mỗi độ thu về.

*Chuyển ý*: Tín hiệu sang thu không chỉ bằng hương ổi, gió se mà còn được gợi ra bằng hình ảnh “sương thu”. Với Hữu Thỉnh sương thu không chỉ đẹp, nhẹ nhàng, mong manh hư ảo mà còn rất con người nó đang ngập ngừng lưu luyến trước bước đi của thời gian:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

 *Hình như thu đã về”*

+ Nhà thơ đã nhân hóa làn sương qua từ láy “chùng chình”. Phép tu từ ấy đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để làn sương mỏng manh ấy như có tâm hồn, có cảm nhận riêng như ai đó đang nửa muốn đi, nửa muốn ở, ngập ngừng vương vấn khi bước chân qua ngưỡng cửa mùa thu. Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ đan xen nhiều cảm xúc.

*\* Liên hệ mở rộng*: Với nhà thơ Nguyễn Du thì mùa thu như khói biếc: *“Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng”.*  Còn nhà thơ Tàn Đà thì sương thu nhẹ nhàng như hơi thở của làn khói: *“ Khói thu xây thành”*

+ Ở đây sương thu của Hữu Thỉnh, không phải là làn sương dày đặc, mịt mù như trong câu ca dao quen thuộc miêu tả cảnh Hồ Tây lúc ban mai *“Mịt mù khói tỏa ngàn sương”,* hay như nhà thơ Quang Dũng đã viết trong bài thơ “Tây Tiến”: *“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”* mà là *“Sương chùng chình qua ngõ*” gợi ra những làn sương mỏng manh, mềm mại, giăng mắc  màn khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

- “Ngõ” ở đây vừa là ngõ thực của làng quê, nhưng cũng có thể là con ngõ thong giữa hay mùa hạ và thu chăng? Tâm trạng sang thu hay tâm trạng con người đang lưu luyến đợi chờ , tiếc nuối một điều gì đó trước ngưỡng cửa thời gian.

=> Như vậy tín hiệu chuyển mùa được tác giả cảm nhận bằng tất cả các giác quan: khứu giác ( hương ổi), xúc giác (gió se) rồi đến thị giác (làn sương), tuy vậy trước những tín hiệu ban đầu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa, cảm xúc của nhà thơ còn mơ hồ chưa rõ ràng. Cảm xúc ấy còn được thể hiện qua từ “bỗng” diễn tả tâm trạng bất ngờ như chưa kịp chuẩn bị. Và từ: *“Hình như thu đã về”.* Câu thơ như lời tự hỏi lòng mình là một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng . Từ “Hình như” là sự phỏng đoán nửa tin, nửa ngờ, một tâm trạng mơ hồ, phân vân, không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá.

=> Câu thơ gợi một chút mơ hồ về thời gian rõ nét đồng thời Hữu Thỉnh đã rất tinh tế thể hiện được những cảm nhận về cảm xúc giao mùa của đất trời, của lòng người một cách ngất ngây và say đắm. Phải là một con người có tâm hồn yêu thiên nhiên tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được những tín hiệu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

**Khổ 2. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

*\* Chuyển ý*: Nếu khổ thơ thứ nhất là những cảm nhận về mùa thu còn mơ hồ, chưa rõ nét thì đến khổ thơ thứ hai bức tranh mùa thu đã được hiện hữu rõ ràng, đậm nét qua dấu ấn đổi thay của cảnh vật.Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

- Dấu ấn bức tranh mùa thu được tác giả cảm nhận qua 3 nét vẽ cụ thể: với những hình ảnh:*“dòng sông”, “cánh chim”, “đám mây ”.*

- Hình ảnh dòng sông được tác giả miêu tả qua từ láy “dềnh dàng” cùng biện pháp nhân hóa giúp người đọc hình dung trạng thái của dòng sông mùa thu khác hẳn với mùa hạ. Nếu mùa hạ song cuồn cuộn trở nặng phù sa, dữ dội bao nhiêu thì đến mùa thu dòng sông ấy lại trở lên hiền hòa. Nó trôi một cách lững lờ, ung dung, thong thả như đang dạo chơi. Hình ảnh dòng sông gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh mùa thu đã đi qua mùa giông bão. Cái “*dềnh dàng”* của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng của con người như chậm lại, như trễ nải, như ngẫm ngợi nghĩ suy về những trải nghiệm trong cuộc đời.

- Đối lập với hình ảnh hiền hòa, chậm chạp, khoan thai của dòng sông là sự vội vàng của những cánh chim. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Chim là động vật vô cùng nhạy cảm, chúng nhận ra trong gió heo may cái se lạnh của mùa thu đang về và mùa đông đang tới. Vậy nên chúng gấp gáp làm tổ, hối hả tha mồi, tất bật chuẩn bị cho những ngày tháng trú đông an toàn nhất hay sự vội vã của một hành trình về phương Nam trú rét. Nhưng cái tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh lại ở từ “ bắt đầu”. Không phải là những cánh chim đang vội vã mà mới chỉ là bắt đầu. Nhận ra quy luật này chắc hẳn Hữu Thỉnh phải là người rất yêu cuộc sống nên mới có tâm hồn nhạy cảm, mới có thể nghe được, thấy được cái vỗ cánh bắt đầu của những cánh chim, cái cựa mình rất nhẹ của thời gian.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Xuân Diệu từng viết:

*“ Không gian như có dây tơ*

*Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tan”*

- Ấn tượng nhất trong bức tranh mùa thu chính là hình ảnh:

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

- Đây là một hình ảnh thơ sang tạo, một liên tưởng độc đáo, chỉ bằng mười con chữ gói gọn trong hai câu thơ mà người đọc có thể hình dung ra một bàu trời trong veo, những đám mây trắng lững lờ trôi, nắng mùa hạ vẫn còn vương lưng trời, hắt ánh vàng lên đám mây mỏng nhẹ. Thiên nhiên hai mùa như đang trộn lẫn, đang giao hòa trong áng mây bay.

- Động từ “vắt” thể hiện thật tài tình tạo ra nhiều lien tưởng giúp người đọc có thể hình dung những đám mây nhẹ trôi bồng bềnh uốn lượn như dải lụa mà ai đó tung lên trời. Cũng có thể gợi cho ta nghĩ đến cây cầu dải yếm hay cầu Ô Thước trong truyện “ Ngưu Lang, Chức Nữ” bắc trên dải ngân hà… Biết bao liên tưởng thú vị được gợi ra từ hình ảnh đám mây đã trở thành nhịp cầu nối liền hai dải thời gian, nối liền hai bờ không gian và thời gian giữa hạ và thu. Bước qua dải cầu mây mềm mại ấy tức là ta đã bước qua mùa hạ sôi động để sang với mùa thu dịu dàng, quyến rũ.

*\* Liên hệ mở rộng:* Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu:

 *“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt”*

 (Nguyễn Khuyến - “Thu điếu”)

*Hay: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”*

 (Huy Cận - “Tràng giang”)

=> Cài tài của Hữu Thỉnh là ông đã lấy cái thời gian siêu hình của sự vật để miêu tả thời gian định tính của vũ trụ. Dòng sông, cánh chim, đám mây đều được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa, thổi hồn vào sự vật làm cho bức tranh thu trở nên hữu tình và thi vị.

**3. Những suy tư,chiêm nghiệm của nhà thơ:**

*\* Chuyển ý:* Nếu ở hai khổ thơ đầu của bài thơ, dấu hiệu mùa thu đã khá rõ ràng trong không gian  và thời gian, sang khổ cuối vẫn theo dòng cảm xúc ấy, tác giả bộc lộ suy ngẫm của mình về con người, về cuộc đời:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đẵ vơi dần cơn mưa*

*-* Bức tranh phong cảnh lúc giao mùa được tác giả gợi tả bằng những hình ảnh quen thuộc. Bằng giác quan nhạy cảm, tinh tế Hữu Thỉnh đã nghe thấy, nhận thấy và đong đếm được những nắng, những mưa, những âm vang của cuộc sống.

- Hàng loạt những phó từ chỉ mức độ giảm dần như vẫn còn “vơi dần, bớt” để nói về trạng thái đặc điểm của thiên nhiên nắng, mưa, sấm khi sang thu.

- Với một hồn thơ bay bổng, một trái tim nhạy cảm, một giác quan tinh tế Hữu Thỉnh đã cảm nhận trên bầu trời thu nắng hạ vẫn còn nhưng không còn gay gắt, chói chang, đổ lửa như nắng mùa hạ. Mưa mùa hạ vẫn còn nhưng sang thu mật độ thưa hơn, nhẹ hơn, nó không dữ dội như những cơn mưa mùa hạ nữa. Chớm thu sấm màu hạ còn theo bước chân mùa hạ đi vào mùa thu nhưng âm vang giảm hẳn. Sang thu con người, vạn vật dường như đã quen dần với tiếng sấm mùa hạ nên không còn bất ngờ và kinh hãi nữa.

- Hai câu thơ cuối bài lắng xuống với nhiều triết lí sâu xa:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứngtuổi”.*

Hai câu thơ vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa tượng trưng:

+ Tả thực: - Sấm là hiện tượng bất thường của tự nhiên

- Hàng cây đứng tuổi là hàng cây cổ thụ sống lâu năm, hang cây ấy đã trải qua nhiều tác động của tự nhiên trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn.

+ Đồng thời câu thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa:

Sấm và hang cây đứng tuổi là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa sâu xa:

+ “Hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đứng tuổi từng trải. Họ trở lên vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.

=> Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ, chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã “đứng tuổi”. Phải chăng, mùa thu đời người là sự khép lại của những thángngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn…trước những chấn độngcủa cuộc đời. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

=> Vậy là “Sang thu” đâu chỉ là sự chuyển giao của đất trời mà còn là sự chuyển giao cuộc đời mỗi con người. Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Chính vì vậy những vần thơ của ông có sức lay động lòng người mãnh liệt hơn.

**3. Đánh giá**

- Bằng biện pháp tu từ nhân hóa, các hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ, bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu,trong sáng nên thơ…ở vùng đông bằng Bắc Bộ để từ đó gửi gắm những suy nghĩ rất sâu sắc về con người và cuộc đời. Đọc “Sang thu”, ta nhận ra ở Hữu Thỉnh là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, là một tâm hồn tinh thế và vô cùng nhạy cảm. Điều đó thật đáng để ta trân trọng.

**C. Kết bài**

 Đã rất nhiều năm trôi qua nhưng đến nay bài thơ “ sang thu” vẫn còn nguyên giá trị. Những khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công ấy cho bài thơ. Bài thơ mang một chút buồn, dịu dàng và lặng lẽ, thiên nhiên và con người cùng một nhịp sang thu. Cảnh thu và tình thu đang lồng vào nhau, thắm thiết và lưu luyến bồi hồi, vừa trang nghiêm, vừa chững chạc. Một mùa thu thật đẹp, lặng lẽ và dịu dàng, gửi gắm vào đó là tình cảm của con người với quê hương, đất nước. Với những giá trị ấy Hữu Thỉnh cùng với “sang thu” sẽ sống mãi trong long bạn đọc hôm nay và mai sau.

**ĐỀ 3**: **PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” - HỮU THỈNH Bài tham khảo 2**

**1. Mở bài**

 Trong kho tàng văn học Việt Nam đã xuất hiện nhiều thi phẩm viết về đề tài mùa thu, thể hiện tình yêu say đắm với thiên nhiên và tấm lòng trĩu nặng với cuộc đời. Ta bắt gặp “*Tiếng thu*” của *Lưu Trọng Lư*, “*Đây mùa thu tới*” của *Xuân Diệu*,chùm *ba bài thơ thu* của *Nguyễn Khuyến*. *Hữu Thỉnh* cũng đóng góp vào kho tàng thơ thu ấy môt thi phẩm đặc sắc: “*Sang thu*”. Bài thơ mở ra trước mắt bạn đọc một không gian thiên nhiên đẹp đẽ giữa sự chuyển mình của thiên nhiên từ hạ sang thu. Hơn thế nữa bài thơ còn thể hiện tâm hồn trong sáng , sự cảm nhận tinh tế nhạy cảm của nhà thơ với một cách thể hiện mới mẻ và độc đáo.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**b. Phân tích thơ**

 - Thiên nhiên là sự ban tặng của trời đất. Chúng đều có một quy luật vận hành mà tất cả vạn vật phải hoạt động theo quy luật ấy. Sự giao mùa là giờ khắc rất thiêng liêng không phải ai cũng cảm nhận được. Bằng tình yêu say đắm với thiên nhiên *Hữu Thỉnh* đã miêu tả bức tranh thiên nhiên đất nước một cách rất nên thơ .

- Mở đầu bài thơ, một cảm hứng ngẫu nhiên đến với tác giả:

 *“ Bỗng nhận ra hương ổi”*

- “ Bỗng” - Một sự ngẫu nhiên, ngỡ ngàng như duyên cớ vô tình. Một hương vị dìu dịu, thoáng qua man mác, hương vị thân quen của mỗi làng quê Việt Nam. Hương ổi gợi cho ta cái vị giòn giòn chua chua nơi đầu lưỡi. Cái hương vị ấy xen lẫn trong làn gió se hơi lành lạnh, tạo cho ta một cảm giác dễ chịu, khoan khoái, một cảm giác yên bình nơi thôn xóm. Động từ “ phả” là một động từ rất đặc biệt.

- Tác giả không dùng “tỏa” hay “ thổi” mà dùng “ phả”. Có lẽ đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Mùa thu như đang chờ đón, đang mong đợi thời gian trôi qua. Để khi thời khắc đến, mùa thu xuất hiện đột ngột và bất ngờ. Tất cả cảnh vật qua lăng kính của nhà thơ được cảm nhận một cách mới mẻ, nhạy cảm bằng tất cả các giác quan của mình. Bằng xúc giác , khứu giác nhà thơ nhận ra *“ Hương ổi phả và trong gió se”.* Bằng thị giác nhà thơ nhận thấy:

 *“Sương chùng chình qua ngõ”*

- Làn sương đầu thu bồng bềnh, nhẹ nhàng trôi trong làn gió se như giăng , như đón con người. Sương chùng chình lặng lẽ lướt qua như bóng dáng quen thuộc của làng quê. Sương như cô gái quê trong tà áo dài e lệ , ngại ngùng. Bức tranh mộc mạc như hiện ra trước mắt người đọc một cái hồn quê trong sáng thân thương .Tất cả dưới ngòi bút của Hữu Thỉnh đều diễn ra một cách hết sức nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng thôi nhưng trong thâm tâm nhà thơ nhận thấy “*Hình như thu đã về”.* Phân vân , bối rối: Thu đã về, mình phải làm sao đây?

 \* Ở khổ thơ thứ hai, tâm hồn nhà thơ như chan hòa cùng thiên nhiên:

 *“ Sông được lúc dềnh dàng*

 *Chim bắt đầu vội vã”*

- Dòng sông ngày ngày vẫn chảy mạnh mẽ, hối hả giữa tiết trời mùa hè, Thì hôm nay, khi mùa thu đến, dòng sông êm đềm, lững lờ trôi, khoan thai chậm rãi. Ngược lại , những đàn chim thì hối hả chuẩn bị hành trang tránh rét. Hai hình ảnh đối lập giữa dòng sông và đàn chim càng làm rõ hơn không gian mùa thu đã về. Mùa thu đã về trải dài trên những nẻo đường , trên từng dòng sông, từng cánh đồng quê hương với cách miêu tả vừa cụ thể mà sinh động .

 Tiếp theo là một hình ảnh nhân hóa rất mới mẻ và độc đáo:

 *“ Có đám mây mùa hạ*

 *Vắt nửa mình sang thu”*

 - Nửa mây mùa hạ còn đây mà nửa kia đã muốn chuyển mùa sang thu. Đám mây không còn đen kịt, báo hiệu một trận mưa giông đữ dội nữa mà nhởn nhơ, lơ lửng từng không vừa như níu kéo mùa hạ, vừa nhùng nhằng muốn bước sang mùa thu. Hình ảnh : “ ***Có đám mây mùa hạ , Vắt nửa mình sang thu***” là một hình ảnh lạ và độc đáo. Vừa tạo cho người đọc cảm giác bâng khuâng, xao xuyến.

 Ở khổ thơ thứ ba, dấu hiệu của mùa thu càng trở nên rõ rệt

 *“ Vẫn còn bao nhiêu nắng*

 *Đã vơi dần cơn mưa*

 *Sấm cũng bớt bất ngờ*

 *Trên hàng cây đứng tuổi”*

 - Thu đã sang, đã sang thật rồi, nhưng dư âm của mùa hạ vẫn còn chưa phai. Nắng vẫn còn nhưng mưa đã giảm. Đây là một thực tế của thời tiết Bắc bộ nước ta. Khi thu sang trời vẫn còn khá nắng cho dù những cơn gió mát đã xoa dịu phần nào. Mặt trời vẫn ngày ngày chiếu rọi những ánh nắng vàng rực rỡ xuống mặt đất như luyến tiếc một mùa hạ đã qua. Và mưa không còn xối xả, dữ dội như mùa hạ, những cơn mưa nhẹ dần và thưa dần. Đó là đặc trưng khí hậu mùa thu xứ Bắc.

 - Kết thúc bài thơ Hữu Thỉnh cho ta thấy một hình ảnh ẩn dụ đầy triết lí của cuộc đời:

 “ *Sấm cũng bớt bất ngờ*

 *Trên hàng cây đứng tuổi”*

- Hai câu thơ vừa đúng với đặc trưng của thiên nhiên vừa là những trải nghiệm đúng đắn của cuộc đời con người . khi cơn mưa vơi dần thì sấm không còn dữ dội nữa. Với những tiếng sấm yếu ớt của mùa thu không làm cho hàng cây , nhất là hàng cây già cổ thụ thấy nguy hiểm , sợ hãi. Những cây cao, bóng cả là nơi trung tâm để sấm sét đánh vào vừa có nghĩa thực , vừa mang nghĩa tượng trưng. Sấm vừa tượng trưng cho những vang động bất thường, những khó khăn , trắc trở của cuộc đời. Face book Nhung Tây 0794862058

- *“Hàng cây đứng tuổi”* là hình ảnh của những con người từng trải , chín chắn. Những khó khăn nguy hiểm thời tuổi trẻ không làm cho họ sợ hãi, nản lòng. Kinh nghiệm và nghị lực giúp họ đứng vững trước những khó khăn , bất trắc của cuộc đời. Thật là một triết lí sâu xa.

 **3. Kết bài**

Chỉ vẻn vẹn có sáu mươi chữ, với ba khổ thơ, với giọng điệu nhẹ nhàng, nhiều hình ảnh lạ và độc đáo, *Hữu Thỉnh* đã cảm nhận bằng cả tâm hồn mình những biến chuyển nhẹ nhàng mà tinh tế của thiên nhiên , trời đất lúc sang thu. Qua bài thơ ta còn thấy cách gieo vần độc đáo, những biện pháp tu từ nhân hóa , ẩn dụ được sử dụng đúng chỗ. Cách dùng từ chính xác mà giàu sức gợi hình, gợi cảm. Chính điều này đã khiến ***Sang thu*** trở thành một tác phẩm không thể quên về mùa thu.

**ĐÊ 4: CẢM NHẬN BỨC TRANH THIÊN NHIÊN QUA HAI KHỔ THƠ SAU:**

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

(Trích "***Mùa xuân nho nhỏ***" - Thanh Hải)

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”*

(Trích "***Sang thu***" - Hữu Thỉnh)

**I. Mở bài**

Thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng vô tận đối với thi sĩ từ xưa đến nay bởi vẻ đẹp gợi cảm và vĩnh hằng của nó. Hình ảnh thiên nhiên luôn được gợi lên với những bức tranh tuyệt đẹp qua biết bao tác phẩm sống mãi với thời gian. Mỗi lần đọc *“Mùa xuân nho nhỏ”* của Thanh Hải và *“Sang Thu”* của Hữu Thỉnh, chúng ta lại bắt gặp những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho cuộc sống. Đặc biệt 2 khổ thơ đầu của bài thơ đã khơi gợi cho người đọc những cảm xúc bâng khuâng xao xuyến của thiên nhiên ở 2 mùa xuân thu:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

(Trích "***Mùa xuân nho nhỏ***" - Thanh Hải)

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”.*

(Trích "***Sang thu***" - Hữu Thỉnh)

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Thanh Hải viết bài thơ *“*Mùa xuân nho nhỏ*”* khi đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh không lâu (1980), bản thân nhà thơ cũng ở tình trạng sức khỏe hiểm nghèo, nhưng cả cuộc đời gắn bó với quê hương xứ sở làm sao không có những cảm xúc lúc đi xa.

- Còn Hữu Thỉnh lúc viết bài “*Sang thu”* thì mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, (1977) nhưng là người từng trải. Vì ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt… nên rất thiết tha cháy bỏng với cuộc sống này.

- Viết về quê hương, đất nước thì mỗi nhà thơ lại có một cảm nhận riêng. Nếu hình ảnh đất nước trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được soi chiếu qua lăng kính mùa xuân thì “Sang thu” của Hữu Thỉnh, quê hương, đất nước lại được soi chiếu qua bức tranh giao mùa cuối hạ sang thu… Thật phong phú, đa dạng mà không kém phần thú vị.

**2. Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ**

**a. Khổ thơ bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải**

Thật vậy,hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên qua cảnh sắc mùa xuân thiên nhiên xứ Huế tinh khôi, trong trẻo, đầy sức sống. Mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước con người:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

- Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hoá đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc : dòng sông xanh, bông hoa tím biếc và chim chiền chiện. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động.

- Từ *“mọc”* đặt ở đầu câu thơ vang lên như một điểm nhấn, một sự phát hiện đầy cảm xúc của nhà thơ. Hai câu thơ đầu vẽ nên một không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông xanh trong chảy hiền hoà.

- Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “*một bông hoa tím biếc”,* một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay hoa súng mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê mà ta từng gặp trong những vần thơ của khác:

*“Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm*

*Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng*

*Hoa lục bình tím cả bờ sông…”*

*(Lê Anh Xụân)*

- Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương- vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự. Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động. Bức tranh xuân còn được điểm xuyết thêm bằng âm thanh rộn rã, tưng bừng của con chim chiền chiện hót vang trời.

- Tiếng hót của chim, đường nét uốn lượn quanh co của con sông, màu tím biếc của bông hoa vẽ  nên  một bức tranh mùa xuân đầy sức sống mãnh liệt trên quê hương tác giả. Trước vẻ đẹp ấy, nhà thơ ngất ngây sung sướng không ngăn được dòng cảm xúc. Những từ cảm thán *“Ơi”, “Hót chi”* vang lên là tiếng lòng nao nức say sưa của nhà thơ khi lần đầu tiên phát hiện vẻ đẹp đơn sơ mà say đắm của cảnh vật quê hương.

*“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

- Cụm từ “*giọt long lanh”* gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên

thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi, giọt hạnh phúc, giọt thời gian rơi qua kẻ lá…Nhưng theo mạch liên tưởng của bài thơ thì *“giọt long lanh”* còn là giọt âm thanh đổ liên hồi của con chim chiền chiện… Hình ảnh có tính chất tượng trưng “*tôi đưa tay tôi hứng*” là thái độ yêu thương, trân trọng của nhà thơ trước vả đẹp của đất trời. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

**b.Khổ thơ bài Sang thu của Hữu Thỉnh**

*\* Chuyển ý:*Tạm rời xa mùa xuân của Thanh Hải ta tìm đến với cái tình non sông đất nước được khơi nguồn từ cảnh sắc thiên nhiên trong bài “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh. Thi sĩ bộc bạch tình yêu đất nước ở nhiều cung bậc.

- Hữu Thỉnh với cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét đã vẽ lại bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ “*Sang Thu*”. *Sang thu* của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu nay ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị.

- Hình ảnh đất nước quê hương còn được nhà thơ phác họa qua phút giao mùa cuối hạ sang thu thật tinh tế và sâu sắc. Bắt đầu từ một khu vườn ngoại ô của vùng đồng bằng Bắc Bộ:

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

- Không phải là sắc *“mơ phai”* của Xuân Diệu hay hình ảnh *“con nai vàng ngơ ngác”* của Lưu Trọng Lư mà là *“hương ổi”* thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ. Hương vị đơn sơ, mộc mạc, đồng nội, rất quen thuộc của quê hương. Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Vì sao tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là “*hương ổi”* mà không phải là các hương vị khác? Mùi hương quê nhà mộc mạc *“phả”* trong gió thoảng bay trong không gian.

- Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng, mà đột ngột quá, thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “*bỗng nhận ra*” - một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm.

- Câu thơ không chỉ tả mà còn gợi liên tưởng đến màu vàng ươm, hương thơm lựng, vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê. Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm. Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vương vấn mà bấy lâu nay con người hờ hững. chính vì sự phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy. Và không chỉ có thế, cả *“sương”* thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thong thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn:

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về.*

- Một hình ảnh đầy ấn tượng. *“Sương”* được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động - một sự vận động chậm rãi. Sương thu đã được nhân hoá, hai chữ *“chùng chình”* diễn tả rất thơ bước đi chầm chậm của mùa thu.

- Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy *“chùng chình”* còn là gợi tâm trạng. Sương *“dềnh dàng*” hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng *“chùng chình”?* Cái *“ngõ”* sương phải chăng là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa? Nhà thơ ngỡ ngàng, sung sướng, có phần giật mình, bối rối “*Hình như thu đã về”*, cảm giác bâng khuâng, xao xuyến, cảm thấy rồi mà sững sờ khó tin. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Hình như thu đã về còn như là một câu thầm hỏi lại mình để có một sự khẳng định.Tâm hồn thi sỹ nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, bâng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu. - Khổ thơ ngắn mà đã để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

**3. Đánh giá**

 - Cả 2 khổ đều được viết theo thể thơ 5 chữ, cô đọng, hàm súc; vận dụng hiệu quả các phép tu từ (đảo ngữ, nhân hóa, ẩn dụ); sử dụng cả những hình ảnh hữu hình (dòng sông, bông hoa, chim chiền chiên, sương) và vô hình (tiếng chim, hương ổi); ngòi bút miêu tả rất mềm mại, tinh tế; hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc.

- Thông qua hai khổ thơ, hai tác giả đã vẽ nên hai bức tranh thiên nhiên thật trong trẻo, bình yên, đẹp đẽ. Điều đó cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của hai nhà thơ. Tuy nhiên hai khổ thơ cũng có những điểm khác biệt. Một khổ viết về mùa xuân, một khổ viết về mùa thu. Rồi thời gian, không gian nghệ thuật trong mỗi văn bản cũng khác nhau: một bức tranh đậm chất xuân xứ Huế, một bức tranh chớm thu - bắt đúng khoảnh khắc giao mùa của vùng quê Bắc Bộ.

- Những vần thơ của Thanh Hải chân thật, bình dị, đôn hậu trong khi sáng tác của Hữu Thỉnh lại tinh tế, triết lí. Cảm xúc của hai thi nhân khi viết hai bài thơ cũng khác nhau: Nhà thơ Thanh Hải thiết tha, say đắm trước cảnh xuân, sắc xuân, ông nâng niu, trân trọng từng tiếng chim trong trẻo. Nếu ta đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời của nó - những ngày cuối đời của nhà thơ, thì ta sẽ càng thêm hiểu những tâm tư này. Còn nhà thơ Hữu Thỉnh, ông ngỡ ngàng, giật mình trước bước đi của thời gian nên còn chưa chắc chắn trước sự hiện hữu của những tín hiệu đầu tiên của mùa thu. Face book Nhung Tây 0974862058

**III. Kết bài**

Hai đoạn thơ là hai bức tranh thiên nhiên đầy cảm hứng. Nếu Thanh Hải cho ta cảm nhận cái rộn ràng của thiên nhiên thì Hữu Thỉnh lại mang đến cái dân dã, mộc mạc, đầy rung cảm và thân quen. Hai đoạn thơ để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

**============================================================**

**ĐỀ 4: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA TRONG BÀI THƠ “NÓI VỚI CON” CỦA Y PHƯƠNG**

**Cách 1:** Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc bài thơ ta cảm nhận được tình cảm thiêng liêng, ấm áp của gia đình và cụ thể hơn đó là tình phụ tử. (Tình cảm ấy được thể hiện rõ nét trong khổ đầu của bài thơ…)

 **Cách 2:** Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đến với bài thơ ( đặc biệt là khổ thơ…) ta hiểu được những lời nhắn nhủ tha thiết của Y Phương với con.

 **B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**- Vị trí đoạn thơ:** Khổ thơ trên nằm ở phần đầu của bài thơ, là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.

**2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương**

**a. Nhắc nhở con về cội nguồn gia đình**

*\* Dẫn dắt:* Cũng như Tô Hoài Y Phương là cây bút của những tâm tình miền núi, thơ ông mộc mạc mà sâu lắng, thâm trầm mà sâu sắc. Đằng sau những cái giản dị ấy ta bao giờ cũng thấy một tâm hồn nóng rẫy cảm xúc, nói cách khác hồn thơ Y Phương “ưa đạm không ưa nồng” . Thơ ông là bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều sắc màu khác nhau, phong phú và đa dạng, mang đậm bản sắc dân tộc.

- Mở đầu bài thơ, là lời người cha nói với con chính là cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con đó là tình gia đình:

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếngcười.*

- Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt, Nhịp điệu lời thơ khoan thai, chậm rãi. Điệp ngữ “một bước”, “hai bước” tạo ra sự chuyển động, cũng là sự lớn lên hàng ngày của đứa trẻ trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.

- Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha. Từ tiếng nói bi bô đến nụ cười hồn nhiên của con yêu đã mang lại niềm hạnh phúc vô bờ bến cho những bậc sinh thành. Một khung cảnh gia đình hạnh phúc êm ấm vô bờ

- Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi, bốn câu thơ mở ra khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

- Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng. Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy.Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói”, “tiếng cười” của cha, của mẹ.Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từngngày.

=> Tình cha mẹ - con cái thiêng liêng, sâu kín, mối dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy

=> Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động sâu sắc đến độc giả.

**b. Nhắc nhở con về cội nguồn quê hương**

*\* Chuyển ý:* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho contrưởng thành.

- Quê hương vốn là một khái niệm vô hình nhưng rất đỗi thân thương. Với mỗi người, quê hương hiện lên với những nét khác nhau. Nếu như với Tế Hanh, quê hương là “*Con sông xanh biếc, nước gương trong soi tóc những hàng tre”,* với Đỗ Trung Quân, *“Quê hương là chum khế ngọt”, “ là con diều biếc”* thì với Y Phương, quê hương chính là người đồng mình, là rừng, là núi:

*Người đồng mình yêu lắm, con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của “người đồng mình”. Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

=> Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “con ơi” khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Câu cảm than bộc lộ niềm xúc động mãnh liệt của người cha khi vỗ về đứa con của quê hương. Đó cũng chính là cách nói của người đồng mình, người quê mình, tiếng nói của người dân đồng bào miền núi, đặc biệt của dân tộc tày luôn gợi lên một sự trìu mến gần gũi thân thương.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự khéo léo trong lao động: *“Đan lờ cài nan hoa - Vách nhà ken câu hát”.* Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Những nan nứa, nan tre dưới bàn tay tài hoa của người quê mình đã trở thành “nan hoa”. Vách nhà không chỉ ken bằng tre, gỗ mà còn được ken bằng những câu hát si, hát lượn.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự lạc quan trong cuộc sống: Họ dựng nhà gỗ, tre, nứaVách nhà không chỉ được ken bằng những vật liệu đó, mà còn được ken bằng những câu hát. Câu thơ “ Vách nhà ken câu hát” gợi người đọc hướng tới một điều trong quá trình lao động dựng nhà, dựng cửa người đồng mình luôn cất cao tiếng hát. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động. Lời thơ không chỉ gợi công việc lao động cần cù tỉ mỉ của dân tộc mình như một dịp khoe đôi bàn tay khéo léo tài hoa, tâm hồn trong sáng, lạc quan yêu đời.

=> Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao?

*\* Chuyển ý*: Quê hương với những con người tài hoa, tâm hồn lãng mạn,cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình.Qua lời của người cha quê hương còn được hiện hữu qua hình ảnh “rừng” và con đường:

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng.*

- Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh *“gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi”,* những bí mật của rừng thiêng… Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh tuý nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực **-** như một đặc điểm của rừng **-** và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một  nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”.

- Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, giành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn vàlối sống.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình”. Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

*\* Chuyển ý:* Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*- “Ngày cưới”* chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. *“Ngày cưới”* là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương*.*

*- “Ngày đầu tiên đẹp nhất”* ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình với con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ, con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hòa vào tình cảm quê hương, đất nước.

 Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đứa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương đã cho con nghĩa tình, đã bao bọc, chở che con ngay từ khi bắt đầu con cất tiếng khóc chào đời. Quê hương và gia đình sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

- Theo nhà thơ Y Phương chia sẻ: Tình cảm của những đôi trai gái, của cha mẹ được nảy nở, bắt nguồn từ tình yêu đối với quê hương, tình yêu đối với cuộc sống lao động. Như vậy, nhà thơ quan niệm: Khi con người sống gắn bó với quê hương, với lao động thì con người sẽ tìm được tình yêu, hạnh phúc.

=> Mạch thơ có sự đan xen, mở rộng: từ tình cảm gia đình mà nói tới quê hương.

=> Đoạn thơ vừa là một lời tâm tình ấm áp, vừa là một lời dặn dò đầy tin cậy của người cha trao gửi tới con.

*\* Liên hệ mở rộng:* Tâm sự với con về tình cảm thiêng liêng đó chắc hẳn nhà thơ muốn nhắn nhủ với con rằng: Con hãy yêu gia đình, yêu quê hương mình đừng bao giờ quên cội nguồn sinh dưỡng đó bởi đúng như nhà thơ Đỗ Trung Quân từng viết:

*“ Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người”*

- Có thể nói tình cảm gia đình, nhất là tình cha con luôn thiêng liêng, là tiền đề là cơ sở cho tình yêu tổ quốc phát triển. Năm 1966 ta đã từng thấm thía tình cha con qua tác phẩm “chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Cái khác biệt ở chỗ Nguyễn Quang Sáng thử thách tình cha con qua bom rơi đạn nổ, qua cái khốc liệt của kháng chiến mà ánh ngời lên “hạt ngọc ẩn náu trong tâm hồn” người cha thì Y Phương lại để thứ tình cảm ấy nhẹ nhàng mà không kém phần nồng ấm. Nhờ đó mà ta thấm thía bài ca quý giá về tình cảm gia đình và tình phụ tử cao quý thiêng liêng. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

**b. Nhắc nhở con về những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình**

- Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương,người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.

**Luận điểm 1: Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước (Giàu ý chí, nghị lực ).**

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Người đồng mình thương lắm con ơi!*

- Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “Thương lắm con ơi”. Nếu trong khổ thơ trên người đồng mình “yêu lắm con ơi” **-** yêu cuộc sống vui tươi bình dị, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tấm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói với con “thương lắm con ơi” **-** bởi sau từ “thương” đó là những  những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương => Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động, mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chi lớn.*

- Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy sự từng trải (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa. Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ. Qua đó ta thấy rằng người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ. Họ nhẫn nhục chịu đựng nỗi buồn dai dẳng của mảnh đất quê hương. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Điều này khẳng định người đồng mình thật can trường, dũng mãnh, không khuất phục trước hoàn cảnh biết vươn lên..

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

**Luận điểm 2: Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.**

*\* Chuyển ý:* Với niềm tự hào về ý chí, nghị lực và truyền thống tốt đẹp của *“ người đồng mình*”, cha mong con luôn sống nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương:

 *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập gềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

- Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ “đá gập gềnh”,“thung nghèo đói” => gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của những người đồng mình

- Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

*\* Chuyển ý*: Đồng thời người cha khuyên con phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống:

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

- Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Người cha khuyên con hãy sống cuộc đời rộng lớn, tự do, khoáng đạt, không thụ động chấp nhận thực tại mà luôn hướng tới tương lai không bao giờ cam chịu cuộc sống nhỏ bé tầm thường. Đã có biết bao nhà thơ, nghệ sĩ viết về vấn đề này.

- Thành ngữ dân gian *“Lên thác xuống ghềnh*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. Cách nói ẩn dụ “*lên thác xuống ghềnh*” kết hợp lời nói mộc mạc thường ngày “*không lo cực nhọc*”, cha khuyên con hãy sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách của cuộc đời, không được chùn bước, nản chí. Nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

=> Cha dặn con điều đầu tiên con phải sống ân nghĩa thủy chung vì đây là nền tảng hình thành nên giá trị một con người.

**Luận điểm 3: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:**

*\* Chuyển ý:* Phẩm chất của những con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

- Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, ngợi ca  những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó.

- Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

- Phẩm chất của con người quê hương được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi. Tuy “*người đồng mình*” không mấy đẹp đẽ ở hình thức *“thô sơ da thịt”* nhưng luôn ẩn chứa một sức mạnh tinh thần lớn lao, không bao giờ nhỏ bé, không bao giờ thôi ước vọng vươn cao. Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058 Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “*thô sơ da thịt*” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương.

  *\* Chuyển ý:* Lời cha giản dị, ân cần trang nghiêm, chắc nịch đã giúp đứa con nhận ra rằng chính nhờ  những “*người đồng mình”* như thế, những con người có ước mơ xây dựng quê hương với những truyền thống, phong tục tốt đẹp:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

- Lối nói của Y Phương đậm ngôn ngữ dân tộc - độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

- Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin.

- Câu thơ đã khái quát về **tinh thần tự tôn dân tộc**, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình. “*Đục đá”* là công việc vô cùng nặng nhọc, đòi hỏi phải bền bỉ, nhẫn nại. *“Đục đá”* vào ý thơ đã trở thành hình ảnh sinh động, gợi cảm. Bởi qua ý thơ, hình ảnh ấy giúp ta hình dung hiện thực người dân lao động miền núi bằng khát vọng và ý chí “*đục đá kê cao quê hương”* đã tôn tạo vẻ đẹp văn hóa của dân tộc với bao thiên tai, bão lũ, bao bọn giặc hung tàn để gìn giữ, bảo vệ quê hương của cả dân tộc. Đó là hình ảnh Sơn Tinh (thời Hùng Vương thứ 18) bốc từng quả đồi…, là hình ảnh anh hùng Núp và dân tộc Ba Na anh em đã quyết tâm không khuất phục giặc Pháp bảo vệ cho vùng đất Chư-Lây thân yêu, làm nên chiến tích lịch sử. Cách mạng hào hùng cho quê hương, đất nước…. Hình dung ra điều ấy, ta mới thấy chi tiết “*đục đá kê cao quê hương”* là một hình ảnh ấn tượng, chứa chan niềm tự hào cao độ của nhà thơ đối với dân tộc thân yêu.

*\* Chuyển ý*: Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

- Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Nhưng hai tiếng“Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình - quê hương đểbước vào một trang đời mới.

- Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường” có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời,tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.

- Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

**=>** Ca ngợi nhữngđức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.

- Nhịp thơ chậm rãi chân thành, nghe như lời nhắn nhủ tha thiết từ trái tim người cha. Một lần nữa người cha khẳng định người đồng mình “*thô sơ da thịt”,* đó là hình ảnh đáng trân quý và tự hào. Hình ảnh của sự vất vả, lam lũ nơi núi rừng bạt ngàn. Hình ảnh khỏe khoắn, rắn rỏi của người dân lao động miền núi. Vẻ ngoài tuy không đẹp, tuy thô sơ, chân chất mộc mạc nhưng người cha nhắn con hãy nhớ, dù đi đâu, con cũng không bao giờ ngừng nuôi chí lớn, hãy luôn tự hào về quê hương dân tộc, hãy sống với khát vọng và đam mê. Người dân quê ta có thể nhỏ bé về vóc dáng, thô sơ về vóc dáng nhưng khí phách, tinh thần thì thật lớn lao. Sự đối lập giữa hình thể và tâm hồn càng khẳng định niềm tự hào về những con người dân tộc miền núi, càng cho thấy được tình yêu thương, tự hào của người cha dành cho quê hương. Câu cuối *“nghe con”* nghe vừa nhẹ nhàng mà vừa dứt khoát như lời nhắn nhủ và khẳng định: trên đường đời, dù con có đi đâu làm gì cũng hãy tự hào về dân tộc, về những con người của núi rừng, luôn mang trong mình khát khao, nghị lực, khí phách lớn lao.

=> Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa, mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin, nghị lực, ý chí vươn lên. Face book Nhung Tây 0974862058

**3. Đánh giá**

Bằng giọng thơ vừa thiết tha, trìu mến vừa trang nghiêm và các hình ảnh thơ cụ thể, chọn lọc, đoạn thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình. Người đồng minh là những người giàu ý chí nghị lực và niềm tin, luôn thủy chung tình nghĩa, phóng khoáng lãng mạn … Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra tình yêu, niềm tự hào và sự gắn bó sâu nặng của nhà thơ với con người quê hương mình. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

**=========================================================**

**ĐỀ 5: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA “NÓI VỚI CON” TRONG ĐOẠN THƠ SAU:**

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.

 Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng.

Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

 *(Nói vơi con*, Y Phương)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

*“Cha là bóng cả ngã che con*

*Là suối tình thương không bao giờ vơi cạn.”*

*(Ca dao)*

Quả thật, nếu tình mẫu tử ngọt ngào và bao la như biển khơi, ôm ấp và vỗ về ta thì tình phụ tử lại càng thiêng liêng và cao cả gấp bội. Đối với người con, hình bóng của cha chính là “*bóng cả”,* là “*suối tình thương*” và là tấm gương sáng cho con noi theo. Chính vì lẽ đó mà tình phụ tử luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho biết bao thi nhân xưa và nay. Trong đó có Y Phương – một nhà thơ dân tộc Tày với tác phẩm mang âm hưởng của miền núi non đại ngàn- “*Nói với con”*. Đọc “*Nói với con”*, em ấn tượng nhất là khổ thơ đầu vì đó là cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người:

**Cách 2:**

Là một nhà thơ dân tộc Tày, những sáng tác của Y Phương luôn hấp dẫn và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bởi ngôn ngữ, hình ảnh thơ mang đậm dấu ấn, lối tư duy của con người vùng cao. Nhắc đến nhà thơ Y Phương, không thể nào không nhắc tới bài thơ *“Nói với con”* - một trong số những sáng tác tiêu biểu viết về tình cảm gia đình. Đặc biệt, khổ thơ thứ nhất của bài thơ đã thể hiện rõ nét và chân thực cội nguồn đã sinh thành và nuôi dưỡng những người con:

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi đất nước đã giành được độc lập và đang trong công cuộc khôi phục, xây dựng và phát triển đất nước, in trong Thơ Việt Nam 1945-1985. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.

**- Chủ đề:** Mượn lời *“Nói với con”,* Y Phương muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người để rồi từ trong những cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha nói với con những đức tính tốt đẹp của người đồng mình và niềm kì vọng về con.

**2. Cảm nhận khổ thơ**

**\* Mở đầu bài thơ là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của con, điều đầu tiên người cha muốn nói tới là tình cảm gia đình. Cái nôi nuôi dưỡng con trưởng thành:**

“Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười”

- Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ. Đó là hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc. Người con được nuôi dưỡng, che chở trong vòng tay ấm áp của cha mẹ. Lời thơ rất đặc biệt. Nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trừu tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm: bước chân chạm tới tiếng cười, tiếng nói.

- Cha nói với con lời đầu tiên đó để nhắc nhở con về tình cảm gia đình ruột thịt về cội nguồn của mỗi người. Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra âm điệu tươi vui, quấn quýt: chân phải, chân trái; một bước, hai bước, tiếng nói, tiếng cười… Y Phương tạo được không khí gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười. Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha. Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng.

- Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy. Cả ngôi nhà như rung lên trong “*tiếng nói”, “tiếng cười”* của cha, của mẹ. Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từng ngày. Vì công lao trời biển mà con phải khắc cốt ghi xương.

- Bốn câu thơ khiến chúng ta liên tưởng đến bài hát “*Nhật Ký của mẹ”* do nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung sáng tác: “*Bao ngày mẹ ngóng, bao ngày mẹ trông, bao ngày mẹ mong con chào đời…”*

- Đó chính là tâm tư, nỗi lòng của những bậc làm cha mẹ, mong ngóng hình hài nhỏ bé từng ngày, hạnh phúc khi thấy con lớn lên từng ngày. Xúc động lắm những tấm chân tình này: “*Cha mẹ thương con vô điều kiện/ Còn xã hội có điều kiện mới thương con”,* đấy là sự thật mà khi trưởng thành chúng ta mới càng thấm.

=>Như vậy, qua phân tích ta thấy gia đình, cha mẹ chính là cội nguồn đầu tiên sinh ra và nuôi dưỡng mỗi đứa con khôn lớn thành người.

**\* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình.** Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho con trưởng thành. Đó là:

*“ Người đồng mình yêu lắm, con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

Rừng cho hoa
 Con đường cho những tấm lòng”

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của người đồng mình. *“Nói với con”* về những “*người đồng mình*”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

- Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “*con ơi”* khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến. Thêm vào đó, tác giả đã sử dụng hàng loạt các hình ảnh giàu sức gợi để làm bật nổi vai trò của quê hương.

- Hình ảnh “*Đan lờ cài nan hoa”* **vừa** tả thực công cụ lao động thô sơ được những con người nơi đây trang trí trở nên đẹp đẽ hơn **vừa** gợi đôi bàn tay khéo léo, cần cù, tài hoa, giàu sáng tạo của họ đã khiến những nan nứa, nan tre vốn đơn giản, thô sơ trở thành những *“nan hoa”.* Còn hình ảnh “*vách nhà ken câu hát”* vừa tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng và gia đình của *“người đồng mình”* khiến cho những vách nhà như được ken dày trong những câu hát, từ đó nó gợi lên một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của những người dân miền cao. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

- Cùng với đó, các động từ *“cài”, “ken”* vừa miêu tả được động tác khéo léo vừa gợi sự gắn bó với nhau của những “*người đồng mình”* trong cuộc sống lao động. Cái *“yêu lắm”* của “*người đồng mình”* là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao? Và, đứa con cũng được trưởng thành trong tình yêu thương đó.

- Song song đó, rừng núi quê hương thơ mộng, nghĩa tình cũng góp phần hun đúc cho người con tinh thần, tình yêu thương để trưởng thành:

"Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng".

 - Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh "*gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi",* những bí mật của rừng thiêng.....Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh *"hoa"* để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất. Hoa trong "*Nói với con*" có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

- Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi *"con đường cho những tấm lòng".*

- Điệp từ *"cho"* mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, dành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

- Bằng cách nhân hoá "*rừng*" và *"con đường"* qua điệp từ "*cho"*, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của "*người đồng mình".* Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

=> Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

 *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

 *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*- “Ngày cưới”* chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. *“Ngày cưới”* là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương*.*

*- “Ngày đầu tiên đẹp nhất”* ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình vơi con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hòa vào tình cảm quê hương, đất nước.

 - Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đứa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời.

**3. Đánh giá, mở rộng**

# - Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị, bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng: vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình, nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản- đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con.

# \* Liên hệ Mở rộng: Nơi ấy là nơi mẹ về sau buổi chợ trưa với vành nón lá nghiêng che :

#  *“Quê hương là cầu tre nhỏ*

#  *Mẹ về nón lá nghiêng che”*

# *(Quê hương - Đỗ Trung Quân)*

# - Là nơi có cha tẩn mẩn gọt từng *“nan tre”* làm cho con cánh diều nhỏ bé :

# *“Quê hương là cánh diều biếc*

#  *Tuổi thơ con thả trên đồng…*

# *Quê hương nếu ai không nhớ*

# *Sẽ không lớn nổi thành người.*

**III. Kết bài**

 Mọi tình cảm tốt đẹp của con người đều được nuôi dưỡng từ những điều bình dị nhất. Trong đó có tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Y Phương đã mượn lời người cha nhắc nhở con về cội nguồn sinh dưỡng cũng là muốn nhắc nhở chúng ta sống ân nghĩa, thủy chung, hướng về nguồn cội. Đoạn thơ đã bồi đắp cho ta thêm về tình yêu gia đình và tình yêu quê hương đất nước. Từ đó tự nhắn nhủ với bản thân mỗi người phải cố gắng rèn luyện và chăm chỉ học tập hơn để xây dựng nước nhà một giàu đẹp và phát triển.

**ĐỀ 91: PHÂN TÍCH BÀI THƠ : “NÓI VỚI CON” CỦA NHÀ THƠ Y PHƯƠNG. ( Bài tham khảo số 2)**

**1. Mở bài**

Tình cảm gia đình, tình yêu đối với quê hương xứ sở là những tình cảm nguyên sơ nhưng cũng thiêng liêng nhất của con người VN. Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng truyền thống của tổ tiên, dân tộc , quê hương là sự thể hiện cụ thể của tình cảm cao đẹp đó. Nhiều nhà thơ đã giãi bày những sắc thái tình cảm ấy lên trang giấy. Chúng ta bắt gặp trong bài thơ Nói với con của tác giả Y Phương những lời tâm tình thiết tha, những lời dặn dò ân cần của người cha đối với con được diễn đạt bằng cách nói mộc mạc, chân chất của người miền núi, bằng những hình ảnh giản dị tưởng như thô ráp nhưng vẫn mang vẻ đẹp tinh khôi của cảnh và tình nơi rừng núi quê hương.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng …

**- Chủ đề:** Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**b. Phân tích thơ**

 - “ *Nói với con”* không phải là một bài thơ dài nhưng những điều nhà thơ muốn diễn tả không phải là nhỏ bé : Lòng yêu thương con cái, ước mong con sẽ tiếp nối truyền thống quý báu, cao đẹp của quê hương. Trong cái “khoảng không dài đó” của những dòng thơ, nhà thơ đã diễn tả tình cảm đó một cách xúc động bằng những hình ảnh cụ thể,mộc mạc mà nói được nhiều điều, đồng thời góp phần làm nên điểm độc đáo cho bài thơ.

- Mở đầu bài thơ, bằng những lời tâm tình với con, Y Phương đã gợi về cội nguồn sinh dưỡng của con. Gia đình và quê hương là cái nôi êm, để từ đó con lớn lên , trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Làm sao con có thể quên được những tháng ngày con còn bé thơ, con đã lớn dần trong vòng tay âu yếm của cha mẹ. Trong sự chăm lo ,cổ vũ của cha mẹ con đã lớn lên từng ngày. Cha mẹ có con, không khí gia đình vui tươi, đầm ấm:

 *Chân phải bước tới cha*

 *Chân trái bước tới mẹ*

 *Một bước chạm tiếng nói*

 *Hai bước tới tiếng cười.*

*-* Thoạt tiên, những câu thơ đầu của bài thơ rất dễ được cho là đang miêu tả một tình huống cụ thể thường gặp trong đời sống: Con tập đi, cha mẹ vây quanh vui mừng, hân hoan theo mỗi bước chân con. Tuy nhiên, đằng sau lối nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát thành một điều lớn hơn: Con lớn lên bằng tình yêu thương, trong sự nâng đón , vỗ về của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với cha và mẹ, những âm thanh sống động vui tươi với tiếng nói , tiếng cười là những biểu hiện của không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, hạnh phúc tràn đầy. Không khí gia đình đầm ấm, thân thương ấy là môt hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con. Đó cũng là yếu tố đầu tiên hình thành nên những phẩm chất tâm hồn mỗi con người. Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây 0794862058

- Bên cạnh những tình cảm gia đình thắm thiết hạnh phúc, quê hương và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, góp phần bồi dưỡng tâm hồn con:

  *“Người đồng mình yêu lắm con ơi*

 *Đan lờ cài nan hoa*

 *Vách nhà ken câu hát”*

- Khi tâm tình với con về cuộc sống lao động của người đồng mình, tác giả đã lựa chọn đưa vào những hình ảnh đẹp đẽ : “ Đan lờ cài nan hoa” và tươi vui: “ Vách nhà ken câu hát”. Những động từ đan, ken, cài bên cạnh giúp người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hòa quyện, quấn quýt của con người và của quê hương, xứ sở. Phải chăng đó chính là nguồn cội nuôi dưỡng tâm hồn con người ?

- Nói đến quê hương cũng là nói đến cảnh quan đặc trưng của nơi con người cụ thể sinh ra và trưởng thành từ đó. Quê hương của người đồng mình với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn với cảnh quan miền núi hiện ra thật thơ mộng :

 *Rừng cho hoa*

 *Con đường cho những tấm lòng*

- Hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn với hình ảnh rất đặc trưng như: Thác, lũ, hay bạt ngàn cây hoặc rộn tiếng rã tiếng chim thú , có khi là những bất trắc, bí ẩn của núi rừng. Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan rừng. Trong tiếng Việt, hoa được hiểu theo những gì đẹp nhất, thơ mộng nhất. Hoa trong “*Nói với con*” có thể là hoa thực, mhư một đặc điểm của rừng và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ đáng quý giá. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “ Con đường cho những tấm lòng” .Vẻ thơ mộng ấy của thiên nhiên, nghĩa tình sâu đậm ấy của những tấm lòng đã che chở, nuôi dưỡng , bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con.

- Kết thúc đoạn thơ bằng hai câu thật hay:

 *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

 *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*

 - Hình bóng người con ngày một lớn lên, cha mẹ ngập tràn hạnh phúc, nhìn thấy con cha mẹ lại nhớ về kỉ niệm ngày cưới, ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời. Và đứa con là kết tinh của tình yêu, hạnh phúc, của những gì đẹp đẽ nhất của người đồng quê, xóm làng. Tình cảm ấy sẽ khởi nguồn cho những tình cảm lớn lao, bền vững hơn như tình yêu đất nước như Xuân Diệu đã từng khái quát: “ Tình yêu Tổ quốc là đỉnh núi bờ sông”. Trong “ *Nói với con*” chỉ vài câu thơ ngắn, vài lời thơ giản dị nhưng đã mở ra những ý tứ sâu xa thâm trầm gần như được nâng lên thành tầm triết lí. Sức mạnh của thơ, quyền năng và sự quyến rũ của thơ là ở đó chăng?

- Suốt cuộc đời từng chiến đấu gian khổ, hi sinh, từng trải của người cha, những năm tháng phải trải qua bao bão táp, sóng gió của cuộc đời mà người cha đã phát hiện ở người đồng mình có biết bao phẩm chất tốt đẹp với cái nhìn đầy tin yêu trân trọng:

  *Người đồng mình thương lắm con ơi*

 *Cao đo nỗi buồn*

 *Xa nuôi chí lớn...*

- Người đồng mình phải chịu mọi điều kiện vất vả, cực nhọc: Những đá, những thung, những thác, những ghềnh là cái đói, cái khó khăn bao vây. Ở đây nhà thơ khéo léo trong cách dùng câu phủ định để khẳng định thái độ không sợ khó khăn, vất vả, cực nhọc của người dân nơi đây. Dù vất vả nhưng mạnh mẽ khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dẫu còn cực nhọc, đói nghèo. Từ đó, người cha mong muốn con phải có nghĩa tình chung thủy với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, bằng niềm tin của mình.

- Không chỉ vậy, người đồng mình còn có những đức tính khác nữa mà người cha rất đỗi tự hào:

 *Người đồng mình thô sơ da thịt*

 *Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

- “ Người đồng mình ” tuy mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và mong ước xây dựng quê hương. Chính những con người như thế, bằng sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày, đã làm nên quê hương với truyền thống, với phong tục tập quán tốt đẹp:

 *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

 *Còn quê hương thì làm phong tục...*

- Gửi trong những lời tự hào không dấu diếm đó, người cha mong ước, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình, có nghĩa chung thủy với quê hương. Không chỉ gửi ước mong của mình đầy tự hào, người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thỉ dặn dò con:

 *Con ơi tuy thô sơ da thịt*

 *Lên đường*

 *Không bao giờ nhỏ bé được*

 *Nghe con !*

 - Với giọng điệu thiết tha, trìu mến , chỉ bằng bốn câu thơ ngắn gọn đã khép lại toàn bài với những lời dặn dò đáng yêu, nhẹ nhàng mà nói được rất nhiều điều của người cha. Song tựu chung lại điều lớn lao nhất mà nhà thơ muốn con ghi nhớ mãi là lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm tin khi bước vào đời. Những lời dặn dò của cha chứng tỏ tình yêu thương trìu mến và niềm tin tưởng của cha đối với con , mong con phải cố gắng thật nhiều. Tình cảm ấy của Y Phương cũng là tình cảm chung của tất cả những người cha, người mẹ trên thế gian này.

**3. Kết bài**

 Bài thơ *Nói với con* của Y Phương góp thêm một tiếng nói yêu thương của cha mẹ đối với con cái cũng như kì vọng lớn lao, mong muốn thế hệ sau sẽ kế tục, phát huy những truyền thống qúy báu của quê hương. Bắng cách diễn đạt mộc mạc “thô sơ”, những hình ảnh cụ thể mà giàu sức khái quát, bài thơ đã thể hiện một cách độc đáo mà cũng thật thấm thía về tình cảm thiết tha mà sâu sắc nhất của con người: Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương xứ sở.

**Đề 6: Một trong những điểm sáng làm nên sức hấp dẫn của chương IV trích hồi kí “Những ngày thơ ấu” - Nguyên Hồng là nhà văn đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một tâm hồn trẻ dại. Em hãy chứng minh)**

**Bài làm mẫu**

 Tuôỉ thơ là cái nôi kỉ niệm vô cùng êm đẹp, tuổi thơ là cánh diều nhỏ vi vu trên bầu trời, chao liệng giữa tầng không với muôn ngàn sắc màu rực rỡ, tuổi thơ là khúc hát ru của bà, của mẹ, là bàn tay mẹ quạt mát lúc trưa hè oi ả… Còn đối với nhà văn Nguyên Hồng, ký ức tuổi thơ lại chính là Mẹ – người quen thuộc và gần gũi nhất. "Những ngày thơ ấu", đó là hồi ký có mang chất tự truyện được ông viết trong khảng lùi thời gian trên mười năm. Chân thực, chân thực đến cùng trong tự kể về mình, đó là giá trị sớm có trong văn Nguyên Hồng, khiến cho Thạch Lam, trong lời tựa sách in năm 1941 đã có thể viết: "Đây là sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại". "Trong lòng mẹ" là đoạn trích đã gây nhiều xúc động mạnh mẽ cho người đọc khi thể hiện gần như trọn vẹn những tình cảm sâu sắc của tình mẫu tử thiêng liêng chất chứa trong từng câu chữ. Face book Nhung tây

Đến với tác phẩm của Nguyên Hồng, người ta không phải là thưởng thức những câu chuyện được dựng xây bằng tưởng tượng mà Nguyên Hồng đã “lôi kéo” con ngưới cùng sống chung với cuộc đời số phận của nhà văn – chứ không còn là nhân vật. Bởi lẽ Những ngày thơ ấu là một phần kỷ niệm được rứt ra trong tuổi thơ cay cực của chính nhà văn. Nó là những trang hồi ký chứa đầy nước mắt, thổn thức xót xa của một trái tim sớm phải nếm vị đắng cuộc đời, thiếu vắng tình thương và luôn khát khao tình yêu của mẹ. Niềm khát khao ấy cháy bỏng, mãnh liệt như muốn phá tung tất cả để tìm đến tình thương, tìm đến người mẹ. Và cũng chính từ tình cảm ấy, người đọc nhận ra ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử. Đó là động lực để giúp những đứa trẻ vượt lên khó khăn, vượt lên hoàn cảnh bất hạnh để tìm đến một tương lai rạng ngời. Đó cũng là nguồn sức mạnh vô hình an ủi và chở che cho những trái tim run rẩy.
Đoạn trích "Trong lòng mẹ" là câu chuyện chân thực và cảm động về một người mẹ đáng thương phải chạy trốn những hủ tục khắt khe của xã hội, những định kiến nghiệt ngã của người đời trói buộc, đọa đày người phụ nữ . Cũng như đó là một tâm hồn nhạy cảm , trong trắng, thơ ngây của một trái tim luôn tôn thờ người mẹ – bé Hồng. Hoà chung những giọt nước mắt nóng hổi của cậu bé là giọt nước mắt cảm thương trước những kỷ niệm sâu sắc tuổi thơ còn buốt nhói trong lòng người đọc để người đọc nhận ra : đó là một phần hình thành nên hồn văn nhân ái Nguyên. Face book Nhung tây Hồng.
 Sinh ra trong gia đình bất hạnh, bé Hồng là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu, lại càng gánh bất hạnh nhiều hơn nữa. Một ông bố nghiện ngập rồi chết mòn chết rục bên bàn đèn thuốc phiện để lại cho người mẹ tất cả những cùng túng của gia đình, cuối cùng phải ly hương kiếm sống. Thế là chỉ còn một mình bé Hồng phải sống với gia đình họ nội, hứng chịu tất cả sự hắt hủi ghẻ lạnh đến cay nghiệt, lắng nghe tất cả những gièm pha về người mẹ đi tha phương cầu thực. Trong những câu chuyện được thêu dệt bởi “bà cô bên chồng”, người mẹ luôn bị khinh khi, chửi mắng thậm tệ nhưng nào ai hiểu rằng nỗi khổ tâm lớn nhất là cảnh xa con? Chỉ mỗi bé Hồng hiểu mẹ và yêu mẹ hơn tất cả. Những dấu ấn thành kiến của xã hội cay nghiệt ghi đậm dấu ấn trong tâm hồn non nớt của bé Hồng, tạo nên những suy nghĩ già trước tuổi nhưng không thể nào xoá được những tình cảm kính yêu tôn thờ người mẹ. Số phận trớ trêu đã diễn ra ngay trong những mối quan hệ gia đình là nỗi bất hạnh của đứa trẻ không được sống trong vòng tay yêu thương chăm sóc của mẹ. Bé Hồng đặt ngay giữa ranh giới của thành kiến và tình thương. Nếu bà cô là hiện thân của một xã hội đầy cổ tục để phê phán, đem đến những định kiến cho chị dâu goá bụa trẻ trung thì bé Hồng lại hiện lên với tất cả tình thương, sự bao dung tha thứ. Thiếu sự nhân ái, độ lượng đã đành, bà cô lại càng ích kỷ nhẫn tâm hơn khi cố tình làm tổn thương tâm hồn thơ trẻ của chính đứa cháu ruột của mình bằng cáh “gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà bị cái tội goá chồng, nợ nần cùng túng quá phải bỏ con cái đi tha phương cầu thực”. Với bé Hồng, trong ký ức hãi hùng kinh khiếp của tuổi thơ , ấn tượng của giọng nói và nụ cười rất kịch là hình ảnh không thể xoá mờ. Ta nhận ra, đàng sau lời nói nhẹ nhàng thản nhiên như không kia là cả một “tâm xà” mù quáng và thù hận. Nhưng dù hàng ngày phải đối mặt với con người độc địa ấy, chú bé Hồng vẫn không “đời nào lòng thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến”. Chỉ một câu nói thôi nhưng chứa đựng một lời khẳng định chắc nịch cho một điều tưởng chừng thật giản dị, tình cảm mẹ con đã là một mối dây bền chặt mà không gì có thề chia cắt được. Face book Nhung tây

 Mặc dù được sống trong một hoàn cảnh vật chất có phần sung sướng hơn những đứa trẻ lang thang không có mái nhà nhưng đối với bé Hồng có lẽ hoàn cảnh ấy lại càng đáng thương hơn. Vốn dĩ đã không nhận đuợc một chút tình thương từ họ hàng, ấy vậy mà tình thương dành cho mẹ lại đang bị người khác tước đoạt mất. Bé Hồng bị bao bọc bởi lòng ganh ghét đố kị, một cuộc sống căng thẳng vây lấy tâm hồn vì luôn phải chịu đựng áp lực từ chính người thân. Nỗi đau đó lại càng đau hơn gấp ngàn lần so với sự thiếu thốn về vật chất. Nhưng dù sống trong hoàn cảnh như vậy, tình cảm bé Hồng đối với mẹ vẫn không hề mai một. Tâm hồn trẻ thơ thánh thiện ấy đáng quí biết dường nào! Vẫn là một đứa trẻ vô tư, nhưng bé Hồng đã già trước tuổi khi biết căm tức thành kiến tàn ác, quyết tâm bảo vệ mẹ đến cùng, cố chống lại sự xạm nhập của những tư tưởng xấu xa. Nhưng trong những hành động ấy là cả một tâm hồn hiếu thảo có sự đứng đắn của người đàn ông thực thụ muốn che chở cho người mình yêu thương và cả sự dễ thương của tâm hồn thơ trẻ không muốn cho ai bắt nạt mẹ mình.
Tuy vậy, dưới sự tra tấn về mặt tinh thần quá nặng nề, những lời nói độc ác vẫn tuôn ra không ngớt, sức chịu đựng của một đứa trẻ cũng chỉ có hạn mà thôi nên bà cô đã đạt được mục đích của mình khi xoáy sâu vào lòng đứa cháu trai những vết thương lòng. Giọt nước mắt tủi buồn “ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và cổ” là giọt nước mắt mang đầy mặc cả m thân phận của tâm hồn tinh tế, dễ tủi thân và giàu xúc động. Lời văn mô tả vào diễn biến tâm trạng bé Hồng một cách cụ thể từ một nụ cười tin tưởng thơ ngây cho đến cười dài trong tiếng khóc. Khoảnh khắc hứng chịu lời xỉa xói của bà cô thay cho mẹ đau đớn đến quặn lòng: “Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất, lòng tôi thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay”. Giọt nước mắt nóng hổi trên gương mặt kia đã đánh động lòng trắc ẩn trong tâm tư người đọc. Rồi tiếng cười dài bật ra trong tiếng khóc nức nở đã vỡ bung những xúc cảm đè nén bấy lâu để sau đó lại “nghẹn ứ khóc không ra tiếng”. Đây là đỉnh cao trong tâm trạng, sự phẫn nộ lên đến tột bậc để hiện ra nguyên vẹn là tình cảm chân thực dành cho mẹ không hề giấu giếm.
“Mợ ơi… mợ ơi… mợ ơi!”, tiếng gọi thống thiết của bé Hồng đã khuấy động cả không gian. Tiếng kêu vội vã, kéo dài mà mơ hồ có một sự sợ hãi đã diễn giải đầy đủ những khát khao trong tâm hồn đứa trẻ thiếu thốn tình thương. Thật xúc động biết bao trước giây phút lo lắng hồi hộp khi sợ nhận nhầm người mà mình gọi là “mợ”. Điều đó lại càng khẳng định cho niềm mong mỏi được gặp mẹ của bé Hồng. Bởi không phải những xúc cảm mãnh liệt thôi thúc thì tiếng nói cất lên sẽ rất e dè ,thận trọng, thậm chí không dám cất lên khi chưa chắc chắn. Nhưng dẫu cho có sự mơ hồ, tình mẫu tử thiêng liêng, nỗi nhớ nhung khắc khoải trong bao năm xa cách, tiếng gọi đã vang lên đến độ đã níu kéo được chân người, xé toạc không gian. Nhưng sự “ngờ ngợ” ấy đã không còn mơ hồ nữa, khi người thiếu phụ dừng xe lại và bé Hồng nhận ra đích thị là mẹ. Người mẹ trở về trong niềm vui, hân hoan và hạnh phúc của đứa con trai bé bỏng. Lần nữa, bé Hồng lại cất tiếng khóc khi được đón nhận sự chở che, thương yêu, bảo bọc: “Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở”. Nếu những lần trước là tiếng khóc kìm nén, những giõt nước mắt rưng rưng không tràn ra được thì giờ đây lại là những tiếng nức nở làm vơi đi nỗi uất ức, tủi cực trong lòng. Tiếng khóc vang vọng hơn không còn chất chứa nỗi niềm xót xa mà tràn trề niềm hạnh phúc. Giọt nước mắt hôm nay hoà chung giữa hai con người, là sự oà vỡ của cả hai tâm hồn mẹ con làm nên tình mẫu tử. Face book Nhung tây

 Hình ảnh người mẹ được diễn tả bằng những nét tươi tắn sinh động trong đôi mắt nhìn của đứa con, mẹ vẫn đẹp một cách lạ lùng. Vẻ đẹp ấy không cần rực rỡ mà nó chỉ giản dị và vô cùng thân thương. Bởi trong cái nhìn của bé Hồng bằng tất cả sự xúc động và tình thương vô bờ bến thì mẹ bao giờ chẳng là người đẹp nhất! Từ đó, gợi đến niềm ước mơ mà bất kỳ đứa con nào cũng khát khao khi đứng trước mẹ “Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy mẹ có một êm dịu vô cùng”

Dường như ,đoạn văn đã ắp đầy những cảm xúc êm ái lan toả toàn bộ không gian và thời gian. Phút giây gặp gỡ ấy như ngưng đọng mãi niềm hạnh phúc trong trái tim nhân vật cũng như người đọc. Face book Nhung tây

 Không giống như mợ Du hay Huệ Chi trước lễ cưới kết thúc là một cái chết khiến người đọc đau đớn đến sửng sốt, mặc dù vẫn là những cảm xúc về mẹ nhưng ở đây lại là một kết cục có hậu như là sự bù đắp cho tâm hồn thánh thiện của người con hiếu thảo.
Cảnh đời thực của những số phận con người, đặc biệt là người phụ nữ vẫn còn bị ràng buộc bởi hủ tục phong kiến khắt khe đã được ghi lại đầy đủ đậm nét bằng những trang hồi ký nóng hổi niềm thương cảm của chính tác giả. Nhằm phản ánh một xã hội bất công, dồng thời lên tiếng bảo vệ cho con người bất hạnh, tác phẩm đã thể hiện một tinh thần nhân đạo cao cả. Gắn với tình cảm chân thành của nhà văn là sự chuyển tải nỗi xúc động trong từng câu chữ hình ảnh đã khắc hoạ sâu sắc giá trị tình cảm thiêng liêng trong gia đình: tình mẫu tử. Trong lòng mẹ cũng là tiêu biểu cho phong cách “văn nóng” của Nguyên Hồng.

 Có những tình cảm dễ dàng đổ vỡ trước chông gai nhưng tình mẫu tử thiêng liêng của bé Hồng đã không hề suy xuyển. Đó cũng là sự nhắc nhở cho mỗi con người phải biết thương yêu kính trọng mẹ với tất cả tình cảm của mình. Có những tác phẩm đã mau chóng bị lãng quên nhưng giá trị "Trong lòng mẹ" cũng như "Những ngày thơ ấu"sẽ mãi mãi trường tồn bởi nó không những chứa đựng một tình cảm nhân đạo sâu sắc mà còn là một triết lí về giá trị tình cảm gia đình, thấm đượm chất thơ giữa cuộc đời nhiều cay cực.

**ĐỀ 7: CẢM NHẬN VỀ TRUYỆN CÔ BÉ BÁN DIÊM**

 Ai đã từng đọc Cô bé bán diêm của nhà văn Đan Mạch An-đéc-xen hẳn sẽ không thể nào quên những ánh lửa diêm nhỏ nhoi bùng lên giữa đêm giao thừa giá rét gắn với một thế giới mộng tưởng thật đẹp của cô bé nghèo khổ. Kết cục câu chuyện thật buồn nhưng sức ám ảnh của những giấc mơ tuyệt đẹp vẫn ắp đầy tâm trí người đọc, người nghe qua những lời kể và sự miêu tả rất cuốn hút của An-đéc-xen. Trong bóng tối và cái rét cắt thịt da của xứ sở Đan Mạch, ta như nhìn thấy rõ một cô bé đôi môi tím tái, bụng đói cồn cào đang lần từng bước chân trần trên hè phố. Một cô bé mồ côi khốn khổ, không dám về nhà vì chưa bán được bao diêm nào thì sẽ bị cha đánh. Nhà văn đã tạo ra cảm giác thật sống động khi ông nhập vào những khoảnh khắc tâm trạng của cô bé.  Ấn tượng đậm nét đầu tiên khơi lên mối cảm thương chính là hình ảnh cô bé như lọt thỏm giữa cái mênh mông của bóng đêm vào thời khắc sắp giao thừa. Khi “mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay”, cô bé đã hồi tưởng lại quá khứ tươi đẹp khi bà nội hiền hậu còn sống. Ngôi nhà xinh xắn với những dây trường xuân trong những ngày đầm ấm tương phản với thực tại cuộc sống của hai cha con trong một xó tối tăm, sự nghèo khổ kéo theo những lời mắng nhiếc chửi rủa của người cha khi gia sản đã tiêu tán. Để nguôi cảm giác lạnh, em đã “ngồi nép trong một góc tường”, “thu đôi chân vào người” nhưng có lẽ chính nỗi sợ hãi còn mạnh hơn giá rét đã khiến em “càng thấy rét buốt hơn”. Em không thể về vì biết “nhất định cha em sẽ đánh em”. “Ở nhà cũng rét thế thôi”, điều đáng sợ nhất đối với cô bé không phải là thiếu hơi ấm mà là thiếu tình thương. Thật đáng thương khi thân hình bé nhỏ của em phải chống chọi vô vọng với cảm giác giá buốt bên ngoài và cái lạnh từ trong trái tim khiến “đôi bàn tay em đã cứng đờ ra”. Lúc ấy, em chỉ ao ước một điều thật nhỏ nhoi: “Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?” nhưng dường như em cũng không đủ can đảm vì làm như vậy em sẽ làm hỏng một bao diêm không bán được. Nhưng rồi cô bé ấy cũng “đánh liều quẹt một que”, để bắt đầu cho một hành trình mộng tưởng vượt lên thực tại khắc nghiệt. Giấc mơ của em bắt đầu từ lúc nhìn vào ngọn lửa: “lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt”. Ánh sáng ấy đã lấn át đi cảm giác của bóng tối mênh mông, để hiện lên hình ảnh “một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng”. Niềm vui thích của em đến trong ảo giác “lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng”. Đó là ước mơ thật đơn giản trong khi thực tế lại phũ phàng “tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút… trong đêm đông rét buốt”. Ước ao được ngồi hàng giờ “trước một lò sưởi” cũng biến tan khi “lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất”. Khoảnh khắc em “bần thần cả người” khi hình dung ra những lời mắng chửi của cha khiến ta phải nao lòng. Bóng tối lại phủ lên màu u ám trong tâm hồn em. Có lẽ vì vậy, nhà văn đã để em tiếp tục thắp lên que diêm thứ hai, thắp lên niềm vui nhỏ nhoi dù chỉ là trong mộng tưởng. Không chỉ phải chống chọi với cái rét, cô bé còn phải cầm cự với cơn đói khi cả ngày chưa có miếng nào vào bụng. Bởi thế, ánh sáng rực lên của ngọn lửa diêm đã biến bức tường xám xịt thành “tấm rèm bằng vải màu”. Cái hạnh phúc trong những ngôi nhà ấm áp đã đến với em, khi em nhìn thấy : “Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay”. Giá như tất cả những hình ảnh tưởng tượng biến thành hiện thực thì em sẽ vui sướng biết bao, khi “ngỗng nhảy ra khỏi đĩa” sẽ mang đến cho em bữa ăn thịnh soạn để vượt lên phút đói lả người. Nhưng một lần nữa, ảo ảnh lại vụt biến, em lại phải đối mặt với “phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xoá, gió bấc vi vu”. Không những thế, em còn chứng kiến sự thờ ơ ghẻ lạnh của những người qua đường, hình ảnh tương phản được nhà văn khắc họa làm ta nhói đau trước em bé bất hạnh.Và một lần nữa, que diêm tiếp theo lại sáng bừng lên, để em được sống trong những giấc mơ đẹp nhất của một em bé. Trong một cuộc sống phải từng phút từng giây vật lộn mưu sinh, em đã phải từ giã những niềm vui được đùa chơi của con trẻ. Ánh sáng từ que diêm đã toả ra vầng hào quang lộng lẫy, cho em “một cây thông Nô-en”, như đem đến cho em một thiên đường của tuổi thơ: “Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong tủ hàng”. Điều trớ trêu nghiệt ngã là tất cả những hình ảnh tươi đẹp ấy em chỉ kịp nhìn nhưng không thể chạm tay vào, bởi lẽ tất cả chỉ là ảo ảnh, như những ngôi sao trên trời mà em không thể với tới. Trái tim ta như nghẹn lại cùng lời kể của nhà văn, bởi lẽ em bé đang dần kiệt sức và sắp phải gục ngã trước cái lạnh chết người của xứ sở bà chúa Tuyết.

 Trong giây phút cuối cùng của đời em, có lẽ nhà văn không muốn người đọc phải chứng kiến một cái chết thảm thương vì rét, vì đói, vì thiếu tình thương và niềm vui trong cuộc đời khốn khổ của cô bé, nên đã cho em rất nhiều ánh lửa và niềm vui được gặp lại bà nội hiền hậu mà em rất mực kính yêu. Hình ảnh bà hiện lên trong những phút cuối cùng của em bé không hẳn là ảo ảnh mà chính là sự thực đã được nhìn qua tâm hồn thánh thiện của em. Bà em hiện ra với nụ cười như ban cho em diễm phúc được sống lại quãng đời ấm áp đầy tình thương thuở trước. Tiếng reo của em khi gặp lại bà cũng những lời cầu xin ngây thơ là tiếng nói cuối cùng của một người sắp giã từ trần thế. Em được sống với niềm vui trọn vẹn của riêng mình nhưng chúng ta có lẽ khó ai cầm được dòng nước mắt: “Dạo ấy, bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi! Cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.”. Trong lời tâm sự ấy, ta hiểu được sự thực về cuộc đời nghiệt ngã và bất công mà em đang hứng chịu. Điều em cần chính là tình thương thật sự trong một thế giới bao dung và nhân hậu. Bởi thế, cái chết đối với em không còn là một điều đáng sợ. Em được về với bà, đến một thế giới khác “chẳng còn đói rét, buồn đau nào đe doạ”. Nhà văn đã để chính đôi tay bé nhỏ của em thắp lên Ánh sáng – “diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày” – để em được thấy bà em “to lớn và đẹp lão” đến đón em cùng bay vào thế giới ước mơ trong ánh sáng huy hoàng xua hết tối tăm đè nặng cuộc đời em.

 Câu chuyện kết thúc. Ngày mới lại bắt đầu, “mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt”. Sự sống vẫn tiếp diễn, mọi người đón “ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm”, nhìn em để buông ra lời nhận xét thờ ơ: “chắc nó muốn sưởi cho ấm”. Không ai được biết những cái kỳ diệu em đã trông thấy, chỉ duy nhất một người chứng kiến được “cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”, đó chính là nhà văn. Ông đã cúi xuống nỗi đau của một em bé bất hạnh, kể cho ta nghe câu chuyện cảm động này bằng tất cả tình yêu thương vô bờ bến đối với trẻ thơ và những con người nghèo khổ. An-đéc-xen đã cất lên tiếng nói cảnh tỉnh những trái tim đông cứng như băng giá, gửi bức thông điệp của tình thương đến với mọi người.

**Đề 8: Ông đồ của Vũ Đình liên chính là cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn. Em hãy chứng minh**

Theo dòng thời gian bất tận, mọi thứ sẽ lui vào dĩ vãng mịt mờ, để lại cho con người bao nỗi niềm tiếc nuối. Nhất là khi những vẻ đẹp tài hoa một thời chỉ còn vang bóng. Cũng bắt nguồn từ cảm hứng ấy, bài thơ Ông Đồ thể hiện một hoài niệm day dứt, thương cảm cho một giá trị tinh thần sắp tàn lụi. Bài thơ là tấm gương phản chiếu cho hồn thơ giàu lòng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên.

Được ra đời trong phong trào Thơ mới, nhưng bài thơ thoát khỏi hai trục cảm xúc chính thời bấy giờ là tình yêu và thiên nhiên. Trong lúc những nhà thơ lãng mạn đang chìm đắm trong cái tôi cá nhân, muốn vẽ nên hiện thực mà họ muốn có, say sưa trong mộng ảo thì Vũ Đình Liên – một trí thức tây học trong lúc sững người, ngoảnh đầu quay lại phía sau đãø bất chợt nhận ra “cái di tích tiều tuỵ, đáng thương của một thời”. Ông đồ – hình ảnh cuối cùng của nền Nho học đã từng tồn tại trong suốt một ngàn năm phong kiến Việt Nam.

Sự trượt dốc của nền Nho học đã kéo theo cả một lớp người trở thành nạn nhân đau khổ. Ông đồ của Vũ Đình Liên là một chứng tích cho một vẻ đẹp không bao giờ trở lại. Là hình ảnh đã ăn sâu vào tiềm thức mọi người và vì thế chưa mất đi hoàn toàn, nhất là đối với những con người có tâm trạng hoài niệm cho vẻ đẹp quá khứ như Vũ Đình Liên. Khi mà chữ nghĩa thánh hiền cao quý không còn vị trí, phải ra tận vỉa hè, đường phố, đã trở thành một món hàng… con người ta mới thảng thốt, giật mình, xót xa cho ánh hào quang rực rỡ một thời.Tâm sự ấy đã được thể hiện trong bài thơ tạo nên sự giao thoa đồng cảm giữa nhân vật trữ tình và chủ thể trữ tình:

*“Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua.”*

Ở đó là những hình ảnh, ấn tượng đã hằn sâu trong kí ức của chàng thanh niên còn rất trẻ. Là sự tuần hoàn của hoa đào, của ông đồ, của mực tàu, giấy đỏ tạo nên một nét riêng thiêng liêng của không gian văn hoá dân tộc khi Tết đến, xuân về. Nhưng ta không khỏi chạnh lòng trước cảnh ông đồ phải sống lay lắt trên con đường mưu sinh của mình. Vẻ già nua đáng thương hay là đạo học sắp suy tàn? Trớ trêu thay, nơi ông có thể níu giữ vẻ đẹp văn hoá, nơi ông có thể kiếm sống lại là “bên phố đông người qua”. Hình bóng lẻ loi, cô độc của con người như bất lực trước hiện thực phũ phàng. Trong dòng đời hối hả trôi, hiện lên hình ảnh ông đồ đang gò trên từng con chữ tài năng và tâm huyết của một đời người ngay giữa chợ đời:

*“ Bao nhiêu người thuê viêt*

 *…….Như phượng múa rồng bay”*

 Đó là dư vang của một thời, nhưng cũng là hình ảnh đáng buồn trong sự chống chọi vô vọng,như một ánh nắng cuối ngày rực rỡ, bùng lên khi ngày đã sắp tàn. Cái cảnh xúm xít, chen lấn để mua một câu đối, một đôi chữ Nho mới đau đớn làm sao. Trong từng người ấy, có ai thật sự cảm thấy xót xa cho sự xuống cấp thảm hại của chữ Thánh Hiền – một giá trị tinh thần được đặt xuống ngang hàng với giá trị vật chất?Dẫu rằng sự hiện hữu của ông đồ góp thêm nét đẹp truyền thống ấm cúng, trang trọng cho ngày Tết và nét chữ “như phượng múa rồng bay” kia cố níu kéo lấy chút thể diện cuối cùng, được mọi người thán phục, ngưỡng mộ nhưng tránh sao khỏi cảm giác bẽ bàng, sượng sùng? Nhưng cái danh dự còn sót lại nhỏ nhoi ấy cũng đâu tồn tại mãi, nó vẫn bị thời gian khắc nghiệt vùi lấp không thương tiếc:

 *“Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

 *…Mực đọng trong nghiên sầu”*

 Khổ thơ là một sự hụt hẫng trong ánh mắt kiếm tìm: “Người thuê viết nay đâu?”, là nhịp thời gian khắc khoải đến đau lòng: “mỗi năm mỗi vắng”. Sự tàn lụi của nền văn hoá Nho học là một điều tất yếu, cái mới sẽ thay thế cái cũ, ánh hào quang nào trước sau cũng dần một tắt, bị lãng quên, thờ ơ trong dòng đời vất vả với những kế mưu sinh, nhưng hiện thực phũ phàng cũng khiến cho lớp hậu sinh như Vũ Đình Liên không khỏi ái ngại, tiếc thương khi trước mặt mình là một cảnh vật hoang vắng, đượm buồn. Trong sắc phai bẽ bàng của giấy, sự kết đọng lạnh lòng của mực tự thân nó đã dâng lên một nỗi buồn tủi. Là ngoại cảnh nhưng cũng là tâm cảnh, một nỗi buồn thắm thía, khiến cho những vật vô tri vô giác cũng nhuốm sầu như chủ nhân của chúng “một mình mình biết, một mình mình buồn”, “trĩu nặng những ưu tư, xót xa trước thời thế đổi thay”. Và càng đáng buồn hơn, đến khổ thơ thứ tư thì còn lại cái hình ảnh của ông đồ lặng lẽ, cô đơn giữa quang cảnh lạnh lẽo:

 *“Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*…Ngoài trời mưa bụi bay.”*

 Bằng hi vọng mong manh còn lại, chút gắng gỏi vì miếng cơm manh áo,ông đồ vẫn kiên nhẫn ngồi đợi. Nhưng đáp lại sự đợi chờ vô vọng đó là những dáng tấp nập qua lại của mọi người, hờ hững, quên đi sự hiện diện của ông. Giữa cái ồn ào, náo động xung quanh là bóng dáng cô độc của ông đồ. Sự đối lập giữa ông đồ và cuộc sống tất bật khiến nhà thơ ngậm ngùi thương cảm. Giữa không gian đông người ấy, ông đồ vẫn ngồi, bóng dáng trầm tư có khác chăng Nguyễn Khuyến trước kia “tựa gối ôm cần lâu chẳng được”. Từng đợt lá vàng rơi xuống đường, rơi trên giấy cùng ánh mắt thẫn thờ như ngơ ngác trông ra màn mưa bụi mịt mờ thật ám ảnh, khiến cho con người dâng lên bao nỗi xót xa, đánh động vào lương tri của mỗi người. Không gian hoang vắng đến thê lương. Bất chợt tôi lại nghĩ đến câu thơ của Yến Lan trong Bến My Lăng: “Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách”. “Lá vàng rơi trên giấy” cũng gợi ra cái không gian thấm đẫm nỗi buồn. “lá vàng rơi”, cũng như số phận hẩm hiu của ông đồ đã đến hồi kết thúc.

 *“Năm nay đào lại nở*

*…Hồn ở đâu bây giờ?”*

Thực sự đến giờ bài thơ “chứa đựng cả một hệ vấn đề: bi kịch của sự gặp gỡ Đông và Tây, sự suy vong và cáo chung của một thời đại, sự biến mất vĩnh viễn của một lớp người”. Vòng tuần hoàn của đất trời vẫn tiếp tục, nhưng bóng dáng của ônd đồ không còn nữa. Cảnh đấy, còn người ở đâu? Hoa đào kia như một biểu tượng của dòng thời gian, của tạo hoá. Cái còn, cái mất ám ảnh trong tâm trí mọi người. Ở đó là một niềm nhớ thương vời vợi:

*“Những người muôn năm cũ,*

*Hồn ở đâu bây giờ”*

 Khi bóng dáng ông đồ không còn, liệu nét chữ – “hồn” của ông – còn chăng? Những tinh hoa của giá trị tinh thần đã hoàn toàn mất hẳn? “Những người muôn năm cũ” là ông đồ, là người thuê viết hay chính là thế hệ của lớp người mới trong đó có chính nhà thơ? Dẫu là ai, câu thơ vẫn gợi lên một niềm ray rứt, ngậm ngùi. Mạch đồng cảm của người xưa và người nay được nối liền: Sự chán ngán cùng cực của ông đồ và nỗi lòng ân hận, tiếc nuối của lớp hậu sinh đã vô tình lãng quên thế hệ cha ông.Hỏi để đánh thức dậy trong tiềm thức sâu xa của mỗi người dân Việt những nỗi niềm vọng tưởng, đánh thức dậy nỗi ân hận, day dứt nhưng cũng đồng thời nhắc nhở mọi người đừng quên lãng đi quá khứ, lãng quên đi lòng yêu nước và văn hoá dân tộc. Bởi lẽ, đó cũng là hồn nước, hồn thiêng sông núi, là quốc hồn quốc tuý. Đánh mất đi hồn dân tộc có khác chi là mất nước?

 Và có lẽ, Vũ Đình Liên không đến nỗi bảo thủ khư khư mực tàu giấy đỏ mà quan trọng hơn đó là tình cảm gắn bó và trân trọng một lớp người tài hoa, đáng kính của nhà thơ. Để rồi, trong tâm hồn ta bất chợt một lúc nào đó lại vọng về tiếng bà ru cùng tiếng đua nôi kẽo kẹt:

*“Chẳng ham ruộng cả ao liền*

*Chỉ ham cái bút, cái nghiên anh đồ.”*

**Đề 9: Nhận xét về bài thơ “ Ông đồ”, có ý kiến cho rằng: “ Bài thơ đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm thương cảm chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ, người xưa của nhà thơ”.**

Vũ Đình Liên là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của Phong trào Thơ mới.Thơ ông có hai nguồn cảm hứng chính là lòng thương người và niềm hoài cổ. Bài thơ “ Ông đồ” là bài thơ tiêu biểu của nhà thơ. Nhận xét về bài thơ này, có ý kiến cho rằng “*Bài thơ đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm thương cảm chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ, người xưa của nhà thơ*”.

Bài thơ “ Ông đồ” được sáng tác trong bối cảnh những năm đầu thế kỉ XX, nền Hán học và chữ Nho mất dần vị thế quan trọng trong đời sống văn hóa VN. Chế độ khoa cử phong kiến bị bãi bỏ và các nhà nho từ chố là trung tâm của đời sống văn hóa dân tộc, được cả XH tôn vinh bỗng trở lên lạc lõng trong thời đại mới, bị XH bỏ quên và cuối cùng là vắng bóng. Vũ Đình Liên viết “ ông đồ” thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

***Trước tiên, bài thơ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ***. Để làm nổi bật được tình cảnh ấy, nhà thơ Vũ Đình Liên đã xây dựng được hai cảnh tượng đối lập của ông đồ ở hai thời kì. Đó là thời đắc ý và thời suy tàn của ông đồ.

Khổ thơ đầu là hình ảnh ông đồ thời đắc ý:

*“Mỗi năm hoa đào nở*
*…………..*
*Như phượng múa, rồng bay”*

“Mỗi năm …lại thấy” – dường như hình ảnh ông đồ xuất hiện viết câu đối đã trở thành một phần không thể thiếu khi Tết đến xuân về. Cùng với hoa đào rực rỡ, ông đồ già “ bày mực tàu giấy đỏ” đã trở thành tín hiệu, thành sứ giả của mùa xuân. Khi ông đồ xuống phố cùng với giấy đỏ nghiên mực thì cả góc phố như đông vui, tấp nập, rực rỡ sắc màu, ấm áp hẳn lên. Nhịp thơ ở hai khổ thơ này nhanh, giọng thơ khỏe, hân hoan, Vũ Đình Liên như mời gọi mọi người xuống phố, đến bên ông đồ để cùng chờ đợi, háo hức. Dòng người đông đúc đều quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết chữ của ông đồ:*Bao nhiêu người thuê viết/Tấm tắc ngợi khen tài).* Nghệ thuật so sánh và thành ngữ “Như phượng múa rồng bay” làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng,… Giữa vòng người đón đợi, ông đồ như một nghệ sĩ say sưa sáng tạo, trổ hết tài năng, tâm huyết của mình. Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, Ông nổi bật như một pho sử sống, tài hoa và đáng kính. Đó là thời chữ Nho còn được mến mộ, nhà Nho được trọng dụng.

**Nhưng thời hoàng kim trôi đi thật nhanh, giờ đây, ông đồ đã trở thành một kẻ sĩ lạc lõng,lẻ loi giữa dòng đời xuôi ngược:**

 *“Nhưng mỗi năm mỗi vắng*
*Ngoài trời mưa bụi bay”.*

Từ “ Nhưng” đứng đầu câu như cánh cửa khép – mở hai thời kì. Khi văn hóa Tây phương thắng thế, nền Nho học bị thất sủng, người ta không còn mảy may quan tâm đến ông đồ, đến chữ ông đồ viết. Giờ đây ông vẫn xuống phố những đã bị mọi người thờ ơ, quên lãng. Câu hỏi tu từ “ người thuê viết nay đâu?” vang lên đầy ngậm ngùi, da diết, tiếc nuối không nguôi. Để rồi sự tiếc nuối ấy đọng lại thành nỗi buồn và thấm sâu vào cảnh vật: ( Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu). Phép nhân hóa được VĐL sử dụng tài tình khiến cho giấy, mực vốn vô tri vô giác trở lên có tâm hồn, biết thấm thía, suy nghĩ như con người. Nỗi buồn của ông như lan tỏa thấm cả vào những vật vô tri vô giác. Để rồi tất cả như đồng cảm với nỗi niềm của ông đồ trước con người và thời thế.

 Đáng buồn hơn, đến khổ thơ thứ tư thì chỉ còn lại hình ảnh ông đồ lặng lẽ, cô đơn giữa quang cảnh lạnh lẽo: ( Ông đồ ….bụi bay). Trước mắt người đọc, hình ảnh ông đồ lạc lõng, trơ trọi “*vẫn ngồi đấy*” như bất động, lẻ loi và cô đơn khi người qua đường thờ ơ vô tình không ai nhận thấy hoặc đoái hoài tới sự tồn tại của ông.. Hình ảnh “*lá vàng, mưa bụi*” giàu giá trị tạo hình vẽ nên một bức tranh xuân lặng lẽ, âm thầm, tàn tạ với gam màu nhạt nhòa, xám xịt. Khổ thơ cực tả cái cảnh thê lương của nghề viết và sự ám ảnh n g à y tàn của nền nho học đồng thời thể hiện sự đồng cảm xót thương của nhà thơ trước số phận những nhà nho và một nền văn hóa bị lãng quên.

Bằng việc xây dựng được sự đối lập của hình ảnh ông đồ trong hai khoảng thời gian khác nhau, nhà thơ VĐL đã làm nổi bật tình cảnh đáng thương của ông đồ: vẫn hoa tay ấy, nét chữ ấy, nếu trước kia ông được mọi người trọng dụng, trầm trồ ngưỡng mộ thì nay ông đã bị xã hội bỏ rơi, bị người đời quên lãng.

Bài thơ còn là niềm thương cảm chân thành và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ ngườixưa của nhà thơ. Niềm thương cảm ấy được thể hiện trong từng câu thơ, từng hình ảnh, nhưng có lẽ, khổ thơ tập trung rõ nhất tình cảm này đó là khổ cuối của bài:

*“Năm nay đào lại nở*
*Không thấy ông đồ xưa*
*Những người muôn năm cũ*
*Hồn ở đâu bây giờ?”*

Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa. Cảnh cũ, người đâu? Lòng nhà thơ như hụt hẫng, trống trải và tiếc nuối. Ông đồ già viết chữ nho gắn với mùa xuân, với phố phường giờ đã hoàn toàn vắng bóng. Hình ảnh ông đã trở thành “ ông đồ xưa”. Trước sự vắng bóng đó, nhà thơ cất lên tiếng hỏi trong nỗi thương cảm xót xa, nhớ tiếc: ( *Những người…).* Từ câu chuyện ông đồ, nhà thơ bày tỏ niềm thương cảm chân thành trước tình cảnh một lớp người – những ông đồ thất thế, tàn tạ, bị ném ra khỏi cuộc đời với sự đổi trắng thay đen. Họ giờ đây chỉ còn là “ cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn”. Thương cảm trước một lớp người của một thời tàn không chỉ thể hiện tình cảm nhân đạo sâu sắc mà tác giả còn cất lên nỗi nhớ nhung, luyến tiếc trước cảnh cũ người xưa đã vắng bóng, tiếc cho thú chơi chữ từng gắn bó và mang vẻ đẹp văn hóa gắn liền với giá trị tinh thần truyền thống không còn nữa, và xa hơn, nhà thơ còn tiếc cho cả nền Hán học nghìn năm sụp đổ. Bởi vậy, bài thơ không chỉ dừng lại ở ý nghĩa nhân đạo mà còn thể hiện ý nghĩa nhân văn và một tinh thần dân tộc đáng trân trọng.

 Bằng thể thơ ngũ ngôn bình dị mà hàm súc, xây dựng hai cảnh tượng tương phản đối lập, ngôn ngữ trong sáng, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, bài thơ “ ông đồ” đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm thương cảm chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ, người xưa của nhà thơ”. Bài thơ đã gợi lên trong lòng người đọc một nỗi niềm day dứt, bâng khuâng về sự mai một của những giá trị văn hóa xưa, đồng thời nhắc nhở chúng ta cần trân trọng , giữ gìn và phát huy những nét đẹp truyền thống đã từng làm nên hồn cốt dân tộc một thời

**Đề 10: Nhận xét về bài thơ “ Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: “ *Bài thơ cho thấy tình yêu quê hương trong sáng thiết tha của nhà thơ”*.**

**Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương*, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?**

 *Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

       Bài hát với giai điệu và ca từ sâu lắng, chân tình đã đi vào biết bao trái tim người Việt để rồi khi nhớ về mảnh đất chôn nhau, cắt rốn của mình, ai ai cũng không khỏi rưng rưng. Tế Hanh đã sáng tác không ít tác phẩm về miền quê làng chài ven biển của ông như một nỗi nhớ, niềm thương về một nơi đầy những hồi ức yêu dấu, ngọt ngào. "Quê hương" là một trong những sáng tác nằm trong dòng cảm xúc ấy.***Bài thơ cho thấy tình yêu quê hương trong sáng thiết tha của nhà thơ.***

**Trước tiên, người đọc cảm nhận được tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha của nhà thơ qua lời giới thiệu mộc mạc, chân tình mà không kém phần tự hào về quê hương yêu dấu của nhà thơ Tế Hanh:**

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*

 *Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.*

Hai câu thơ mở đầu bình dị, tự nhiên, tác giả giới thiệu chung về làng quê của mình. Từ hai câu thơ, người đọc cũng dần hình dung ra những đặc điểm của làng chài quê tác giả, đó là một nới gắn với công việc chài lưới, ở địa hình cách biệt “ Nước bao vây” tựa như một cù lao nổi lên giữa mênh mồng sông nước. Hai từ “ Làng tôi” được vang lên đầy tha thiết, tự hào. Có cảm tưởng một làng chài ven biển với con sông Trà Bồng thư mộng uốn khúc, lượn quanh như đang hiện lên trong tâm tưởng, trong nỗi nhớ của Tế Hanh. Lời kể như ngân lên cảm xúc tự hào và nỗi nhớ khôn nguôi. Từ đó, hình ảnh làng chài quê hương hiện lên thật tươi sáng, sinh động.

**Nhớ về quê hương, đẹp nhất là hình ảnh quê hương trong lao động, đó là cảnh thuyền cá ra khơi trong một sáng đẹp trời:**

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*………Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*

 Âm hưởng đoạn thơ nhẹ nhàng, phơi phới, những hình ảnh liệt kê “ trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng” là những hình ảnh đẹp vừa rất thực lại vừa lãng mạn, mở ra cảnh tượng bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuốm nắng hồng bình minh.Đó là một khung cảnh thơ mộng, bình yên, báo hiệu một ngày lao động may mắn. Nổi bật lên trên nền cảnh ấy là hình ảnh đoàn thuyền đang hăng hái ra khơi dưới bàn tay chèo lái khỏe khoắn, khéo léo, tự tin của người dân chài. Biện pháp so sánh “ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã” gợi vẻ đẹp, sự khỏe khoắn của con thuyền, cùng với những động từ mạnh: *hăng*, *phăng, vượt* gợi hình ảnh con thuyền đang băng mình ra khơi thật dũng mãnh, diễn tả sức sống mạnh mẽ, dạt dào khí thế hăng hái, hứng khởi của con thuyền. Đó cũng là sức sống, khí thế của dân trai tráng – những con người hăng say lao động, tự tin, kiêu hãnh giữa biển cả, đất trời.

Đẹp hơn cả trong cảnh ra khơi là hình ảnh cánh buồm no gió được hiện lên qua hình ảnh so sánh độc đáo, bất ngờ:

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*

 “ cánh buồm” vốn là một hình ảnh cụ thể, hữu hình, vô tri vô giác được so sánh với “ mảnh hồn làng” – một hình ảnh vô hình, trừu tượng, thiêng liêng, và nhân hóa qua hành động “ Rướn thân trắng” đã làm cho nó trở lên có hồn, trở thành biểu tượng của dân làng chài thân thương. Cánh buồm chính là quê hương theo bước chân người dân đi biển, nâng đỡ, động viên họ mạnh mẽ, vững tin trong hành trình lao động. Mang trong mình rất nhiều ý nghĩa, cánh buồm trắng căng gió biển khơi quen thuộc hàng ngày bỗng trở lên vừa đẹp đẽ, vừa ấm áp, vừa lớn lao thiêng liêng, vừa thơ mộng, hùng tráng. Hai câu thơ vừa vẽ chính xác cái hình, vừa cảm nhận được cái hồn của sự vật. Liệu có hình ảnh nào diễn tả được chính xác, giàu ý nghĩa và đẹp hơn để biểu hiện linh hồn làng chài bằng hình ảnh cánh buồm trắng giương to no gió đó? Phải có tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, một tấm lóng yêu quê tha thiết, sâu lắng, Tế Hanh mới cảm nhận được “ mảnh hồn làng” trên “ cánh buồm giương” như thế. Face book Nhung tây

 Tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha còn được thể hiện qua vẻ đẹp của làng quê trong cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:

 *“ Ngày hôm sau…bạc trắng”*

 Tế Hanh thật tài tình khi vừa dựng được bức tranh lao động khỏe khoắn, náo nhiệt, đầy ắp niềm vui qua không khí ồn ào, tấp nập, qua hình ảnh khắp dân làng ra đón ghe về, qua những chiếc ghe đầy ăm ắp cá, vừa hiểu được tấm lòng người dân biển hồn hậu, chân thành, nghĩa tình qua lời cảm tạ trời đất, biển khơi đã đem đến cho họ sự bình yên, no ấm.

 Trong cảm xúc tư hào, khâm phục về những người dân chài vượt qua một hành trình lao động, Tế Hanh viết lên hai câu thơ thật hay khắc họa vẻ đẹp của người dân chài:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm*

Thật hiếm có bức vẽ nào về người lao động lại đẹp đến thế! Vẻ đẹp của cơ thể “ làn da ngăm rám nắng” khỏe khoắn, rắn rỏi, từng trải, phong trần. Nhưng đẹp hơn cả là sức sống mạnh mẽ của họ giữa biển cả đất trời. Họ như trở thành những đứa con của lòng biển cả đại dương: “ cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Cái vị mặn mòi của muối biển, nồng đượm, thấm sâu trong từng thớ thịt, từng hơi thở của người dân chài. HÌnh ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực, vừa lãng mạn, vừa gần gũi thân thương lại có tầm vóc phi thường. Face book Nhung tây

Và phải chăng, trong thiên nhiên mọi sự vật đều có tâm hồn, hay con người yêu sự vật đã thỏi linh hồn cho nó, để sự vật hiện lên như chính con người vậy:

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Có thể coi hai câu thơ là một sáng tạo độc đáo của Tế Hanh. Nhờ phép nhân hóa: *im, mỏi, trở về, nằm, nghe*, con thuyền giống như một người lao động làng chài cũng biết nghỉ ngơi, thư giãn sau những chuyến ra khơi đầy vất vả. Tác giả không chỉ thấy con thuyền đang nằm im trên bến nghỉ ngơi thư giãn mà còn cảm nhận được con thuyền đang “ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Phép nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua từ “ nghe” được nhà thơ sử dụng một cách tài tình khiến con thuyền không chỉ sống động mà còn trở lên có tâm hồn – một tâm hồn tinh tế, biết nghĩ suy, tự lắng nghe, tự cảm nhận chất muối- hương vị của biển khơi đang thấm dần trong cơ thể mình đằm sâu, thắm thiết. Hai câu thơ không đơn thuần chỉ tả cảnh mà còn gợi biết bao liên tưởng. Con thuyền được gợi lên như chính con người lao động, chiều sâu của cảm xúc, suy từ nơi con thuyền cũng chính là vẻ đẹp tâm hồn, sự lắng sâu trong cảm xúc của con người nơi đây mà Tế Hanh, bằng sự nhạy cảm tinh tế, bằng tình yêu quê hương tha thiết đã cảm nhận được.

Kết thúc bài thơ, nhà thơ trực tiếp bày tỏ nỗi nhớ quê hương da diết của mình:

 “ *Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ….*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.*

Điệp khúc “ nhớ” diễn tả một tiếng lòng tha thiết, thẳm sâu. Nhớ về quê hương là nhà thơ nhớ về cá, về biển, cánh buồm, nước xanh, con thuyền và đặc biệt là “ mùi nồng mặn”.Đó là hương vị đặc trưng của làng chài, rất riêng và quyến rũ. Những hình ảnh thơ chân thực, giản dị, giọng điệu da diết, bộc lộ một nỗi nhớ thiết tha, thành thực của Tế Hanh về làng quê với cả hình ảnh, màu sắc, hương vị. Tất cả đều bâng khuâng, xao xuyến, ảm ảnh với Tế Hanh và với cả người đọc.

 Bài thơ với những lời thơ giản dị, trong sáng mà nồng hậu thiết tha, những hình ảnh tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên đã tạo nên sức hấp dẫn của cả bài. NHững hình ảnh thơ độc đáo, được sáng tạo từ trí tưởng tượng liên tưởng, vận dụng các thủ pháp so sánh, nhân hóa, ẩn dụ… nhà thơ đã vẽ ra một bức tranh phong cảnh về một làng chài sinh động, nổi bật là hình ảnh con người lao động khỏe khoắn. Tất cả được vẽ nên bằng chính tình yêu tha thiết mà Tế Hanh dành trọn cho quê hương.

 Với những vần thơ bình dị, gợi cảm, “ Quê hương” của Tế Hanh đã khắc họa thành công hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống về người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Bài thơ như một cung đàn dịu ngọt, mảnh tâm hồn trong trẻo, đằm thắm nhất của nhà thơ tế Hanh luôn gắn bó sâu nặng với quê hương, xứ sở. Đọc bài thơ, chắc hẳn mỗi chúng ta sẽ được đánh thức tình cảm thiêng liêng, sâu kín nhất: đó là tình yêu, là niềm tự hào, gắn bó với quê hương của mỗi người.

(Nguồn sưu tầm)

**ĐỀ SỐ 11: NGHỊ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA THƠ CA**

 Thơ ca là sáng tạo đặc biệt của con người. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca đã có mặt cùng với sự phát triển của nhân loại suốt bao thời kì lịch sử và người ta cũng bắt đầu chú ý đến những vai trò, tác dụng kì diệu của nó đối với cuộc sống, đối với tâm hồn con người. Hiểu được vai trò, tác dụng của thơ ca để con người chúng ta nghiêm túc hơn trong sáng tác, trân trọng hơn trong tiếp nhận, để thơ ca có thể phát huy hết vai trò cao quý của nó: làm cho cuộc sống phong phú hơn, đẹp đẽ hơn, nhân văn hơn.

 Bất cứ phong cách ngôn ngữ nào cũng có chức năng riêng của nó. Thơ ca thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ đời sống để đạt được giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao nhất. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người.

Chức năng thông tin nói cụ thể chính là giá trị tư tưởng, nhận thức và giáo dục của thơ ca. Bằng những ngôn từ đặc sắc có sắp xếp một cách cách khéo léo, thơ ca dễ dàng tác động đến nhận thức, tư tưởng của con người. Chính vì thế nó gửi gắm những giá trị đạo đức nhân sinh một cách khéo léo, tinh tế. Đó không bao giờ là những tri thức khô khan, giáo điều mà là những lời nhắn nhủ chân thành, gần gũi nhất. Những bài học về lối sống, về cách nhìn nhận thế giới, nhận xét con người, cả những kinh nghiệm trong lao động, trong ứng xử đều thể hiện dưới những hình thức ngôn từ tinh tế, uyển chuyển. Chúng ta hãy lắng nghe lời nhắn nhủ của đại thi hào Nguyễn Du từ mấy trăm năm trước:

*Thiện căn ở tại lòng ta*

*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*

Đó là một chiêm nghiệm của người đã từng trải qua bao cuộc bể dâu, là triết lý rút ra từ thực tế đời sống, cô đúc thành bài học nhân sinh sâu sắc nhưng rất dễ cảm thông, dễ tác động vào nhận thức của con người. Truyện Kiều còn hàm chứa bao nhiêu bài học nhân sinh sâu sắc nhưng nó chưa bao giờ là một cuốn sách luận lý khô khan. Thế mới biết rằng thơ ca góp phần nâng cao tri thức đời sống bằng chính cách riêng của nó mà hiệu quả thì không thua bất cứ hình thức truyền đạt nào.

Bên cạnh chức năng nhận thức, giáo dục, thơ ca còn có chức năng giao tiếp, biểu đạt và truyền cảm. Chức năng này vô cùng quan trọng vì kể cả khi thơ ca muốn gửi gắm một bài học, một tri thức thì nó cũng gửi gắm bằng cái giọng tình cảm, thiết tha. Giá trị biểu cảm là giá trị đặc trưng của thơ ca. Nó bắt đầu bằng những cảm động của tâm hồn thi nhân trước cuộc sống, truyền tải qua đường dẫn là ngôn từ nghệ thuật và rồi đến và lay động tình cảm của người đọc. Chính vì thế con người chúng ta không chỉ hiểu biết về cuộc đời, lối sống của cha ông mình thuở trước mà còn có những cảm xúc, những tự hào, những căm phẫn theo dòng diễn tả của thi ca. Chức năng này làm cho thơ ca có sức mạnh và sức sống vượt ra ranh giới không thời gian, tác động mãnh liệt vào trái tim con người. Những tác phẩm của Lý Bạch, Đỗ Phủ đâu chỉ tác động đến tình cảm của người Trung Quốc thời đại nhà Đường mà nó còn lay động con tim của độc giả thế giới nhiều thế kỷ sau. Tác động tình cảm của văn chương giúp mối giao tiếp giữa người và người mở rộng đường biên đến vô cùng, vô tận và còn là những mối giao tiếp chân thành nhất, vô vụ lợi nhất, đẹp đẽ nhất.

Cuối cùng và cũng là một vai trò, chức năng quan trọng nhất của thơ ca đó chính là tính thẩm mĩ. Thơ ca là một loại hình nghệ thuật nên tính thẩm mĩ là đặc trưng của nó. Từ đặc trưng này, thơ ca có tác động mạnh mẽ đến năng lực thẩm mĩ của con người. Nó giúp con người nâng cao khả năng cảm thụ cái đẹp, cái đẹp của ngôn từ và qua ngôn từ sẽ cảm nhận những cái đẹp của thế giới khách quan. Khi ta đọc những câu thơ:

*Cỏ non xanh tận chân trời,*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Trước hết tâm hồn ta rung cảm trước một bức tranh thiên nhiên tươi tắn, tinh khôi. Rồi chúng ta cảm nhận sự khéo léo tinh tế trong cách dùng từ, cách phối thanh, ngắt nhịp của một bậc thầy ngôn ngữ thi ca. Cái đẹp giúp cho con người rung cảm, thanh lọc tâm hồn và hướng về cái chân, thiện, mỹ. Để làm được điều đó, thơ ca phải chú trọng đến hình thức nghệ thuật của nó. Nó cần sự rung động thật sự của thi nhân, cần tài hoa và cả sự nghiêm túc của người cầm bút. Thơ ca không phải là sản phẩm của những người thợ, nó là đứa con tinh thần của người nghệ sĩ.

 Thơ ca đã đồng hành cùng cuộc sống con người từ thuở bình minh của những nền văn hóa. Nó mang đến những hiểu biết về nhiều mặt của đời sống, nó tác động và nâng cao những tình cảm nhân văn, nó làm đa dạng thêm khả năng cảm thụ thẩm mĩ của con người. Những tri thức, tình cảm và cái đẹp mà nó mang đến làm cho cuộc sống thêm phong phú, thêm đẹp đẽ và làm cho con người gần gũi nhau hơn. Chính vì thế, dù thế giới không ngừng vận động và đã có nhiều sản phẩm, nhiều giá trị mai một với thời gian nhưng thi ca thì mãi mãi gắn liền với tâm hồn nhân loại.

**ĐỀ SỐ 12: SUY NGHĨ VỀ VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TÂM HỒN CỦA HỌC SINH**

 Trong bài “Tiếng nói của văn nghệ” Nguyễn Đình Thi từng viết: “Tác phẩm (văn học) vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”. Điều đó có nghĩa là văn học đóng một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển tâm hồn của mỗi con người. Đặc biệt là với lứa tuổi học sinh.

 Có thể nói Văn học nghệ thuật là một hình thức của lý tưởng có chức năng làm cân bằng đời sống tinh thần của con người, bù đắp cho nhân loại những gì chưa có, chưa đến, những gì đang ao ước, mong mỏi, hi vọng. Nói đến chức năng của văn học là nói đến vai trò, tác dụng của văn học đối với đời sống xã hội, con người mà các hình thái ý thức xã hội khác không thể thay thế được. Có thể xem việc rèn luyện, phát triển những năng lực tình cảm của con người như một ý nghĩa xã hội quan trọng của văn học. Bởi thế, bên cạnh các chức năng nhận thức, thẩm mỹ, dự báo, giải trí…thì chức năng giáo dục là một chức năng vô cùng quan trọng mà văn học mang tới cho đời sống con người.

Từ văn học dân gian đến văn học viết, từ văn học nước nhà đến văn học thế giới, mỗi tác phẩm như một bài ca dịu ngọt, như một dòng suối mát lành tưới vào tâm hồn trẻ thơ. Ở lứa học sinh, khi ý thức đang hình thành, nhân cách đang được định hình, tâm hồn đang trong sáng như pha lê, tư duy còn gắn liền với liên tưởng và tưởng tượng thì không gì gây tác động mạnh mẽ bằng những vần thơ, những áng văn giàu chất nhân văn và lấp lánh giá trị của nghệ thuật ngôn từ. Tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu quê hương làng xóm cũng từ đó mà đâm chồi nảy lộc. Cảm nhận cuộc sống, thu thập kiến thức qua văn học chính là con đường tích cực và nhẹ nhàng để giáo dục học sinh Tiểu học trở thành những con người có sự phát triển toàn diện về nhân cách.

Văn học có chức năng giáo dục tri thức và hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Tác phẩm văn học có khả năng khuyến điều thiện, răn điều ác, bỏ giả, theo thật. Có thể nói, văn học là một trong những loại sách giúp người đọc “tới gần Con Người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất. Văn học không phải là đạo đức học nhưng văn học, bằng những hình tượng thẩm mỹ được xây dựng nên bởi một thứ chất liệu đặc biệt – ngôn ngữ nghệ thuật, lại có khả năng làm cho con người ta tốt hơn hoặc là hoàn thiện hơn về nhân cách.

Văn học giúp cho học sinh hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy sinh trong con người một khát vọng hướng tới chân lí, đấu tranh với cái xấu xa trong con người, biết tìm tòi cái tốt trong con người và thức tỉnh trong tâm hồn họ sự xấu hổ, chí căm thù, lòng dũng cảm, biết làm tất cả để con người trở nên lành mạnh hơn và tắm đẫm con người trong ánh sáng thiêng liêng của vẻ đẹp.

Văn học góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ, tình cảm đạo đức cho học sinh bằng cách tập cho người đọc một thói quen cảm thụ tinh tế, mài sắc cho họ cảm quan nhận thức, khả năng nhận ra cái chân, cái thiện, cái mỹ trong đời sống bộn bề. Từ chỗ say mê, xúc động mãnh liệt, văn học làm cho học sinh nhận ra lẽ phải – trái, cái đúng – sai, nhận ra sự lầm lạc. Mục đích của văn học không phải là đạo đức, mục đích của nó là chuẩn bị cho học sinh tiếp thu đạo đức. Văn học có khả năng thanh lọc và cảm hóa tâm hồn học sinh rất lớn.

Tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng nhằm khơi dậy cuộc đấu tranh, sự vật lộn bên trong mỗi con người. Nó là tấm gương để con người tự soi mình, tự đối chiếu và phán xét về người khác cũng như về chính bản thân mình. Bằng cách đó, văn học chuyển quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Giá trị từ tác phẩm văn học có thể làm khuếch đại cái tốt để nó trở nên đẹp đẽ, lộng lẫy hơn, từ đó lôi cuốn, hấp dẫn học sinh, làm cho học sinh tin rằng trên đời bao giờ cũng còn có công lý, lương tri, bao giờ cũng có người tốt, khơi dậy ở mỗi người khát vọng vươn tới cái lí tưởng, muốn noi gương, bắt chước làm theo điều thiện, điều hay. Vì vậy, trong văn học nghệ thuật không bao giờ thiếu cái đẹp, thiếu chất lý tưởng, thiếu chất anh hùng, lãng mạn, thiếu nhân vật tích cực. Đồng thời nhà văn cũng phóng đại cái xấu, làm cho nó trở nên ghê tởm và đáng ghét, phủ định nó, trước là trong tác phẩm và sau là trong chính cuộc đời.

Ví dụ như khi đọc bài thơ “Quạt cho bà ngủ” của Thạch Quỳ, chắc hẳn học sinh sẽ cảm nhận được, sẽ xúc động trước tình cảm yêu thương, hiếu thảo của bạn nhỏ trong bài thơ đối với bà. Từ đó, các em sẽ nghĩ về bà, về mẹ của mình và dâng lên trong lòng một tình yêu tha thiết với bà, với mẹ, các em cũng sẽ mong ước được quan tâm, chăm sóc cho bà, cho mẹ của mình như bạn nhỏ trong bài thơ. Đó là một sự tác động hết sức sức tự nhiên, một con đường giáo dục hết sức nhẹ nhàng, thông qua con đường cảm xúc, tình cảm chứ không phải bởi con đường giáo huấn.

Hoặc đơn giản như khi học sinh lớp 4 đọc bài “Cánh diều tuổi thơ” của Tạ Duy Anh, học sinh sẽ cảm nhận được niềm vui lớn và những ước mơ đẹp gắn liền với trò chơi thả diều của tuổi thơ như thế nào, từ đó thêm yêu cánh diều, yêu tuổi thơ, yêu quê hương nơi cho mình thật nhiều tình cảm và nhiều kỷ niệm đẹp không thể nào quên. Đấy cũng là lúc mà văn học thấm vào lòng, làm đẹp thêm hơn tâm hồn và sâu sắc thêm hơn tình yêu quê hương xứ sở trong trái tim các em. Một con đường giáo dục tinh tế và hiệu quả vô cùng.

Hoc sinh là lứa tuổi thích noi gương, chính vì vậy, văn học đã mang đến cho các em những hình ảnh đẹp, cao thượng, những tấm lòng nhân ái…để ngưỡng mộ, từ đó biết học hỏi những điều hay lẽ phải và trở thành người có ích trong cuộc sống. Bên cạnh đó, mỗi học sinh cũng cần được định hướng để nhìn thẳng vào những hiện tượng, tính cách xấu, những điều chưa hoàn thiện ở một cá nhân hay một kiểu người nào đó trong xã hội thông qua những nhân vật, những câu chuyện trong tác phẩm văn học. Từ đó, mỗi họ sinh biết tự trang bị cho mình một khả năng chống đỡ trước sự cám dỗ của những thói hư tật xấu, tự trang bị cho mình một thái độ phê phán, tẩy chay cái xấu, cái sai, cái tầm thường, lệch lạc…Đó cũng là một con đường để giúp các em trưởng thành hơn, hoàn thiện hơn những cảm xúc yêu- ghét, vui- buồn. Đến với văn học, học sinh không chỉ biết đến những nụ cười mà còn biết xót xa khi nhìn thấy những cảnh đời thiếu thốn, khốn khó, nuôi dưỡng những tình cảm nhân ái, cao đẹp ở các em. Những tác phẩm văn học ưu tú luôn khơi dậy trong tâm hồn các em học sinh khả năng đồng cảm và niềm tin vào sự tất thắng của cái thiện, cái cao cả.

Để vận dụng đầy đủ sức mạnh làm thay đổi của văn học, học sinh cần tiếp nhận tác phẩm văn học (đoạn trích) một cách tự giác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả nhất. Từ đó, các tác phẩm văn học sẽ đi vào thế giới tâm hồn của các em một cách tự giác mà sâu sắc nhất, bằng những cảm xúc chân thật và những rung động, đồng cảm thiết tha nhất, hướng các em tới sự trau dồi vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn, trí tuệ cho tuổi thơ và cho suốt hành trình của cuộc đời.

 Có thể thấy không có một người thầy nào có thể dạy cho trẻ hết tri thức về cuộc sống và tình cảm con người cũng như cách đối nhân xử thế, nhưng văn học có thể mang lại điều kỳ diệu đó và sẽ đi theo trẻ suốt cuộc đời như một người thầy vĩ đại nhất. Đến với văn học, tâm hồn của mỗi học sinh sẽ được chắp thêm đôi cánh để có thể tự tin bay cao, như một búp non tràn trề nhựa sống tình thương sẵn sàng vươn lên trong vườn hoa nhân ái của cuộc đời.

**ĐỀ SỐ 12: PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ BÀI CA DAO SAU:**

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*

*Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông*

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*

  Quê hương, đất nước con người luôn là đề tài không bao giờ tắt trong lòng mỗi nhà văn nhà thơ, những bài ca dao cũng từ đề tài đó mà ra đời rồi lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đặc biệt trong số đó là bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng”, bài ca dao nói về quê hương, cuộc sống của con người trên dải đất Miền Trung, nơi có những con người nhẹ nhàng, thùy mị nết na ấm áp vô cùng.

     Bài ca dao như được cất lên từ chính cánh đồng lúa bát ngát mênh mông trong lời tự tình của cô thôn nữ đẹp xinh phơi phới sức xuân như chẽn lúa đòng đòng ngọt ngào hương quê:

*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*

*Đứng bền tê đồng ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông*

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*

      Thông thường ca dao làm theo thể thơ lục bát, nhịp thơ này gợi âm hưởng nhẹ nhàng êm đềm dễ đi vào lòng người. Tuy nhiên bài ca dao trên là sự biến thể mở rộng câu thơ thành 12, 13 từ rất độc đáo.

      Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là cô thôn nữ phơi phới như lúa chiêm đương thời con gái. Đứng trước khung cánh đồng quê bát ngát mênh mông lòng không khỏi dâng trào cảm hứng, say sưa trước cánh đồng thân thuộc quê mình.

Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng,mênh mông bát ngát

 Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông

      Tác giả dân gian đã lựa chọn từ ngữ rất đắt để tạo lời, mở ý cho câu ca dao. Từ ngó cũng gần nghĩa với: nhìn, trông, ngắm... nhưng ngó thể hiện sự nhìn ngắm say sưa hơn quan sát kỹ hơn. Cô thôn nữ với chiếc nón như bông hoa trên đầu quần xắn ngang đôi chân thon thả, vai vác cuốc thăm đồng một hình ảnh lao động bình thường thân thuộc. Nhưng khi đọc câu ca dao ta thấy hình ảnh chủ thể trữ tình hiện ra đẹp lạ.

      Cô thôn nữ đứng bên này ngó sang bên kia, rồi lại phóng tầm mắt từ phía bên kia sang bên này, dù quan sát ở vị trí nào, góc độ nào cũng thấy bát ngát mênh mông của cánh đồng quê hương. Hai từ bên ni, bên tê là ngôn ngữ địa phương (bên này, bên kia) được đưa vào bài ca dao gợi chất mộc mạc bình dị của một tình quê hồn hậu. Ngoài ra thủ pháp đảo ngữ được sử dụng thành công mênh mông bát ngát rồi lại bát ngát mênh mông gợi khung cảnh cánh đồng quê rộng lớn xanh ngắt một màu. Xanh mơn mởn của lúa chiêm đương độ làm đòng. Với cô thôn nữ đây không phải là lần đầu tiên cô nhìn ngắm cánh đồng từ các góc độ. Mà với cô, cánh đồng đã trở nên quá đỗi thân quen. Nó như một phần của linh hồn, máu thịt, nơi đây đã nuôi sống cô bằng hạt gạo thơm từng tháng từng ngày. Ấy vậy mà hôm nay sao trông nó vẫn lạ vậy, đẹp vậy! Dường như cánh đồng quê từng ngày từng giờ thay da đổi thịt, hay chính trong lòng cô gái đang dâng trào niềm tự hào yêu thương gắn bó với quê hương.

      Hoàng Cầm phải say đắm với quê hương Kinh Bắc nơi có dòng sông Đuống mến yêu đến thế nào thì mới nhìn nó mềm mại diệu kỳ đến vậy.

*Sông Đuống trôi đi*

*Một dòng lấp lánh*

*Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

*(Bên kia sông Đuống - Hoàng Cầm)*

      Phải gắn bó lắm, tha thiết lắm về quê hương nơi chôn nhau cắt rốn, tổ tiên ông bà mới viết được những vần thơ trong sáng như những viên ngọc vậy.

      Trở lại bài ca dao ta thấy cánh đồng quê bát ngát như không nhìn thấy bờ hiện lên lạ kì qua đôi mắt đầy tự hào lãng mạn của thôn nữ và giờ đây hình ảnh cô thôn nữ ấy hiện ra rõ hơn dưới ánh hồng ban mai long lanh sương sớm. Ca dao dũng thường thấy việc các cô gái tự ví mình như hạt mưa xa, tấm lụa đào chẳng qua đó là tiếng lòng, tiếng khóc than thân trách phận. Trái lại cô thôn nữ ở đây trẻ trung, xinh đẹp căng tràn nhựa sống như chẽn lúa đòng đòng. Hình ảnh đầy tự hào tin tưởng vào cuộc đời phơi phới tương lai, chẽn lúa đòng đòng như được tiếp thêm nhựa sống cho sự phát triển trưởng thành hứa hẹn mùa vàng bội thu. Đây là vẻ đẹp duyên dáng, sức lực căng tràn như chính quê hương và con người nơi đây vươn lên trong cuộc sống.

      Trên cái nền xanh ngút mắt của lúa, hình ảnh thôn nữ đẹp vô cùng:

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai*

      Phất phơ nghĩa là nhẹ nhàng đung đưa uốn lượn... Chẽn lúa đòng đòng nhẹ nhàng bay trước làn gió nhẹ trong ánh bình minh. Thiếu nữ như hân hoan vui sướng hướng về ngày mai tươi sáng. Rõ ràng ngọn nắng làm cho câu ca dao hay hơn thay vì dùng từ ánh nắng, tia nắng... Dưới ngọn nắng hồng ban mai thôn nữ trong vẻ đẹp căng tràn đang cùng quê hương đón đợi một mùa gặt hái.

      Bài ca dao trên tuy chỉ có bốn câu nhưng nó cũng đủ để vẽ lên hình ảnh quê hương, tươi sáng, con người tin yêu vào cuộc sống, làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Đặc biệt hình ảnh thôn nữ đã làm cho bức tranh quê thêm náo nức, vẻ đẹp của cô cũng chính là vẻ đẹp của cánh đồng quê hương yêu dấu.

      Đọc bài ca dao ta thấy như tâm hồn thêm gắn bó, thêm yêu cuộc sống, quê hương. Ta hãy biết trân trọng gìn giữ những truyền thống quê hương đồng thời phải biết ơn những người nông dân Việt Nam dầm mưa dãi nắng đem đến cho ta bát cơm ngày mùa dẻo hạt.

**ĐỀ SỐ 13: PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ BÀI CA DAO SAU:**

*“Công cha như núi ngất trời,*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.*

*Núi cao biển rộng mênh mông,*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”*

 Từ xưa đến nay, những câu hát ru ngọt ngào mang tên ca dao theo năm tháng cứ đọng lại cứ đọng lại mãi, nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Trong đó, chùm ca dao “Những câu hát về tình cảm gia đình” luôn giữ một vị trí quan trọng. Tình cảm giữa cha mẹ và con cái là thứ tình cảm huyết thống thiêng liêng nhất, nâng đỡ tâm hồn con người, để mỗi chúng ta sống tốt hơn, đẹp hơn được thể hiện rõ trong bài ca dao:

*“Công cha như núi ngất trời,*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.*

*Núi cao biển rộng mênh mông,*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”*

     Bài ca dao là một thông điệp mà những người mẹ muốn nhắn nhủ với đứa con thân yêu qua lời ru, tiếng hát ngọt ngào, sâu lắng. Trong hai cầu đầu của bài ca dao

*“Công cha như núi ngất trời,*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.”*

     Bài ca dao đã cụ thể hoá công lao của cha mẹ bằng việc so sánh với núi, với biển. Đó là những hình ảnh to lớn, mênh mông tượng trưng cho sự vĩnh hằng: “Công cha” được ví với chiều cao không cùng của "núi ngất trời", “nghĩa mẹ” được tả với chiều rộng vô bờ bến của "nước ngoài biển Đông", chiều nào cũng tận, như công lao của cha mẹ không gì đo đếm được. Hai câu thơ trên ngụ ý nhắc nhở công lao trời biển của mẹ cha đối với con cái. Còn trong hai câu cuối:

*“Núi cao biển rộng mênh mông,*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”*

     Hai câu trên là lời khuyên cho những người con phải ý thức đền đáp công ơn sinh thành của cha mẹ. Phận làm con phải đặt chữ hiếu làm đầu, nghĩa là phải kính cha yêu mẹ và sống sao cho xứng đáng với công ơn trời bể của cha mẹ, của chín chữ cù lao. Hình ảnh “núi”, “biển” được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ: núi - ngất trời, cao; biển - rộng mênh mông, khiến ta cảm nhận thấy công lao cha mẹ to lớn dường nào. Hơn nữa lời nhắc nhở răn dạy được thể hiện qua hình thức bài hát dân gian.

     Với âm điệu tâm tình, thành kính, sâu lắng, bài ca dao như lời răn dạy dễ đi vào tâm hồn của người đọc. Đối với tuổi thơ mỗi người Việt Nam, ca dao về tình cảm gia đình là dòng sữa ngọt ngào, vỗ về, an ủi tâm hồn ta. Nhờ lời ru của mẹ trong bài ca dao trên, chúng ta đã lớn dần và trưởng thành, đã hiểu về công lao dưỡng dục to lớn của cha mẹ và bổn phận, trách nhiệm của người làm con.

**ĐỀ SỐ 14: VẺ ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG CA DAO**

 Thần thoại Hi Lạp kể rằng: “Thượng đế đã lấy vẻ đầy dặn của mặt trăng, đường uốn cong của loài dây leo, dáng run rẩy của các loài cỏ hoa, nét mềm mại của loài lau cói, màu rực rỡ của nhị hoa, điệu nhẹ nhàng của chiếc lá, cảm giác tinh vi của vòi voi, cái nhìn dăm chiêu của mắt hươu, cái xúm xít của đàn ông, ánh rực rỡ của mặt trời, nỗi xót xa của tầng mây, luồng biến động của cơn gió, tính nhút nhát của con hươu rừng, sắc lộng lẫy của con chim công, chất cứng rắn của ngọc kim cương, vị ngọt ngào của đường mật, khí lạnh lẽo của băng tuyết, đức trung trinh của chim uyên ương, đem mọi thứ ấy hỗn hợp lại nặn thành người phụ nữ”.Phụ nữ là linh hồn của cuộc sống muôn loài. Hình tượng người phụ nữ là một trong những đề tài lớn có sức hấp dẫn của Văn học thế giới. Trong Văn học Việt Nam, hình tượng người phụ nữ chứa đựng nhiều vẻ đẹp kỳ diệu, đặc biệt là hình ảnh người phụ nữ trong ca dao Việt Nam. Có thể nói rằng, ca dao đã làm tròn sứ mệnh của nó trong việc lưu giữ những nỗi lòng của người phụ nữ bình dân và mang đến cho ta cái nhìn toàn diện về họ, trong khổ đau cũng như những vẻ đẹp tâm hồn ngời sáng.

 Nói đến phụ nữ Việt Nam, trước hết phải nói đến lòng hiếu thảo đối với mẹ cha và tiết hạnh đối với bản thân. Không phải chỉ có một nàng Kiều của cụ Nguyễn Du mới biết báo hiếu mà bất cứ người con gái Việt Nam nào cũng đều nhớ đến ơn sinh thành, công lao nuôi dưỡng bao la của đấng song thân:

*“Công cha như núi Thái Sơn,*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ, kính cha,*

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.*

Đó là đối với cha mẹ, còn đối với bản thân thì:

*“Trai thời trung hiếu làm đầu,*

*Gái thời tiết hạnh làm câu trao mình”.*

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong ca dao hiện lên với nét đẹp thanh tao, duyên dáng, một nét đẹp Á Đông đầy đức hạnh, chân thực, gần gũi. Hình ảnh đẹp ấy lẽ ra phải được nâng niu, trân trọng, nhưng trái lại cuộc sống của người phụ nữ lúc bấy giờ trăm đắng, ngàn cay bởi chế độ phong kiến thối nát.

Có ai đó đã nói, nếu dùng một từ để nói về số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến thì đó là “tủi nhục”. Quãng thời gian họ sống trên đời được đong đếm bằng những nỗi đau khổ mà họ phải gánh chịu. Khi còn nhỏ, sống trong gia đình, người thiếu nữ đã phải chịu sự bất công của quan niệm “trọng nam khinh nữ”:

*“Cô kia cắt cỏ đồng màu*

*Chăn trâu cho béo làm giàu cho cha*

*Giàu thì chia bảy chia ba*

*Phận cô là gái được là bao nhiêu”*

Hay:

*“Em như quả bí trên cây*

*Dang tay mẹ bứt những ngày còn non”*

Đến khi trưởng thành họ là những thiếu nữ duyên dáng, đẹp cả hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong, nét đẹp của họ được ví như “hoa ngâu”, như “tấm lụa đào”:

*“Nụ cười như thể hoa ngâu,*

*Cái khen đội đầu như thể hoa sen”.*

Hay :

*“Trúc xinh trúc mọc đầu đình*

*Em xinh, em đứng một mình cũng xinh”*

Họ luôn phải rèn luyện để có những phẩm chất tốt đẹp, làm nên giá trị của con người. Đặc biệt quan trọng với người phụ nữ là phải đạt đến “tứ đức”

“Phận gái tứ đức vẹn tuyền

Công, dung, ngôn, hạnh, giữ gìn chớ sai”.

Họ đẹp gần như toàn vẹn nhưng họ không có quyền bình đẳng, quyền lựa chọn hạnh phúc trăm năm cho mình, cũng như quyền làm một con người đúng nghĩa. Khi đến tuổi cập kê thì hôn nhân của họ là do “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, giá trị người con gái bị đem lên bàn cân vật chất:

*“Mẹ em tham gạo, tham gà*

*Bắt em để bán cho nhà cao sang”.*

Hay:

*“Mẹ em tham thúng xôi rền*

*Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng*

*Em đã bảo mẹ rằng đừng*

*Mẹ hấm, mẹ hứ mẹ bưng ngay vào*

*Bây giờ chồng thấp, vợ cao*

*Như đôi đũa lệch so sao cho bằng”.*

Số phận của người phụ nữ trong xã hội còn bọt bèo, lênh đênh, vô định, họ không biết số phận của mình rồi sẽ ra sao, đi đâu, về đâu khi mang theo mình một địa vị thấp bé, hèn mọn trong xã hội:

*“Thân em như tấm lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”,*

*“Thân em như hạt mưa sa,*

*Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày”,*

Hay:

*“Thân em như chổi sau hè*

*Phòng khi mưa gió đi về chùi chân”.*

Người phụ nữ suốt đời mang theo ba chữ “tòng”, hạnh phúc đối với họ thật quá mong manh, theo chồng thì chết cũng làm ma nhà chồng: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Tuy cuộc sống bất công “Trai năm thê, bảy thiếp. Gái chính chuyên chỉ có một chồng” nhưng người phụ nữ luôn son sắt, thủy chung, một lòng một dạ yêu thương chồng.

*“Trăng tròn chỉ một đêm rằm*

*Tình duyên chỉ hẹn một lần mà thôi”,*

*“Chồng em áo rách em thương*

Chồng người áo gấm, xông hương mặc người”,

Hay:

*“Có xấu cũng thể chồng ta*

*Dù cho tốt đẹp cũng ra chồng người”*

Họ luôn đồng cam, cộng khổ cùng chồng, luôn làm một người vợ hiền, chung thủy, dù chân trời, góc bể, khó khăn cũng không sờn lòng:

*“Đi đâu cho thiếp theo cùng*

*Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cũng cam”.*

Biết bao người vợ không quản gian nan “ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương”, nuôi chồng ăn học, công thành danh toại:

*“Em thời canh cửi trong nhà*

*Nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng*

*Trước là vinh hiển tổ đường*

*Bõ công đèn sách, lưu phương đời đời”,*

Trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc “cơm không lành, canh không ngọt” thì người phụ nữ cũng luôn biết cách ứng xử khôn khéo để cửa nhà yên vui:

*“Chồng giận thì vợ làm lành*

*Miệng cười hớn hở hỏi anh giận gì*

*Thưa anh anh giận em chi*

*Muốn cưới vợ bé, em thì cưới cho”*

Thái độ thật vui vẻ, hài hước, biết tự kiềm chế bản thân để giữ hòa khí trong gia đình ấy thật đáng khâm phục:

*“Chồng giận thì vợ bớt lời*

*Cơm sôi nhỏ lửa, một đời không khê”.*

Tình yêu đối với chồng thì son sắt như thế, còn đối với đứa con yêu quý của mình thì tình mẫu tử thật thiêng liêng, dành trọn những gì tốt đẹp nhất cho con:

*“Nuôi con chẳng quản chi thân*

*Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn”.*

Người phụ nữ là người mẹ, người vợ tuyệt vời với bao nhiêu tình yêu thương, sự hy sinh là thế nhưng xã hội bất công có bao giờ thấu hết được nỗi lòng người phụ nữ. Họ không những chịu vất vả về thể xác mà còn bị tổn thương về tinh thần khi mà “trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng”, thân phận thấp bé, không có tiếng nói trong xã hội, bị chồng ruồng bỏ.

*“Ngày nào anh bủng anh beo*

*Tay cất chén thuốc tay đèo múi chanh*

*Bây giờ anh khỏe anh lành*

*Anh mê nhan sắc, anh tình phụ tôi”,*

Hay:

*“Gió đưa bụi chuối sau hè*

*Anh mê vợ bé, bỏ bè con thơ”.*

Dưới chế độ phong kiến hủ tục lạc hậu người phụ nữ phải chịu cảnh làm vợ lẻ, chịu sự thiệt thòi, không có quyền hưởng hạnh phúc, hạnh phúc đơn thuần đáng có được của một người vợ và còn chịu sự đối xử bất công của vợ lớn:

*“Lấy chồng làm lẽ khổ thay*

*Đi cấy, đi cày chị chẳng kể công*

*Tối tối chị giữ mất chồng*

*Chị cho manh chiếu nằm không chuồng bò*

*Mong chồng chồng chẳng xuống cho*

*Đến khi chồng xuống, gà o o gáy dồn”*

Hay:

*“Thân em làm lẻ chẳng nề*

*Có như chính thất ngồi lê giữa đường”.*

Khao khát của người phụ nữ ở đây không phải là cái khao khát mang tính chất bản năng thuần tuý mà là những khát khao hạnh phúc chính đáng nhất của một con người. Vì thế họ đã nhắn nhủ nhau:

*“Đói lòng ăn nắm lá sung*

*Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng”*

*“Chồng con là cái nợ nần*

*Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mầm”.*

Và khi người phụ nữ đã theo chồng thì không được quay về nhà, dù cho có nhớ mẹ, thương cha thì cũng phải cam chịu, khiến bao người phụ nữ xa quê phải ngậm ngùi nuốt đắng cay, thấm thía nỗi buồn khi nghĩ về quê mẹ:

*“Chiều chiều ra đứng bờ sông*

*Muốn về với mẹ mà không có đò”,*

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.*

Nhớ nhà không được về với cha mẹ mà còn phải chịu sự cay đắng của nhà chồng, đặc biệt là mẹ chồng:

“*Tiếng đồn cha mẹ anh hiền*

*Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ tan”*

Hay:

*“Trách cha, trách mẹ nhà chàng*

*Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau*

*Thật vàng chẳng phải thau đâu*

*Đừng đem lửa thử mà đau lòng vàng”.*

Quên đi những nhọc nhằn, vất vả của cuộc sống lao động, những người phụ nữ bình dân ấy cũng có những phút giây sống cho cảm xúc riêng tư, cũng trải qua các cung bậc nhớ nhung của một trái tim mới yêu:

*“Gió sao gió mát sau lưng*

*Dạ sao dạ nhớ người dưng thế này”*

*– “Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*

*Như đứng đống lửa như ngồi đống than”*

Có cô gái hồn nhiên, tinh nghịch hơn thì:

*“Ước gì sông rộng một gang*

*Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi”*

 Có thể thấy, ở thời nào cũng vậy, vẻ đẹp của người phụ nữ như một hằng số, bất biến ngàn đời. Đó là sự nhẫn nại, cam chịu, là sự thuỷ chung son sắt. Dù bao khổ đau, bất hạnh vẫn không thể vùi lấp được những vẻ đẹp đó. Nó như những “viên ngọc thô” mà thời gian, những bất hạnh khổ đau là chất xúc tác mài giũa, càng ngày càng toả sáng lấp lánh. Nhưng chỉ chừng ấy thôi cũng đủ để góp phần làm nên giá trị vô cùng to lớn cho văn học dân gian nói riêng cũng như văn chương Việt Nam nói chung, và “Ca dao Việt Nam đã trở thành viên ngọc quý óng ánh trong kho tàng văn học dân gian dân tộc”

ĐỀ 15: Từ lâu ta đã biết đến tiếng thơ vừa sôi nổi vừa đằm thắm mà tha thiết, trong sáng của Xuân Quỳnh, nay đến với Tiếng gà trưa lại một lần nữa ta bắt gặp điệu cảm xúc ấy. Bài thơ là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa. Đó là âm thanh gọi về những kỉ niệm, những cảm xúc thiêng liêng và nơi chốn bình yên cho tâm hồn con người.

Tiếng gà trưa là âm thanh giản dị, quen thuộc của làng quê Việt. nó gợi về cuộc sống yên ả, sự lao động yên vui, ấm áp của người nông dân quanh năm sau lũy tre làng. Ở đây, bằng những cảm xúc mới mẻ, nồng nàn rất riêng Xuân Quỳnh đã thổi vào thứ âm thanh ấy một vẻ đẹp rất thiêng liêng của những cảm xúc ấu thơ của người lính hành quân. Nó làm xao động cái nắng trưa trên đường hành quân.

Âm thanh ấy làm cho anh như đang sống lại thời thơ ấu đẹp đẽ của mình, nó như tiếp thêm sức mạnh cho đôi chân anh bớt mỏi, cho lòng anh xúc động dạt dào. Với ý nghĩa như vậy, tiếng gà trưa là âm thanh, tiếng gọi của quê hương, gia đình, xóm làng còn in đậm trong lòng người lính ra trận, trở thành hành trang của người lính trẻ.

*“Cục...cục tác cục ta*
*Nghe xao động nắng trưa*
*Nghe bàn chân đỡ mỏi*
*Nghe gọi về tuổi thơ”*

Đến đoạn thơ thứ hai, trong hai mươi sáu câu thơ, câu thơ Tiếng gà trưa được nhắc lại ba lần, âm thanh ấy gọi về bao kỉ niệm thân yêu. Xa xa tiếng gà trưa vọng lại, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu chắt chiu từng quả trứng hồng. Những quả trứng hồng, đàn gà chi chít đông đúc.

*“Tiếng gà trưa*
*Ổ rơm hồng những trứng*
*Này con gà mái mơ*
*Khắp mình hoa đốm trắng*
*Này con gà mái vàng*
*Lông óng như màu nắng”*

Tiếng gà trưa cất lên nơi xóm nhỏ, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu. Tuổi thơ sống bên bà có biết bao kỉ niệm đáng nhớ, tính hiếu kỳ, tò mò của trẻ thơ quan sát con gà đẻ trứng. Rồi bị bà mắng, sợ mặt bị lang, trong lòng cháu hiện lên lo lắng:

*“Tiếng gà trưa*
*Có tiếng bà vẫn mắng*
*Gà đẻ mà mày nhìn*
*Rồi sau này lang mặt*
*Cháu về lấy gương soi*

*Lòng dại thơ lo lắng*

*Khi gió mùa đông tới*
*Bà lo đàn gà toi*
*Mong trời đừng sương muối*
*Để cuối năm bán gà*
*Cháu được quần áo mới”*

Nổi bật qua suốt những câu thơ ấy là hình ảnh người bà chắt chiu, dành dụm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc để mong có được một đàn gà tốt giúp cháu có những bộ quần áo mới, dù nó chỉ nhỏ thôi nhưng mà thấm thía biết bao nhiêu.

Đoạn thơ nghe giản dị mà thật gần gũi nhường nào, những chi tiết tác giả miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt trong tâm trí trẻ thơ. Nỗi lo của bà thật cảm động xiết bao, đàn gà kia sẽ bị chết nếu như sương muối giá lạnh và cháu bà lại chẳng được may áo mới.

*“Ôi cái quần chéo go,*
*Ống rộng dài quết đất*
*Cái áo cánh trúc bâu*
*Đi qua nghe sột soạt”*

Cháu nhớ mãi sau mỗi lần gà được bán, bà lại ra chợ chọn mua cho cháu yêu bộ quần áo thật đẹp. Tình cảm yêu thương nồng hậu bà luôn dành trọn cho cháu, cho con. Tuổi thơ sống bên bà đây là quãng đời đầy ắp những kỉ niệm khó quên. Lần thứ tư “tiếng gà trưa” lại cất lên. Tiếng gà gọi về những giấc mơ của người lính trẻ.

*“Tiếng gà trưa*
*Mang bao nhiêu hạnh phúc*
*Đêm cháu về nằm mơ*
*Giấc ngủ hồng sắc trứng”*

Âm thanh xao động của tiếng gà trưa bình dị mà thiêng liêng, nó gợi tình cảm đẹp trong lòng người chiến sĩ hành quân ra trận. Âm thanh ấy như tiếng của quê hương, đất mẹ thân yêu. Tiếng gà trưa, đâu chỉ là âm thanh của một con vật vô tri mà nó là tiếng gọi của tuổi thơ, của yêu thương hồng, là những âm thanh của ký ức tươi đẹp, trong sáng đã theo cháu suốt một đời. nó cứ ám ảnh, âm vang day dứt mãi trong lòng nhà thơ, trong những giấc mơ tuổi nhỏ.

Âm thanh ấy đã đi vào tiềm thức đứa cháu nhỏ, đầy dịu dàng mà xúc động thiêng liêng vì nó gắn với tình bà cao cả. Đó cũng là lý do để người cháu sống cống hiến:

*“Cháu chiến đấu hôm nay*
*Vì lòng yêu tổ quốc*
*Vì xóm làng thân thuộc*
*Bà ơi, cũng vì bà*
*Vì tiếng gà cục tác*
*Ổ trứng hồng tuổi thơ”*

Điệp từ "vì" được lặp lại bốn lần liên tiếp nhấn mạnh mục đích chiến đấu của người chiến sĩ. Đó là vì tổ quốc thân thương, vì xóm làng quê thuộc nơi chôn rau cắt rốn của tuổi thơ, nhưng đất nước quê hương vô cùng vô tận, mênh mông ấy cũng chỉ mãi hữu hình trong dáng bà thầm lặng hi sinh, gắn với âm thanh của tiếng gà trưa quen thuộc. Hai tiếng "bà ơi" vang lên nghe mới tha thiết mà đằm thắm làm sao, nó vừa xúc động thiêng liêng, vừa bỏng sôi mãnh liệt.

Bài thơ “Tiếng gà trưa” là một nốt trầm sâu lắng, da diết của người lính trên bước đường hành quân gian khổ. Nhưng tiếng gà ấy còn là tên gọi khác của kỉ niệm, của hồi ức, của tình bà cháu thiêng liêng bất diệt. Với cách sử dụng linh hoạt điệp từ, các hình ảnh giản dị mà xúc động, Xuân Quỳnh đã truyền tải được thật chính xác lòng mình tới độc giả.

**ĐỀ SỐ 16: CẢM NHẬN VỀ HÌNH ẢNH NGƯỜI THẦY GIÁO HA MEN TRONG TÁC PHẨM “ BUỔI HỌC CUỐI CÙNG” (An-phông-xơ Đô-đê)**

 Chiến tranh luôn mang lại cho con người những nỗi bất hạnh và mất mát đau thương khôn cùng, trong đó có những nỗi đau dù không phạm vào da thịt nhưng nó lại khiến con người ta day dứt, trăn trở đến vô cùng, ấy là nỗi đau chia cắt dân tộc, nỗi đau chứng kiến đất nước bị giày xéo, bị buộc từ bỏ vốn văn hóa của dân tộc, để tiếp thu ngôn ngữ của kẻ thù, chịu sự khuất nhục đau đớn. Tất cả những nỗi đau ấy đều được thể hiện rất rõ thông qua truyện ngắn Buổi học cuối cùng và nhân vật người thầy Ha-men.

 Alphonse Daudet (An-phông-xơ Đô-đê) (1840 - 1897) là một nhà văn Pháp khá nổi tiếng với nhiều các tác phẩm đặc sắc như Thằng nhóc, Lá thư hè, Những người đàn bà đang yêu,... Ông đặt bút ở nhiều thể loại nhưng trong đó thể loại truyện ngắn An-phông-xơ Đô-đê gây được nhiều ấn tượng hơn cả với giọng văn tĩnh lặng, trầm ấm. Buổi học cuối cùng là một trong những tác phẩm đáng chú ý của An-phông-xơ Đô-đê, ra đời trong bối cảnh lịch sử nhiều đau thương, Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870-1871, dẫn đến việc hai vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào Phổ, đem đến cuộc chia cắt dân tộc đau đớn, không chỉ vậy các trường học ở nơi đây bị buộc phải dạy bằng tiếng Đức. Dẫn đến một sự kiện xót xa, khi mà người Pháp không còn được học tiếng mẹ đẻ, những thầy cô giáo dạy tiếng Pháp bị buộc phải rời đi trong nghẹn ngào, và thầy Ha-men chính là một trong số những con người phải nếm trải nỗi đau như vậy.

Câu chuyện diễn ra dưới cảm nhận và cái nhìn của nhân vật Phrăng- một cậu bé ham chơi, không quan tâm lắm đến chuyện học hành và thường trì hoãn các buổi học, đặc biệt là buổi học tiếng Pháp của thầy Ha-men. Cậu thường tránh né sự trách phạt của người thầy bằng cách len lén vào lớp những lúc buổi học ồn ào đan xen giữa tiếng đánh vần và tiếng thước kẻ của thầy giáo. Hôm nay cũng như thường lệ, Phrăng vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục tới trường trong bộ dạng hộc tốc, vội vã, thế nên khi thấy bảng cáo thị trên bảng tin cậu cũng chẳng kịp để ý xem chuyện gì đang xảy ra trên quê hương mình, và cũng bỏ qua cả lời nói tưởng như là chế nhạo từ bác phó rèn Oát- stơ. Chỉ khi bước đến lớp, thông qua ô cửa sổ mở rộng, nhìn thấy không khí lớp học im lặng như một buổi sáng chủ nhật, và thầy Ha-men đang đi lại với cây thước kẹp dưới nách làm cậu bỗng có linh cảm không tốt, dường như có một chuyện gì đó hệ trọng lắm đang đợi chờ phía trước. Thực tế trong lúc này Phrăng sợ hãi sẽ bị thầy trách phạt nặng vì lỗi đến muộn của mình, thế nhưng thật bất ngờ, người thầy vốn nổi tiếng nghiêm khắc khi nhìn thấy Phrăng bên ngoài thì lại từ tốn, dịu dàng bảo cậu bé vào lớp "Phrăng vào chỗ nhanh lên con, lớp sắp bắt đầu học mà lại vắng mặt con".

Sau khi đã ngồi vào vị trí trong sự ngỡ ngàng, Phrăng mới kịp nhận ra sự khác lạ của người thầy, hôm nay thầy mặc "chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, rìa lá sen xếp nếp mịn và và cái mũ tròn bằng lụa thêu mà thầy chỉ mặc những hôm có thanh tra và phát phần thưởng", bộ trang phục mà hiếm khi thầy Ha-men diện, chỉ có những dịp quan trọng thầy mới dùng đến. Điều đó khiến Phrăng dần cảm nhận được buổi học hôm nay có gì đó khác biệt, trang trọng hơn ngày thường. Đáp lại sự thắc mắc ấy, thầy Ha-men nhẹ nhàng bước lên bục giảng, dáng vẻ trang trọng và dịu dàng nhất của một người thầy nhìn xuống các học sinh thân yêu nói bằng một chất giọng từ tốn: "Hôm nay là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các vùng An-dát và Lo-ren...Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con...". Có lẽ rằng đối với một người dân Pháp, một người thầy dạy Pháp văn để nói ra được những thông tin ấy, thầy Ha-men đã phải đau đớn và buồn bã đến thế nào. Và rồi mai đây những học sinh nơi này buộc phải từ bỏ tiếng mẹ đẻ, để đi học thứ tiếng đến từ kẻ thù, từ quân "khốn nạn" đã xâm lược, giày xéo mảnh đất quê hương. Hơn ai hết thầy Ha-men, một người thầy đã cống hiến hơn 40 năm cuộc đời cho sự nghiệp dạy tiếng mẹ đẻ cho bao thế hệ học sinh lại càng thấm thía nỗi đau này hơn bất kỳ một người Pháp nào khác. Chính vì thế trong buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp này, thầy đã ăn vận thật đẹp, thật trang trọng để tôn vinh nó, và thầy cũng mong rằng mỗi một học sinh, mỗi một người dân Pháp ở An-dát và Lo-ren cũng như thầy trân trọng và ghi nhớ từng khoảnh khắc đang diễn ra ngày hôm nay. Chỉ bấy nhiêu đó thôi người ta cũng nhận thấy tấm lòng yêu thương tiếng mẹ đẻ thiêng liêng, sự tâm huyết trong quãng đường lao động vì sự nghiệp giáo dục hơn 40 mươi năm mà thầy Ha-men sắp phải từ giã. Đó là một mất mát, một nỗi đau lớn trong lòng người thầy giáo tội nghiệp, bởi sắp tới đây thứ thầy phải từ bỏ không chỉ là công việc dạy học, mà là cả mảnh đất thầy đã gắn bó hơn nửa đời người, tận mắt thấy viễn cảnh đất nước rơi vào tay giặc, rồi số phận các em học sinh, những người dân Pháp ở nơi đây sẽ ra sao, càng nghĩ lại càng thấy xót xa.

Và trong buổi học cuối cùng này, thầy Ha-men không dành nhiều thì giờ để trách phạt học trò, hay dạy các em đánh vần từng tiếng mẹ đẻ nữa. Trước sự ngập ngừng ấp úng của cậu học trò Phrăng khi cậu không thể đọc trôi chảy bài học bằng tiếng Pháp, thứ tiếng mà rồi giờ đây cậu sẽ không còn được học nữa, thầy Ha-men vẫn rất nhẹ nhàng, ôn tồn nói với Phrăng cũng là những lời nói sâu kín trong lòng mà thầy muốn nói với tất cả mọi người. Thầy Ha-men đã chỉ ra sự thích trì hoãn của đa số đám học sinh, người ta cứ tưởng rằng mình còn khối thì giờ để học, ngày mai, ngày kia, ngày kia nữa, nhưng đâu ai biết được rằng tai họa đã giáng xuống xứ sở này chỉ trong một đêm.

Mảnh đất quê hương thân thuộc bỗng trở thành thuộc địa của kẻ thù, chúng ta những người dân bản xứ buộc phải từ bỏ tiếng bản địa để học thứ tiếng của chúng, để sẵn sàng trở thành nô lệ cho những kẻ xâm lược. Đau đớn làm sao, giá như người ta có thể học và ghi tạc trong lòng thứ tiếng mẹ đẻ rồi truyền cho con cháu thì ít nhất dù mất chủ quyền lãnh thổ, người ta vẫn còn được tự tôn, được văn hóa dân tộc. Thế nhưng đáng buồn rằng, đến tiếng mẹ đẻ mà những cô cậu học trò như Phrăng cũng không thể đọc trôi chảy thì chỉ ít lâu nữa thôi như lời thầy Ha-men nói những nỗi nhục nhã sẽ ập tới, kẻ xâm lược có quyền chỉ thẳng mặt những người tự nhận là dân Pháp mà nói rằng: "Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người" và điều đó dường như đang trở thành sự thật.

Từng lời nói ấy của thầy Ha-men dẫu rất nhẹ nhàng thế nhưng đã giáng từng nhát thật mạnh vào trái tim của từng người, những con người vẫn tìm lý do để trì hoãn việc học hành tử tế. Thế nhưng thầy Ha-men cũng là một người có suy nghĩ thấu đáo, thầy hiểu và cũng hiểu được rằng việc học hành không tử tế, không phải hoàn toàn là lỗi của những đứa trẻ, mà còn có phần lỗi ở các bậc phụ huynh khi không ý thức được tầm quan trọng của giáo dục, và thầy cũng nhận cả lỗi về mình, vì có đôi khi thầy cũng chưa hoàn toàn làm tốt bổn phận dạy dỗ của một người giáo viên. Người thầy đạo đức, có cái nhìn thấu hiểu và sáng suốt ấy vậy mà sắp phải rời khỏi nơi mình đã từng gắn bó bốn mươi năm cuộc đời, không còn được cống hiến cho mảnh đất này nữa. Điều ấy không khỏi làm người ta cảm thấy chạnh lòng, đau xót trước bi kịch của những con người và mảnh đất xứ An-dát.

Cũng trong buổi học cuối cùng ấy, thầy Ha-men đã nói rất nhiều về tiếng Pháp, về vẻ đẹp của nó, đó là thứ ngôn ngữ "hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất". Những lời ngợi ca tiếng mẹ đẻ ấy đã thể hiện rõ được tấm lòng của người thầy, không chỉ là sự trân trọng, yêu mến sâu sắc với tiếng nói của dân tộc, mà còn là tấm lòng yêu quê hương, lòng tự tôn mãnh liệt của một người dân Pháp trước sự xâm lược của kẻ thù. Thông qua tình cảm ấy, thầy Ha-men khẳng định một chân lý, một bài học vô cùng quý giá và luôn đúng ở mọi thời đại rằng "khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác nào nắm được chìa khóa của chốn lao tù...". Lời dạy ấy dường như đã mở ra trong trái tim của độc giả và cả những con người xứ An-dát một con đường sáng, càng khẳng định tầm quan trọng của văn hóa, truyền thống vốn là cốt lõi của một dân tộc, một đất nước. Rồi thầy Ha-men lại chăm chú tiếp tục giảng giải, dường như người thầy tội nghiệp muốn truyền đạt lại hết nguồn tinh hoa kiến thức của cuộc đời về tiếng Pháp cho học sinh của mình trong những giây phút cuối trước khi phải chia xa. Bao nhiêu những biểu hiện ấy đều cho thấy tấm lòng đạo đức và cả nỗi đau đớn tột cùng trước nghịch cảnh đất nước của thầy Ha-men, là sự tiếc nuối, xót xa, trăn trở cho số mệnh của cả một dân tộc trước sự xâm lược tàn ác của kẻ thù.

Dáng vẻ tội nghiệp, luyến tiếc của người thầy còn bộc lộ thông qua việc thầy đứng trên bục giảng nhìn đăm đăm từng thứ đồ vật trong lớp học những thứ vốn đã gắn bó với thầy suốt mấy mươi năm nay. Dường như tầm mắt người thầy muốn mang đi hết tất cả hình bóng của ngôi trường nhỏ bé thân thương. Đau lòng, buồn bã trước nghịch cảnh nhưng thầy Ha-men vẫn cố gắng hoàn thành thật tốt buổi dạy cuối cùng như là một lời chào từ biệt. Tiếng chuông báo điểm giờ tan trường reo lên, như đánh động vào tâm can của người thầy. Thầy muốn nói, muốn phát biểu gì đó trước mặt toàn thể những người có mặt ở đây trước giờ chia tay, thế nhưng không thể vì quá xúc động. Cuối cùng những lời muốn nói ấy, những tâm tư trong lòng người thầy chỉ gói gọn lại bằng mấy chữ "NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!", tuy ngắn ngủi nhưng chứa đựng cả tấm lòng của người thầy, tấm lòng yêu nước sâu sắc, không bao giờ chịu khuất phục trước sự xâm lược của kẻ thù, đó cũng là bài học cuối cùng mà thầy Ha-men đáng kính muốn truyền lại cho các học sinh thân yêu của mình trước khi phải rời đi.

 Nhân vật thầy Ha-men trong tác phẩm Buổi học cuối cùng là một nhân vật gây cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc, không chỉ bởi vì tình yêu tiếng ngôn ngữ mẹ đẻ, tấm lòng yêu nước, lòng căm ghét quân thù, không bao giờ chịu khuất phục mà còn đặc biệt bởi cái cách mà thầy truyền đạt lại những bài học quý giá vào buổi học cuối cùng. Không ồn ào, không vòng vo, sáo rỗng mà chỉ đơn giản là chỉ ra những khiếm khuyết của mọi người một cách nhẹ nhàng, từ tốn, từ đó đưa ra những bài học sâu sắc về ngôn ngữ văn hóa dân tộc. Thêm vào đó vẻ đẹp của người thầy còn là cái cách mà thầy chăm chút, tỉ mẩn chuẩn bị cho lần lên lớp cuối cùng một cách chỉn chu, trang trọng và đáng nhớ nhất. Tất cả đều thể hiện thật rõ ràng cái cốt cách sáng ngời của một người thầy cả đời cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, truyền bá văn hóa dân tộc không ngừng nghỉ, kể cả khi rơi vào nghịch cảnh đau xót.

**ĐỀ SỐ 17: PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM NHỮNG CÁNH BUỒM CỦA NHÀ THƠ HOÀNG TRUNG THÔNG.**

 Thăm thẳm muôn trùng, mênh mông bất tận, ngút ngàn rợn ngợp… biển như là đại diện cho những gì vô cùng vô tận, phi thường và kỳ vĩ trên thế gian này. Con người ta hay ví mình là giọt nước giữa lòng biển khơi, là hạt cát nhỏ nhoi trên bờ biển, như một sự tự ý thức về kiếp nhân sinh nhỏ bé, mong manh của chính mình. Nhưng điều kỳ lạ ngỡ như mâu thuẫn mà rất hợp lý, rằng con người dẫu biết mình mong manh vẫn muốn hóa cường tráng, nhỏ nhoi vẫn muốn hóa lớn lao… nên trước biển, khát khao vẫn trào lên như muôn ngàn lớp sóng. Biển, vì thế còn là đại dương của ước mơ!Bởi vậy chăng mà tự cổ chí kim đã có không biết bao nhiêu thi nhân say mê viết về biển. “Những cánh buồm” của Hoàng Trung Thông là một trong muôn vàn những thi phẩm hay về đề tài này.

 Bài thơ được Hoàng Trung Thông sáng tác từ năm 1963 và được chọn làm tên chung cho tập thơ của ông do NXB Văn học ấn hành năm 1971. Tác phẩm khắc họa một cuộc dạo chơi của hai cha con trên bãi biển, lời thơ giản dị mà khơi gợi bao ý nghĩa sâu xa: Bài thơ giàu chất suy tư, trầm lắng trong từng nhịp thơ, thấm thì như tiếng vỗ êm đềm của đại dương, nhưng vẫn huyền diệu trong hình ảnh thơ hai cha con với những hoài bảo trong sáng như một huyền thoại. Hoàng Trung Thông gửi gắm ước mơ được bay xa tới những vùng trời mơước của hai thế hệ trong hình tượng cánh buồm căng phồng lao đi trên mặt biển trong hơi gió.

Bài thơ mở đầu trong một “khí thế” như câu chuyện cổ tích của nhiên chan hòa màu sắc rực rỡ:

*Hai cha con bước đi trên cát*

*Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh*

*Bóng cha dài lênh khênh*

*Bóng con tròn chắc nịch.*

Hình ảnh hai cha con tiếp bước song song nhau trên bãi cát làm chan chứa một hồi âm lan truyền chan hòa trong sắc trời đại dượng thật kì diệu. Không gian khoáng đãng rực rỡ, long lanh màu màu hạnh phúc như mở ra, mời gọi con người. Bóng dáng hai cha con như nổi bật hẳn bơi sự nhỏ bé của con người, khung cảnh thiên nhiên bao la sóng nước. Người cha bỗng trở nên già dặn, tuổi đời như trải dài trong ước mơ vô tận của biển khơi trong bóng lênh khênh, trong tầm mắt của tác giả. Con như thế gói gọn trong tiếng gọi của biển, bé bỏng nhưng tràn đầy một tương lai mới đang chờ đợi. Hình ảnh đối thật ngộ nghĩnh, dễ thương càng khắc sâu thêm sự khác biệt của hai thế hệ cha - con, nhưng họ cùng hướng về ước muốn nhất định, cùng tồn tại song song trong tiếng gọi của đại dương buổi sớm mai. Khung cảnh đại dương mãi chói chang, huyền diệu:

*Sau trận mưa rả rích*

*Đất càng mịn, biển càng trong*

*Cha dắt con đi dưới ánh nắng hồng.*

Đọc câu thơ ta cảm nhận được trước mắt ta cảnh vật bỗng tươi đẹp hơn. Bãi cát trải dài mịn màng như được một bàn tay thần kì nào đó đêm qua vuốt ve. Nước biển trong một màu biếc khơi gợi trong ta một cảm xúc dạt dào như muốn chạy ùa vào lòng biển. Khung cảnh tươi đẹp ấy chỉ có được sau một trận mưa đêm dai dẳng liên tục. Biển đẹp vàng càng trong sáng bao nhiêu thì trận mưa đêm qua càng kéo dài, da diết bấy nhiêu. Cũng như hai cha con trong bài thơ, bóng người cha có dài và gầy đi thì sự chài nịch mới có được ở người con. Đó là quy luật của tạo hóa. Những điều gì mà trước đó con người làm chưa tốt, chưa xong như sự rả rích của trận mưa thì ngày sau mới có được vẻ đẹp vừa mịn vừa trong mà con người nhận thực được là thế hệ dìu dắt nhau đi như thể truyền cho nhau những mơ ước của mình. Người cha chỉ dẫn cho con bước đi trong một thế giới tràn ngập màu hồng của một chân trời tương lai đang mở rộng. Ánh mai hồng như những sợi tơ nắng đang nhẹ nhàng chiếu sáng mở đầu cho một ngày mới. Phải chăng trong tầm mắt nhà thơ, người con đang được thừa hưởng những gì cao quý, đẹp nhất của người cha và trong lòng chợt lóe lên những tia mơ ước đầu tiên về một tương lai sáng, một màu hồng hạnh phúc Một tâm trạng náo nức thúc giục cậu bé thốt ra một câu hỏi thơ ngây:

*Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:*

*Cha ơi! Sao xa kia chỉ thấy nước, thấy trời*

*Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?*

Đọc khổ thơ tiếp theo, ta hình dung được tâm hồn người đi trước chợt dạt dào niềm cảm xúc, tướng như say trong niềm vui khi cảm nhận được bước chân đang nhịp chắc nịch trên bờ của tuổi trẻ, một cánh cửa rộng mở, một chân trời mới của thế hệ sau mình. Chính người cha đã dệt cả vẻ đẹp tiềm ẩn của biển vào lòng con mình khi dìu dát cậu bé bước đi trên nền của biển mà chỉ cần một chút nữa thôi con mình sẽ ùa ra hiến được. Người con nao nức lắc tay cha, một phản xạ thật nhanh trước những gì cha đã gợi cho mình. Tiếng Cha ơi! thốt lên sao trìu mến lạ lùng, cậu bé hồn nhiên hói cha khi thấy trước mắt mình bao la sóng nước mà nhà cửa, cây cối, con người sao không thấy đâu cả? Câu hỏi tu từ như dội vào lòng người đọc bởi diệp từ không thấy. Thật hạnh phúc khi cả hai cha con đều trong một tâm trạng phơi phới, háo hức muốn tìm hiểu về biển. Chính cái không thấy ấy sẽ tạo  cho đứa con một mơ ước mình sẽ đi tìm tại sao biến chỉ toàn một màu sắc, nước bao la.

*Với một thái độ trìu mến, người cha tâm sự:*

*Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:*

*Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa*

*Sẽ có cây, có cửa, có nhà vẫn là đất nước của ta*

*Những nơi đó cha chưa hề đi đến.*

Người cha không hề tỏ ra một sự ngạc nhiên nào trước câu hỏi của con mà còn khẽ mỉm cười giảng giải cho con, từng bước nâng đỡ ước mơ của con. Con sẽ giải đáp được thắc mắc của mình khi chính con đã trở thành một thủy thủ, gắn bó với đại dương. Lúc đó biển sẽ đáp lời con. Thế nhưng cha vẫn chưa từng đi đến mặc dù cha biết biên ở tận một nơi xa xăm nào đó sẽ có cây, cửa, nhà, chứng tỏ ở người cha cùng đã từng ấp ủ ước mơ như người con và có lần tìm hiểu về điều đó nhưng vẫn chưa tận mắt giải đáp được câu hỏi của mình. Khổ thơ hoàn toàn là lời tâm sự của người cha đối với con. Mồi một con người, ai cũng từng trải qua tuổi thơ ngáy ngô với những ước mơ vô tận nhưng chưa hẳn đà có khả năng thực hiện được.

Tiếp tục theo những cánh buồm của hai cha con.

*Cha lại dắt con đi trên cát mịn*

*Ánh nắng chảy đầy vai*

*Cha trầm ngâm nhìn mái cuối chân trời.*

Vẫn với tư cách người dẫn đường, người cha từng bước tiếp tục tạo điều kiện chắp cánh cho ước mơ của con trên nền của một hoài bão lớn. Họ đã bước đi rất lâu, như hòa nhập trong lòng biển, trong nhịp bước song song trên cát từ buổi bình minh của ngày mới đến lúc nắng đã lên cao. Hình ảnh nắng chảy trên vai là hình ảnh vừa thực vừa trừu tượng. Hai cha con như say sưa đến nỗi nắng đá tỏa rạng và như tung tăng đùa giỡn bên họ càng tô đậm thêm hình ảnh bền bỉ bước đi của cha và con. vẻ mặt trầm ngâm của người cha làm câu thơ như dừng hẳn lại pha lẫn ánh mắt tiếc nuối trước mơ ước xa xăm mà mình vẫn chưa đạt được. Ngay từ thời gian đầu bước đi trên cát, người con đã tiếp nhận một vẻ đẹp kì bí của biển, trong lòng chợt lóe lên những mong muốn được bay bổng giữa biển khơi. Bước những bước xa và dài hơn ánh mai do giờ đây đã là những ánh nắng chững chạc thực sự. Cậu bé giờ đây như lớn hơn khi thốt lên:

*Cha mượn cho con buồm trắng nhé*

*Để con đi…*

Lời tin thầm vang lên từ chính nơi sâu thẳm của tâm hồn trẻ thơ. Chính vì biển quá bao la mà cậu bé muốn khám phá trên một cánh buồm “trắng” đầy ước mơ tuổi thơ. Con đã “trở” cánh buồm, phải chăng cậu bé đã các định cho mình một tương lai nhất định, một mục tiêu mà mình sẽ theo đuổi trong đời. Ở người cha, tự tưởng, mơ ước của ông còn bó hẹp trong khuôn khổ đất nước của ta nhưng vẫn chưa đạt đến. Riêng đứa con, chỉ với ba từ “để con đi” thì hoàn toàn không gò bó trong một khoảng trời nào. Người con muốn đi khắp nơi, muốn “xông pha” trên biển cả. lời nói của trẻ thơ quá đỗi hồn nhiên nhưng ấp ủ một hoài bảo đáng yêu, đáng ca ngợi. Thế đấy! Nhà thơ Hoàng Trung Thông quá tinh tè khi so sánh hai thế hệ già - trẻ. Cùng là một mục đích, niềm say mê cuộc sống, nhưng người đời sau vẫn nổi bật hơn với mong muốn vượt xa hơn trong tương lai. Lời nói của con như làm bừng tỉnh tâm hồn người cha, khơi gợi trong ông những hối ức xa xôi:

*Lời của con hay tiếng sóng thầm thì*

*Hay tiếng của lòng cha từ một thời sâu thẳm?*

*Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận*

*Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.*

Vậy là với người cha, những hiểu biết về chân trời xa chỉ dừng lại trong nhận thức. Nhưng với người con, sự nhận thức giờ đây đã hóa thành ước mơ hoài bão lớn. Và Cánh buồm trắng sẽ giúp con thực hiện những điều cha chưa làm được. Đi không còn chỉ hành động cụ thể trong suy nghĩ ngây thơ của đứa trẻ nữa mà đi còn là “ý nghĩa cuộc đời, là sứ mệnh của đời trẻ” (Vũ Nho). Khoảng cách giữa cha và con là khoảng cách của hai thế hệ, nhưng qua lời của con, người cha chợt nhận ra có một sự kết nối đặc biệt.

Có thể trước đây, khi còn nhỏ như con, cha cũng từng khát khao đi như thế. Con và cha của quá khứ và hiện tại cùng chung một ước vọng, một ý nguyện. Bờ là bến đỗ của cha nhưng cũng là điểm xuất phát của con. Chân trời là khao khát của cha nay lại ươm mầm lớn dậy trong con. Cha đã trao lại cho con ngọn lửa của đam mê và khát vọng, để thế hệ trẻ hôm nay bước tiếp con đường của cha anh thuở trước! Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông là bài ca đẹp về ước mơ vươn tới của con người.

 Những cánh buồm đã gieo vào lòng thế hệ trẻ những ước mơ bay bổng, thúc giục chúng ta tìm tòi, học hỏi và khám phá để vươn tới chiếm lĩnh chinh phục thế giới vũ trụ. Chính vì thế, bài thơ đã gây xúc động lòng người nhà thơ đã thổi cho cánh buồm của tuổi thơ một phần nào hơi gió của cuộc sống mà tương lai lớp trẻ sẽ căng phồng vượt xa trong chân trời mới đang rộng mở.

**ĐỀ SỐ 18: CẢM NHẬN VỀ BÀI THƠ “ MẸ VÀ QUẢ” CỦA NHÀ THƠ NGUYỄN KHOA ĐIỀM**

 Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ chống Mỹ cứu nước. Thơ ông hấp dẫn bạn đọc bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Lời thơ Nguyễn Khoa Điềm không hoa mỹ kiêu kỳ mà như lời tự sự, lời tâm tình nhẹ nhàng bình dị nhưng lại có giá trị lay thức, ám ảnh tâm tư bạn đọc lâu dài bởi những triết luận sâu sắc được chuyển hoá qua những hình tượng thơ độc đáo, những tứ thơ có tính phát hiện mới đầy ám ảnh. Mẹ và quả là một bài thơ giản dị nhưng gợi nhiều liên tưởng mang tính nhân văn.
 Bài thơ chia làm ba khổ, tất cả gồm 12 dòng thơ với âm lượng mỗi dòng không đều nhau (5 dòng 7 chữ, 7 dòng 8 chữ). Giai điệu của bài thơ không mượt mà, du dương bởi tác giả ít quan tâm đến việc phối thanh, gieo vần; chủ yếu nhà thơ muốn bày tỏ cảm xúc chân thành, những suy nghĩ nghiêm túc gởi vào trong những hình ảnh thơ bình dị làm chúng ta nhớ mãi.
Nhan đề bài thơ Mẹ và quả có vẻ rất đơn giản, nhưng nó không thoáng qua nhẹ nhàng mà đọng lại, gợi thức trong mỗi chúng ta nhiều suy ngẫm về người mẹ trải bao vất vả cưu mang, chăm chút để cho nhiều thứ quả trên đời, trong khi đó đạo sống của con người là “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm mở đầu cho những dòng suy tư cảm xúc về mẹ bằng mấy lời tự sự, như lời tâm tình chia sẻ với chúng ta những kỷ niệm thân thương về mẹ, về mái ấm gia đình bao năm quây quần sinh hoạt bên nhau.

*Những mùa quả mẹ tôi hái được*

*Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc*

*Như mặt trời, khi như mặt trăng*

Những công việc vun trồng ngày này sang ngày khác, mùa này sang mùa khác của mẹ diễn ra có vẻ đơn giản, nhưng hàm chứa nhiều mong mỏi lớn lao của mẹ. Mẹ trông cậy vào thành quả tốt đẹp, khi đã dày công vun trồng chăm bón với ý thức trách nhiệm cao chứ không bỏ mặc để chúng phát triển tuỳ tiện. Ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã gợi ra mảnh vườn xanh tươi, gợi ra bóng dáng cuả mẹ ẩn hiện dưới giàn bí, len lõi giữa những luống khoai, vồng ớt, hàng cà lam lũ, như Nguyễn Duy khi “ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa”, mà hình dung bóng dáng của mẹ tất bật xót xa:

*Mẹ ta không có yếm đào*

*Nón mê thay nón quai thao đội đầu*

*Rối ren tay bí tay bầu*

*Váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa*

Kết quả công lao khó nhọc của mẹ là “những mùa quả lặn rồi lại mọc” tiếp nối nhau, đem lại cuộc sống no đủ cho đàn con, cho gia đình. Những mùa quả “như mặt trời” rộ chín của cam vàng, ớt đỏ, bí ngô già; “khi như mặt trăng” trắng dịu màu hoa, xanh màu ngọc như quả cà, quả bầu, quả mướp. Lời thơ còn gợi ra một bầu khí quyển thanh khiết, yên bình của chốn hương đồng gió nội quê nhà, giúp cho mỗi chúng ta tạm xa rời thế giới đô thị ồn ào, vội vã, xô bồ; tìm về quê quán ta xưa để được đắm mình trong hoài niệm tuổi thơ hạnh phúc, lâng lâng với dòng sữa ngọt ngào nuôi ta phần xác và lời ru ấm áp của mẹ bồi dưỡng phần hồn trong sáng thanh cao.

Từ vườn cây của mẹ, Nguyễn Khoa Điềm bắt nhịp tự nhiên sang vườn người với những nhận xét so sánh hóm hỉnh mà thâm trầm.

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

*Chúng mang dáng những giọt mồ hôi mặn*

*Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi*

Từ bàn tay chăm sóc chu đáo và tấm lòng yêu thương, quý mến của mẹ dành cho cây, cho con, nên tất cả đều phát triển tốt đẹp. Những đứa con cao lớn dần lên cả về thể chất lẫn đời sống tâm hồn; còn bí, bầu thì lớn xuống dài to ra. Tất cả đều là sự kết tinh bao nhọc nhằn lao khổ của mẹ. Tác giả đã có một liên tưởng thú vị mang theo tấm lòng biết ơn trân trọng dành cho mẹ khi hình dung bí, bầu “chúng mang dáng những giọt mồ hôi mặn/Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi”.

Ý thơ Nguyễn Khoa Điềm gợi ta nhớ đến bài ca dao nói về nỗi vất vả của mẹ, của người nông dân một nắng hai sương.

*Mồ hôi mà rỏ xuống đồng*

*Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương*

*Mồ hôi mà đổ xuống vườn*

*Dâu xanh lá tốt vấn vương tơ lòng*

Từ chuyện bầu bí, mạch thơ chuyển hẳn sang chuyện người con. Dòng ý thức của nhà thơ, với tư cách là một đứa con, ông băn khoăn lo lắng khi “mẹ già như chuối chín cây” mà mình vẫn còn là thứ quả non xanh.

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời*

*Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái*

*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*

*Mình vẫn còn một thứ quả non xanh*

Trên đời này, ai trồng cây mà không mong thu hái mùa quả ngọt. Cây năm nào cũng có quả, mất mùa này còn hy vọng mùa sau. Còn những đứa con là thứ quả vô giá mà người mẹ chăm chút mòn mỏi qua bao năm tháng mới hy vọng đến độ chín – mới chín chắn – vững vàng, thành đạt. Trong góc nhìn quan tâm, bao dung của người mẹ, những đứa con dù tuổi đã lớn nhưng biết đâu vẫn nông nổi, dại khờ. Chỉ một lầm lạc, sai trái là có thể di hại một đời người; nên mẹ luôn dõi theo con từng bước.

Trên đời này, ai trồng cây mà không mong thu hái mùa quả ngọt. Cây năm nào cũng có quả, mất mùa này còn hy vọng mùa sau. Còn những đứa con là thứ quả vô giá mà người mẹ chăm chút mòn mỏi qua bao năm tháng mới hy vọng đến độ chín – mới chín chắn – vững vàng, thành đạt. Trong góc nhìn quan tâm, bao dung của người mẹ, những đứa con dù tuổi đã lớn nhưng biết đâu vẫn nông nổi, dại khờ. Chỉ một lầm lạc, sai trái là có thể di hại một đời người; nên mẹ luôn dõi theo con từng bước.
Điều quan trong hơn là những đứa con cần hiểu niềm hạnh phúc lớn lao của cha mẹ là được chứng kiến sự thành đạt của các con. Trách nhiệm của những người con là phải tu dưỡng, học tập, rèn luyện để trở thành nhân cách có đạo đức, có văn hoá, có nghề nghiệp vững chắc, để mẹ yên lòng khi bàn tay đã mỏi. Đó là sự báo hiếu ý nghĩa nhất.
Nhà thơ đã sử dụng phép nói giảm, nói tránh như “ngày bàn tay mẹ mỏi” mà “mình vẫn còn một thứ quả non xanh” làm cho ý thơ nghe có vẻ nhẹ; nhưng thực ra nó có sức nặng lay thức tất cả chúng ta. Những đứa con trên cõi đời này hãy sống sao cho mẹ yên lòng thanh thản. Đừng tự biến mình thành thứ quả sâu, quả độc làm đau lòng mẹ; rồi khi cài lên ngực mình bông hồng trắng, mà hối hận thì đã quá muộn màng!

Vần thơ Mẹ và quả ngân lên như lời tỉ tê tâm sự giản dị, chân thành của Nguyễn Khoa Điềm với mỗi chúng ta về người mẹ yêu kính của thi sĩ. Nhưng dư âm của nó đã tạo ra những con sóng lan toả lâu dài trong trường tình cảm, trong ý thức của bạn đọc, từ đó mà mỗi người cần phải biết sống sao cho đúng nghĩa một con người ân tình hiếu thảo.

 Qua bài thơ Mẹ và quả , nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm muốn bày tỏ tình cảm yêu thương và biết ơn công lao sinh thành và nuôi dưỡng của mình đến người mẹ kính yêu. Đồng thời, thi phẩm cũng mang một làn sóng lan toả yêu thương nhắn nhủ đến bạn đọc hãy yêu thương những bậc sinh thành của mình khi còn có thể.

**ĐỀ SỐ 19: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT NGƯỜI CHA TRONG TÁC PHẨM “ VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ” CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN NGỌC THUẦN**

**BÀI LÀM**

 Anderen đã từng nói rằng: “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng chính cuộc sống viết ra”. Hiện thực cuộc sống được xem là cái nền cho những cảm hứng nghệ thuật chắp cánh và đâm chồi. Chính vì vậy, bức tranh hiện thực cuộc sống; con người trong tác phẩm văn học chân chính sẽ luôn có sức hấp dẫn đối với người đọc. Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần là một tác phẩm như thế. Đây cũng là một trong số ít những tác phẩm viết về tình cha con. Trong truyện này, tác giả xây dựng một vài nhân vật: người con, người cha, thằng Tí, bà Sáu… Nhưng với người đọc, người để lại nhiều ấn tượng hơn cả là nhân vật người cha.

Nhân vật người cha xuất hiện song hành cùng người con và xuyên suốt câu chuyện. Trong mắt người con, cha hiện lên là một người vô cùng yêu thương, gần gũi với con “bố trồng nhiều hoa, bố làm cho “tôi” cái bình tưới nhỏ bằng thùng sơn, hai bố con cùng nhau tưới hoa”. Không chỉ có vậy, bố còn là người có cách giáo dục đặc biệt. Bố không dạy lí thuyết sách vở chung chung mà dạy con mọi thứ bằng thực hành, hướng dẫn con để con tự cảm nhận. Hàng ngày bố yêu cầu con nhắm mắt, sờ và đoán các loài hoa trong vườn. Ban đầu chưa quen, con chỉ đoán được một hai loại, dần dà con đã đoán được hết các loài hoa trong vườn của bố, hơn thế nữa con còn thuộc hết khu vườn, vừa nhắm mắt vừa đi mà không chạm phải một vật gì. Bài sờ hoa đoán đã thuộc, người cha tăng độ khó lên, lần này cha cho con ngửi mùi các loài hoa và đoán tên. Trò chơi của bố được lặp lại cho đến khi người con thuộc hết các loài hoa trong vườn thì thôi. Như vậy người đọc không chỉ thấy được phương pháp giáo dục hiện đại của người cha mà còn thấy được sự tỉ mỉ, ân cần trong cách dạy con, thấy được tình yêu thiên nhiên, trân trọng những điều giản dị nhất của người cha.

Bên cạnh đó, thông qua việc giảng giải cho người con về món quà, về sự huyền diệu của tên gọi người đọc còn thấy đây là một người cha sống tình cảm và có hiểu biết rộng. Khi biết con thích gọi tên thằng Tí, người cha đã lí giải cho con “mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu”. Rồi khi thằng Tí đem cho ổi, mặc dù cha không thích ăn những vẫn ăn ổi nó tặng, người con thắc mắc “sao bố kính trọng nó quá vậy”. Người bố trả lời người con chân thành “bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”. Câu nói của nhân vật bố có thể hiểu: món quà chính là tình cảm, tấm lòng của người tặng đã gửi gắm vào đó nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp. Cách chúng ta nhận, trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.. Qua đây chúng ta cảm nhận được tình cảm cha con gắn bó tha thiết, người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.

Nhân vật người cha được khắc họa qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc, suy nghĩ và qua mối quan hệ với những nhân vật khác (thằng Tí, bà Sáu, hàng xóm…). Khi khắc họa nhân vật người cha, tác giả sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện đặc sắc như: người cha nhảy xuống cứu thằng Tí, cầm hai chân dốc ngược; …. Tác giả lựa chọn ngôi kể thứ nhất với điểm nhìn là người con kể về người cha khiến cho câu chuyện được kể hấp dẫn, hồn nhiên và người con dễ dàng bộc lộ được tình cảm, cảm xúc của mình với cha, ví như “bố cười khà khà khen tiến bộ lắm, bố tôi bơi giỏi lắm”…

Xây dựng nhân vật người cha song hành cùng người con không chỉ giúp người đọc thấy được mối quan hệ cha con, tình cảm cha con trong gia đình mà tác giả còn cho người đọc thấy bài học bổ ích về phương pháp giáo dục hiện đại: học bằng thực hành. Đồng thời cũng nhắn nhủ tới các bậc làm cha làm mẹ hãy yêu thương con cái, tạo cho con môi trường lành mạnh, gần gũi chan hòa với thiên nhiên. Thời buổi công nghệ số, con trẻ xem, chơi điện thoại, ipad quá nhiều, vì thế gần gũi giao hòa, cảm nhận thiên nhiên là điều hết sức cần thiết.

Nhân vật người cha để lại trong lòng tôi rất nhiều ấn tượng đẹp, đó không chỉ là tình cảm chân thành với người con mà còn là cách chơi, cách dạy con, cách giảng giải cho con về tất cả những điều mà con khúc mắc. Thầm nghĩ, sau này tôi cũng sẽ hướng dẫn và gần gũi con cái của mình giống như người cha trong câu chuyện Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ.

          Văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của nhà văn Trần Ngọc Thuần gửi gắm nhiều bài học ý nghĩa. Qua văn bản, mỗi chúng ta đều cảm nhận được tình cảm cha con gắn bó tha thiết. Người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình. Chính vì lẽ đó, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ đã mở ra trước mắt người đọc những bài học đơn giản mà sâu sắc. Khi bạn đọc qua từng trang sách của quyển này, bạn sẽ thấm thía ra rất nhiều bài học, bạn sẽ biết yêu thương bố mẹ hơn, yêu thương những người quan tâm mình, biết quan tâm chia sẽ, biết tự hào và quý trọng về những gì mà mình có được. Chỉ cần bạn biết lắng nghe thêm một chút, chú ý mọi thứ xung quanh hơn một chút, biết cảm nhận được mọi thứ xung quanh, bạn sẽ cảm thấy thế giới này đáng quý vô cùng và bạn sẽ biết trân trọng hơn những điều tưởng chừng là bé nhỏ nhất.

**ĐỀ SỐ 20: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VÕ TÒNG TRONG ĐOẠN TRÍCH “ NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG” ( TRÍCH TÁC PHẨM “ ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM” CỦA NHÀ VĂN ĐOÀN GIỎI )**

**BÀI LÀM**

 Trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của nhà văn Đoàn Giỏi, có một nhân vật tính cách phóng khoáng, trượng nghĩa, lại pha lẫn chút ngang tàng, bụi bặm. Đó là Võ Tòng, một nhân vật cùng tên với nhân vật trong Thủy hử của Thi Nại Am. Võ Tòng trong Đất rừng phương Nam đã để lại trong tôi những ấn tượng, tình cảm sâu đậm, rõ nhất là qua đoạn trích “ Người đàn ông cô độc giữa rừng” của tác phẩm này.

 Nhân vật này được khắc họa qua lời kể của cậu bé An trong tình huống theo tía nuôi đến thăm Võ Tòng. Trước tiên, về tên tuổi, không ai biết tên thật của Võ Tòng là gì, người dân ở đây chỉ biết rằng từ mười mấy năm về trước, chú đã một mình bơi xuồng đến dựng lều giữa khu rừng đầy thú dữ. Người ta vẫn truyền nhau kể lại việc một mình Võ Tòng đã giết chết hơn hai mươi con hổ. Có lẽ nguồn gốc cái tên Võ Tòng cũng bắt đầu từ đó. Về ngoại hình, chú thường cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt chiếc quần lính Pháp có những sáu túi. Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê, nằm gọn trong vỏ sắt. Qua đây, có thể thấy được tính cách phóng khoáng của chú, thể hiện sự mạnh mẽ gan dạ..

 Có thể nói chú Võ Tòng là một người thành thật, khảng khái, tốt bụng, có chút liều lĩnh, ngang tàng ẩn trong một hình hài hung dữ. Người đọc hẳn sẽ còn nhớ hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ của chú Võ Tòng. Đây chính là cái tích để người ta gọi chú là Võ Tòng giống như nhân vật trong Thủy hử. Bởi Võ Tòng trong Thủy hử là một người vô cùng khỏe mạnh, đã tay đôi đấu với hổ và giành chiến thắng. Việc đánh hổ cho thấy Võ Tòng dù là nhân vật trong tác phẩm nào cũng có một sức mạnh thật phi thường và một bản lĩnh hiếm có. Riêng với Võ Tòng trong Đất rừng phương Nam, sức mạnh thể lực và bản lĩnh ấy đã được thể hiện bằng hàng sẹo dài có phần hung dữ.

Vẻ bề ngoài tưởng như hung dữ của Võ Tòng lại ẩn chứa bên trong là một con người có lòng tốt bụng, thành thật, gần gũi. Điều này được thể hiện qua cách ăn mặc, ngôn ngữ, hành động và suy nghĩ của nhân vật. Trong mắt cậu bé An, chú Võ Tòng là một người gần gũi, tốt tính, hào phóng. Chú ăn mặc dân dã, cởi trần, mặc chiếc quần ka ki nhưng đã lâu không giặt. Chú nói với An theo lối trêu đùa, vui vẻ; hứa với An sẽ sẵn một con heo hoặc nai cho cậu. Đặc biệt, tôi ấn tượng với chi tiết chú Võ Tòng lấy miếng khô nai to nhất đưa cho An để cậu nhai cho đỡ buồn miệng. Tại sao phải là miếng khô nai to nhất mà không phải một miếng khô nai nào khác? Đó là vì chú Võ Tòng quan tâm, quý mến An và cũng là sự hào phóng, tốt bụng của chú.

Sự thành thật của chú Võ Tòng được thể hiện qua hai chi tiết. Đó là khi chú giết chết địa chủ và tự đi đầu thú và dân làng đều quý chú vì sự thành thật, chân chất của chú. Chỉ với hai chi tiết này thôi, chú Võ Tòng đã hiện lên là một người đáng tin tưởng, đáng để nhận được sự tôn trọng, quý mến mà không phải là sự sợ hãi ban đầu khi nhìn thấy hàng sẹo dài chạy từ thái dương xuống cổ.

Chú Võ Tòng dễ gần, dễ mến còn bởi chú là một người có suy nghĩ thấu đáo, chu toàn. Chú đã chia cho bác Hai những mũi tên mà chú đã chuẩn bị, tẩm thuốc độc để giết lũ giặc Pháp. Nhưng chú lại không nói điều đó với má nuôi của An - vợ của bác Hai vì sợ má An ngăn trở công việc, sợ rằng má An sẽ cảm thấy sợ hãi. Chính cái im ỉm, không nói với má của An đã cho thấy chú Võ Tòng là một người có suy nghĩ thấu đáo. Cũng ở chi tiết này, người đọc còn thấy được một phầm chất đáng quý của chú Võ Tòng như bao nhiêu người Việt Nam khác. Đó là tình yêu quê hương, đất nước, căm thù lũ giặc xâm lược. Chẳng vậy mà chú Võ Tòng đã tẩm thuốc độc vào những mũi tên để chuẩn bị đi hạ những tên lính giặc.

 Như vậy, có thể thấy, chú Võ Tòng trong tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi là một nhân vật có vẻ ngoài hung dữ, nhưng ẩn chứa bên trong lại là những vẻ đẹp rất người. Đó là sự chân thành, thật thà, thẳng thắn; là sự quan tâm, chăm sóc, lo nghĩ chu đáo; là sự hào phóng, tốt bụng; là lòng yêu nước nhiệt thành. Nhân vật Võ Tòng như vậy đã đại diện cho hình ảnh con người Nam Bộ giàu sự phóng khoáng, tốt bụng và tình cảm. Đọc Đất rừng phương Nam, người đọc không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên Nam Bộ, được chiêm ngưỡng sự hiểu biết và tài năng trong lối viết của Đoàn Giỏi, và còn thấy được vẻ đẹp của con người Nam Bộ. Vẻ đẹp ấy vẫn là một sức hấp dẫn với thế hệ trẻ hôm nay.

**ĐỀ SỐ 21: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT MÊN VÀ MON TRONG TÁC PHẨM “ BẦY CHIM CHÌA VÔI” CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN QUANG THIỀU**

**BÀI LÀM**

 “Bầy chim chìa vôi” là một trong những truyện ngắn vô cùng ý nghĩa dành cho mọi lứa tuổi, đặc biệt là thanh thiếu niên. Nhà văn Nguyễn Quang Thiều khi đăng tải truyện ngắn đã nhắn nhủ: “Hy vọng những cậu bé, cô bé – những công dân tương lai của chúng ta mang một tấm lòng nhân ái để bảo vệ thế gian này đang bị chính người lớn chúng ta tàn phá.” Đây cũng chính là điều mà hai nhân vật chính Mon và Mên trong câu chuyện đã làm được. Hai cậu bé cho người đọc một cảm giác gần gũi, nhẹ nhàng, vừa dũng cảm, đáng yêu.

          “Bầy chim chìa vôi” là tác phẩm truyện ngắn kể về hai cậu bé Mon và Mên cùng những suy nghĩ, hành động bảo vệ tổ chim chìa vôi trong đêm bão, câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba thú vị, hấp dẫn, cùng với nghệ thuật miêu tả nhân vật qua lời đối thoại đặc sắc đã làm nổi bật lên hình ảnh hai cậu bé Mon và Mên vừa dễ thương, vừa giàu lòng nhân ái.

          Mở đầu câu chuyện là khoảng thời gian đêm khuya với sự trằn trọc của hai cậu bé. Mon tuy là em trai, nhưng cậu bé lại chính là người bắt đầu những câu hỏi thể hiện sự lo lắng về tổ chim chìa vôi. Cậu bé liên tục hỏi anh Mên: “Anh ơi… em bảo…”, sau đó là hàng loạt những câu hỏi thắc mắc về tổ chim chìa vôi: “Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?”; “Thế anh bảo chúng có bơi được không?”; “Sao nó lại không làm tổ trên bờ hả anh?”; “Thế làm thế nào bây giờ?”… Liên tục những câu hỏi lặp lại cho thấy suy nghĩ non nớt nhưng vô cùng lo lắng cho tổ chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông. “Những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”. Thậm chí, có thể do quá lo lắng, em Mon còn đặt ra thắc mắc tại sao những chú chim chìa vôi lại làm tổ trên bãi cát giữa sông như vậy? Tại sao chúng không lựa một nơi an toàn, cao và khô ráo hơn, để chúng an toàn trong đêm mưa bão, và cũng để cho hai anh em Mon và Mên bớt lo lắng, suy nghĩ về sự an toàn của bầy chim.

          Sau một hồi xoay mình qua lại, thì thầm khó ngủ, cố gắng suy nghĩ sang chuyện khác thì Mon vẫn không thể ngủ được, bèn thủ thỉ với anh mình, ngập ngừng gọi “anh ơi…” rồi đưa ra quyết định rằng “mình phải đem chúng vào bờ, anh ạ”. Đây là một quyết định quả quyết, thể hiện Mon là một cậu bé mạnh mẽ, quá quyết, không thể bỏ rơi tổ chim chìa vôi trong đêm nước sông đang lên, từ những lo lắng đã biến thành quyết định. Quyết định đi cứu những chú chim non không đến từ anh Mên mà lại đến từ chính Mon, đây là điều thể hiện sự dũng cảm, nhân hậu và lòng quyết tâm của Mon.

          Trái ngược với sự quan tâm trực tiếp từ Mon, anh trai của cậu bé – Mên lại có một cách lo lắng kín đáo hơn, tuy có chút cọc cằn nhưng lại vô cùng ấm áp. Khi em trai trằn trọc giữa đêm không ngủ, thực chất anh Mên cũng chưa ngủ được, cũng vì thế nên cậu bé mới trả lời em trai một cách tỉnh táo và ráo hoảnh tới vậy. Thay vì lo lắng trực tiếp và liên tục đặt ra câu hỏi, Mên lại đáp lại em trai một cách cục cằn: “Gì đấy? Mày không ngủ à?...”; “Bảo cái gì mà lắm thế?” hay “Tao không biết”. Dẫu vậy, anh Mên cũng bày tỏ nỗi lo lắng “Ừ nhỉ”, “Tao cũng sợ”. Để nỗi lo lắng qua đi, Mon và Mên đã nghĩ đến câu chuyện bắt cá cùng bố, cười “hi hi” khi nghe em Mon kể trò nghịch ngợm, nhưng dường như hai cậu bé vẫn không yên tâm chìm vào giấc ngủ. Khi em Mon nhắc lại một lần nữa: “Tổ chim sẽ bị chìm mất”, Mên im lặng nhưng một lúc sau hỏi lại: Thế làm thế nào bây giờ?, cuối cùng im lặng một phút sau khi em trai đưa ra quyết định đi cứu tổ chim, đưa ra câu hỏi “Đi bây giờ à?”. Đây không phải một câu hỏi thể hiện sự chần chừ của Mên mà chỉ là một lời nói giúp em trai Mon chắc chắn về quyết định của mình, chắc chắn hai anh em sẽ đi cùng nhau. Điều này cho thấy Mên là một người anh cọc cằn, hay tỏ ra gắt gỏng với em trai nhưng cũng có một tấm lòng ấm áp, nhân hậu, sự quan tâm của cậu bé thể hiện qua suy nghĩ và hành động chứ không qua lời nói.

          Hai anh em sau thời gian rạng sáng vật lộn trên bờ sông với chiếc đò, cuối cùng đã đưa con đò về vị trí cũ, trời đã “tang tảng sáng”. Khung cảnh bình minh hiện lên với vẻ đẹp lạ kì cùng nhiều cảm xúc. Hai đứa trẻ chạy ngược lên đoạn bờ sông dối diện với dải cát, trong khi Mon tò mò về dải cát đã bị nhấn chìm hay chưa, thì anh Mên ngồi thụp xuống, căng mắt nhìn sát mặt sông. Thật may, bãi cát chưa bị nước nhấn chìm hết. Bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt mưa trên mặt sông, con nước bắt đầu dần lên và nuốt chửng dải cát. Trong những giây cuối cùng, bầy chim chìa vôi non cất cánh bay lên không trung tạo nên một “cảnh tượng như huyền thoại” trong mắt hai đứa trẻ. Đây là thời điểm chín muồi, chim non đủ cứng cáp và ý thức được sự nguy hiểm của dòng nước sắp nuốt chửng chúng, cũng là thời điểm mà trong lòng hai anh em Mon và Mên trào lên cảm giác hạnh phúc, thành tựu và hạnh phúc khó tả. Hai anh em đứng không nhúc nhích, gương mặt tái nhợt vì nước mưa nhưng đã hửng lên ánh mặt trời ấm áp, hạnh phúc. Hai anh em quay lại nhìn nhau, đã khóc từ bao giờ.

Hai anh em Mon và Mên đều là những cậu bé dũng cảm, nhân hậu nhưng cũng vô cùng trong sáng, đáng yêu. Khung cảnh bầy chim chìa vôi bay lên từ bãi cát giữa sông đã tác động đến cảm xúc của hai đứa trẻ, đó là một cảnh đẹp, kì diệu và gỡ bỏ bao nhiêu lo lắng, bất an của hai anh em.

Qua hai nhân vật Mon và Mên, chúng ta càng thấy rõ hơn những phẩm chất tốt đẹp mà bất cứ thiếu niên nào cũng nên có: nhân hậu, dũng cảm, biết yêu thương loài vật, con người. Là một thiếu niên, hãy cùng nhau nuôi dưỡng và phát triển những phẩm chất tốt đẹp của mình, để có thể giống như mong muốn của tác giả: những công dân tương lai của chúng ta mang một tấm lòng nhân ái để bảo vệ từng thứ nhỏ bé nhất trên thế giới này.

**ĐỀ 22: PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN TẢN VĂN “ NỘI ƠI, CON NHỚ” CỦA NGUYỄN VĂN NHƯỢNG!**

Này là gió thổi khúc tình ca khẽ lay động những bông cúc dại đang nằm ủ rũ bên vệ đường vươn mình đón cái vuốt ve ngọt ngào của gió. Này là bầu trời nhẹ nhàng lững lờ để lộ những đám mây ánh hồng trong ánh nắng hoàng hôn. Này là những giọt nước mắt thoát ra từ trong sách vào cuộc đời để gột rửa bao cằn cỗi sỏi đá để làm mát lòng nhân thế, để những điệu hồn khẽ trở mình như những bong bóng mưa len lỏi trên khắp lối về. Có phải vậy không mà hàng ngàn năm nay văn chương cuộn mình trong cái dòng máu nóng hổi của tình yêu, tình người nồng thắm. Đắm chìm trong suy nghĩ ấy, tôi bất chợt nhớ về tản văn “Nội ơi, con nhớ” của Nguyễn Văn Nhượng cũng thấm đượm tình yêu nồng thắm như thế. Đó là tình cảm của người cháu dành cho người bà đáng kính gắn bó qua năm tháng trưởng thành được thể hiện dưới góc nhìn của nhân vật “tôi”. Và nhân vật “tôi”- điều khiến độc giả ấn tượng hơn cả là một người giàu tình yêu thương, sự trân trọng dành cho người bà lam lũ, tần tảo suốt một đời đang dần bước vào những ngày “gần đất xa trời”.

     Ngay từ những lời giới thiệu đầu tiên ta đã thấy dạt dào tình cảm đối với người bà của nhân vật “tôi” không hề che dấu mà được bộc lộ trực tiếp “Bây giờ thì tóc nội đã trắng phau. Thế là bao nhiêu năm tháng, bao nhiêu gian khổ mưu sinh, bao nhiêu nhọc nhằn khuya sớm đã nhuộm lên mái đầu của nội. Mười năm nội nằm trên giường là mười năm con nhìn nội mà rưng rưng nước mắt”. Nỗi đau bệnh tật giày xéo thân xác của người bà không khác nào mỗi đòn tra tấn tinh thần làm tan nát trái tim người cháu thơ. Mười năm bà nằm là mười năm tâm hồn cháu chưa ngừng đau đớn. Nhân vật “tôi” tự thấy xót xa tủi, hờn số phận tàn nhẫn đã cướp đi hạnh phúc người bà tảo tần lam lũ một đời “…Nào ai có ngờ đâu cái ngày định mệnh ấy ập xuống, cướp đi những sinh hoạt thường ngày của nội. Để rồi giờ đây, nhìn mái tóc nội phải cắt ngắn, nhìn nội phải nằm mỏi nằm mòn một nơi, lòng con tái tê xa xót”. Muôn nghìn cung bậc của nhân vật “tôi” được thể hiện chỉ qua một đoạn tự thuật ngắn từ “rưng rưng nước mắt” đến “cõi lòng tái tê” rồi một lần nữa hoài niệm “tiếc mãi” với mái tóc dài vấn khăn nâu của bà trước sự vô tình của thời gian. Những tình cảm chân thành được thể hiện bằng một lối hành văn mượt mà, sâu lắng khiến những người du ngoạn trên những trang viết rung động như chính chúng ta trải qua bao thăng trầm trong cảm xúc cùng nhân vật “tôi”

            Nương gót chân tìm về những ngày bên bà nội, nhân vật “tôi” như tìm thấy cả bầu trời tuổi thơ của mình âm thầm nhặt nhạnh từng thanh âm hồi ức, chắp vá những mảnh vỡ bạc màu thành thước phim kỷ niệm. Lời văn của Nguyễn Văn Nhượng như có thần, phục dựng trước mắt người đọc từng chi tiết của tuổi thơ chân thật mà sống động. Đó là nơi có con sông hiền hoà, có những món ăn đồng quê có hương vị đặc trưng khiến “tôi” bùi ngùi da diết mỗi khi nhớ về. Đặc biệt món cá bống kho của nội đã trở thành nét chạm khắc vào tâm trí đứa cháu thơ “có gì cầu kì đâu mà sao ngon tới vậy”.

Nhân vật “tôi” miêu tả từng chi tiết chế biến món ăn như thể tất cả mới xảy ra ngày hôm qua còn hằn lại trong kí ức “Nội ướp muối mắm kẹo đắng vừa vặn, hồi đó chưa có mì chính, nội chỉ rắc thêm ít lá gừng tươi cho vào nồi gang gầy củi. Khi nước sắp sắp nội vùi vào vùng tro hồng rồi rắc trấu phủ một lớp tro nguội ngoài cùng để giữ nóng. Nhờ bàn tay gia giảm khéo léo của nội, nồi cá bắc ra không bao giờ bị khê, bị cháy do quá lửa. Những con cá trong nồi đều cho một màu vàng óng, khô cong và săn chắc. Mở vung ra từ xa đã thấy khói toả, mang theo hương thơm của nước mắm, của lá gừng, của cá bống đồng. Con ở trên ăn bùi và dai, con ở dưới, sát đáy nồi thì vừa dai vừa giòn, vừa bùi vừa ngậy. Cái khéo của người làm món này là thời gian ủ tro trấu vừa phải, cá chín và ngấm gia vị từ từ, người làm bắc ra đúng tầm, để không cháy không khê, cũng không còn đọng nước, đảm bảo cho con cá khi gắp ra còn nguyên vẹn mà không bị vỡ, bị nát’. Chỉ qua vài nét miêu tả chấm phá, một món ăn nội đồng dân giã lạ trở thành một mỹ vị, còn người bà trở thành một người nghệ sĩ sáng tạo ẩm thực nâng giá trị của món ăn trở nên độc nhất trong lòng đứa cháu nhỏ.

            Nỗi nhớ lại được lật dở trở về những bữa cơm bên bà. Người bà dành trọn vẹn tình yêu thương cho cháu trong mỗi bữa ăn “Bà chọn con to nhất, cắn nhỏ, rồi trộn gạch cua vào bát cơm cho con, chỉ hai ba đảo là bát cơm đã vàng khắp, ăn rất béo rất bùi.” Thời gian thấm thoát như thoi đưa nhưng đứa cháu ngày nào vẫn không thể quên được từng màu sắc, hương vị trong mỗi món ăn của bà “canh cua nội nấu với rau cải thái nhỏ cũng thật ngon và khác người. Nhìn bát canh riêu đọng thành mảng lớn giữa nồi, màu nước trong xanh, rau vừa chín tới, mùi lá gừng tươi quyện mùi rau cải” để rồi phải bật thốt lên rằng đôi bàn tay nội “khéo léo chi chút, nâng niu ngọn lửa đến thế nào!”. Nỗi nhớ vắt ngang từ quá khứ đến hiện tại “Ngồi bên mâm cơm, nhiều khi con ngơ ngẩn nghĩ về nội, nhớ về những món ăn nội làm. Con rủ rỉ kể cho hai cháu nghe những câu chuyện về nội, về sự gọn gàng, ngăn nắp của nội’. Nhân vật tôi hoài niệm nhớ về căn bếp rạ của nội năm xưa “cơm canh nồi nấu, tất cả đều bằng bếp rơm nhưng tuyệt nhiên không bao giờ thấy một chút bụi tro nào bay vào, ngay cả thành nồi cũng được nội lau sạch trước khi dọn lên nhà”. Đó là căn bếp “sạch sẽ, ấm áp suốt bốn mùa, đến một cọng rơm cũng không bao giờ nội để vương để vãi…”. Đọc những lời văn ấy, bất chợt những lời thơ của Bằng Việt trong “Bếp lửa” lại hiện về như có sự đồng điệu tâm hồn cùng cảm xúc của nhân vật “tôi”:

                   “ Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,

                    Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,

                     Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

                   - Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?”

 Những người cháu dù đã lớn khôn, sống trong những tiện nghi hiện đại nhưng vẫn không thể quên đi căn bếp rạ năm nào. Đối với nhân vật “tôi” và cả nhà thơ Bằng Việt, căn bếp rạ cùng hình ảnh người bà tần tảo sớm hôm đã trở thành lãnh địa thiêng liêng ngự trị tại một góc trong tim.

           Nỗi nhớ vượt qua ranh giới của yêu thương trở thành khao khát được xoay chuyển quá khứ để người bà trở lại được bên cạnh con cháu.“Giá nội còn đi lại được, thì dầu ông không còn nữa, cái đó, cái nơm không có ai đan ai bỏ thì con cũng tìm mua được con cua, con bống về cho nội kho, nội nấu, để cho chắt nội ăn, để cho chúng biết thưởng thức và thấm thía được thế nào là hương vị đồng quê giữa bộn bề cuộc sống hiện đại hôm nay”. Nhìn nội mỗi ngày một già yếu, sinh mệnh của người bà giờ đây như đèn treo trước gió khiến nhân vật tôi lòng “sắt se quay quắt”. Một lần nữa cảm xúc lại được đẩy lên cao trào nỗi nhớ được bật thành một tiếng gọi tha thiết “lòng con càng thương nội, nội ơi!”. Tiếng gọi nghe đau đớn đến xót lòng như muốn níu kéo nội ở lại nhưng không thể chiến thắng được vận mệnh trớ trêu. Từ lời mở đầu đến dấu chấm kết thúc đoạn văn, ta thấy một tình thương đối với người bà chưa từng nguôi ngoai của người cháu hiếu thảo. Bao cảm xúc hội tụ trên từng trang viết chảy tràn trên đầu bút thành áng văn bay bổng đọng lại nơi trái tim những tín đồ văn chương ấn tượng không thể nào quên.

       Chỉ qua một giọt nước biển, ta thấy sự mặn mòi của đại dương. Chỉ qua một hạt cát, ta thấy được bao la của vũ trụ. Và chỉ cần qua một đoạn tản văn ngắn, ta thấy được tình cảm chân thành tha thiết của nhân vật “tôi” đối với người bà kính yêu lam lũ, tần tảo một đời vì con,vì cháu. Những lời tâm sự bộc bạch của tác giả Nguyễn Văn Nhượng như một lời nhắc nhở đánh thức ta nhớ về một thứ tình cảm dễ dàng bị thời gian vùi lấp: tình cảm bà cháu để ta biết trân trọng hơn thời gian còn lại được ở bên người bà của mình.”

Mỗi tác phẩm là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung (Lê-ô-nít Lê-ô-nốp)”. Bên cạnh một nội dung sâu sắc, hình thức là một yếu tố quan trọng không thể thiếu làm nên giá trị tác phẩm. Được viết theo thể loại tản văn, lời văn mượt mà ngỡ như những vần thơ, dạt dào cảm xúc trữ tình chân thành mà tha thiết kết hợp cùng biện pháp nghệ thuật liệt kê, cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp đã đưa đoạn văn chạm đến đỉnh cao của sự sáng tạo trong văn học. Đọc văn của Nguyễn Văn Nhượng, ta không chỉ thấy ấn tượng với tình cảm của nhân vật “tôi” mà còn là lối hành văn nhẹ nhàng sâu lắng cảm xúc bên trong để lại những lưu luyến khôn nguôi trong lòng những người du ngoạn qua những trang sách.

            Dòng chảy thời gian vẫn miệt mài chảy trôi, bao đời người dâu bể, bao thế kỉ thăng trầm thì cái công việc của nó vẫn là phủi bụi - là gạt bỏ đi những trang văn không địch lại được với thời gian. Và trong những gì còn lại ấy, có những trang văn của Nguyễn Văn Nhượng đã vượt qua sự băng hoại của thời gian để sống một phần đời riêng của mình trong kho tàng văn học Việt Nam.

  *(Sưu tầm)*

**Đề 23 :“Quê hương” đã thể hiện vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một làng chài ven biển và tình cảm quê hương đằm thắm của nhà thơ Tế Hanh:**

 Quê hương trong xa cách là cả một dòng cảm xúc dạt dào, lấp lánh suốt đời thơ Tế Hanh – người con của xứ sở núi Ấn sông Trà. Đề tài quê hương trở đi trở lại trong thơ ông từ lúc tóc còn xanh cho tới khi đầu bạc! Ông viết về quê hương bằng cảm xúc đậm đà, chân chất và dành cho mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình một tình yêu thiết tha, sâu nặng.. Cái làng chài nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng nước bao vây cách biển nửa ngày sông đã nuôi dưỡng tâm hồn thơ Tế Hanh, đã trở thành nỗi nhớ da diết để ông viết nên những vần thơ thiết tha. Trong dòng cảm xúc ấy, *Quê hương* là thành công khởi đầu rực rỡ.

**Luận điểm 1. Vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một làng quê miền biển:**

“Quê hương” thể hiện vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một làng chài ven biển. Nhà thơ đã viết Quê hương bằng tất cả tình yêu thiết tha, trong sáng, đầy thơ mộng của mình. Tám câu thơ đầu là cảnh sắc và sức sống lao động của quê nhà, là cảnh ra khơi đánh cá của trai làng trong một sớm mai đẹp như mơ. Ánh sáng của đất trời, ánh sáng của tâm hồn như đã tắm hồng cảnh sắc quê hương.

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*

*Nước bao vây cách biển nửa này sông*

Hai tiếng "làng tôi" đầy mến thương cất lên. Đó là tiếng lòng của đứa con xa quê nói về đất mẹ quê cha. Lời giới thiệu giản dị, mang nét riêng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian, một không gian nước vừa quấn quyện vừa mênh mông thơ mộng..Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương. Nhưng cái tình của Tế Hanh, cái hồn biển của Tế Hanh đã gửi vào câu chữ để cái làng ấy hiện ra duyên dáng, nên thơ, phảng phất một cơn gió biển làm sóng nước bồng bềnh. Làng ở vào thế trung tâm, nước là đường viền, nước màu lạnh làm nền, còn đất như một điểm ấm sáng hiện ra như một niềm thương nhớ chơi vơi. Thêm nữa, làng không chỉ có “nước bao vây” mà khoảng cách biển cũng được đo bằng nước (nửa ngày sông). Nhà thơ đã cá biệt hoá cái làng chài lưới của mình bằng những cảm nhận rất riêng ấy. Nó vừa tả thực vừa hiện lên như một giấc chiêm bao

 Sau câu mở đầu giản dị, cảm hứng như đã được khơi nguồn, nhà thơ say sưa miêu tả cảnh đẹp quê hương,

*"Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá"*

Dòng thơ cứ nhẹ nhàng tuôn chảy, hình ảnh thơ cứ hiển hiện theo dòng cảm xúc dạt dào của nhà thơ. Chỉ bằng vài nét vẽ mà cảnh vật như bừng sáng, một không gian bao la mở ra, đoàn thuyền rẽ sóng ra khơi trong ánh hồng rạng đông. Cảnh vật "làng tôi" như được tắm trong ánh hồng bình minh tráng lệ. Câu thơ có hoạ, có nhạc. Đẹp vô ngần với màu sắc của bức tranh vùng trời vùng biển giữa một sớm mai hồng với gió nhẹ, trời trong như có sức thanh lọc và nâng bổng tâm hồn. Bằng cách nhịp ngắt 3/2/2, câu thơ như mặt biển dập dềnh, con thuyền ra khơi nhịp nhàng với những con sóng chao lên lượn xuống, như một sự nâng đỡ, vỗ về. Một ngày mới ở làng chài bắt đầu bằng vẻ tươi mát của thiên nhiên và tâm trạng hào hứng của người dân chài. Những chàng trai trẻ trung, cường tráng của làng chài đã hăm hở lên đường. Chính họ đã đem sức lao động và tinh thần dũng cảm đi chinh phục biển khơi, đem lại sự ấm no, giàu có và hạnh phúc của quê hương. Con thuyền, mái chèo, cánh buồm là hình bóng quê hương, là sức sống của quê hương. Ở nơi chân trời xa xôi, nhà thơ đang sống lại, đang dõi theo nhịp sống của quê hương đã in sâu vào tâm hồn, máu thịt mình.

 *"Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã,*

 *Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang".*

Con thuyền được so sánh với con tuấn mã là một hình đẹp, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Hình ảnh so sánh này diễn tả đầy ấn tượng khí thế hăng hái, sự mạnh mẽ, dũng mãnh của con thuyền ra khơi toát lên sức sống khỏe khoắn và một vẻ đẹp hào hùng của con thuyền. Một loạt động từ mạnh được nhà thơ sử dụng. Chữ "hăng"  ‘phăng’ ‘ vượt’diễn tả đầy ấn tượng khí thế hăng hái, sôi nổi, băng tới vô cùng dũng mãnh của con thuyền toát lên một sức sống tràn trề đầy nhiệt huyết, vượt lên sóng, vượt lên gió, con thuyền căng buồm ra khơi với tư thế khẩn trương, hối hả, hiên ngang và hùng tráng.

 *"Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..."*

So sánh “Cánh buồm với mảnh hồn làng”, nhà thơ đem vật cụ thể, hữu hình “cánh buồm” so sánh với cái trừu tượng, vô hình “ mảnh hồn làng” đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng, mang ý nghĩa lớn lao, thiêng liêng, trang trọng, vừa thơ mộng, vừa hùng tráng. Cánh buồm chính là biểu tượng linh thiêng của hồn làng, hồn quê, nên nhà thơ dồn hết tình yêu thương vào ngòi bút để vừa vẽ ra cái hình, vừa thể hiện cái hồn của làng chài thân yêu***.*** Bao nhiêu trìu mến yêu thương, bao nhiêu hi vọng mưu sinh của người lao động được gửi gắm vào cánh buồm .Cánh buồm ấy chứa đựng baonỗi lo toan cùng niềm tin yêu, hi vọng của bao người dân làng chài quê hương nhà thơ. Hình ảnh cánh buồm căng gió ra khơi mang theo bao ước mơ, khát vọng và cả niềm tin của người dân chài, được so snahs với mảnh hồn làng sáng lên một vẻ đẹp lãng mạn. Cánh buồm quen thuộc bỗng trở nên lớn lao, thiêng liêng. Cánh buồm trở thành biểu tượng linh thiêng, là linh hồn của làng chài.

Phong cảnh thiên nhiên tươi sáng, bức tranh lao động đầy hứng khởi, đoàn thuyền ra khơi với khí thế sôi nổi, mạnh mẽ, với tư thế và khát vọng chinh phục thiên nhiên. Đoạn thơ cho thấy một hồn thơ trẻ trung, phơi phới. Cách dùng từ chuẩn xác, tinh luyện, từ ngữ sinh động.. Hình tượng thơ về cảnh rạng đông, về chiếc thuyền, mái chèo, cánh buồm rất đẹp và sáng tạo, đã làm nổi bật sức sống của làng chài và tình yêu quê hương thiết tha, mặn nồng. Nhà thơ đã khắc họa tư thế kiêu hãnh chinh phục sông dài, biển rộng của người làng chài, đã cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó, yêu thương. Và ta càng thêm thấm thía:

"Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi"...

Cảnh đón thuyền đánh cá trở về ồn ào, tấp nập được miêu tả với một tình yêu tha thiết làm bừng lên vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của làng chài.Thế là con thuyền nhẹ nhõm từ chỗ trời trong gió nhẹ ra đi với cánh buồm đầy hi vọng, vẫn là con thuyền ấy, ngày hôm sau đầy nặng cá trở vể, giấc mơ đã trở thành hiện thực. Hiện thực trong cái ồn ào, tấp nập của

Dân làng ra đón ghe, đón cá. Con thuyền trở về với niềm vui đầy ắp trong khoang.

*Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón nghe về*

Nhịp sống ồn ào náo nhiệt là nét sinh hoạt độc đáo, nơi của những niềm vui, nỗi buồn của làng chài. Ồn ào, náo nhiệt là thanh âm của cuộc sống thanh bình, yên ả nơi làng chài.

*Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng*

Trong niềm vui cá nặng đầy khoang ta nghe lời cảm tạ đất trời rất đỗi chân thành của những người dân chài ... Lời cảm tạ xen lẫn niềm vui sướng, niềm vui lấp lánh trên gương mặt rám nắng của dân trai tráng. Trong niềm vui chiến thắng trở về nhà thơ đã khắc họa hình ảnh con người với những câu thơ thật đẹp:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;*

Bức tượng đài người dân chài tạc giữa đất trời, một bức tượng đài có hình khối, màu sắc và cả hương vị đặc trưng đã làm toát lên một phong thái, một thần sắc thật đặc biệt – thần sắc của người dân miền biển.Chắc khoẻ như những bức tượng đồng nâu ấy là màu da của người vật lộn với nắng, gió khơi xa đội trời lướt biển, ăn sóng nói gió vốn từng quen. Ấn tượng hơn là hình ảnh người dân chài “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” với thân hình cường tráng, săn chắc đã được thử thách tôi luyện bằng sóng lớn gió to, bằng bao nhiêu bất trắc, họ giống bức tượng đồng vạm vỡ. Trước biển rộng, những con người được nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ dựng lên kì vĩ, lớn lao, ngang tầm với trời cao, biển rộng. Người dân chài như bức phù điêu sinh động vì hơi thở ấm áp “nồng thở vị xa xăm”- thứ hương vị đặc biệt: vị của xa xôi, của biển cả, vị mặn mòi, nồng đượm. Họ là những đứa con của lòng biển của đại dương.

 Ở đoạn trước, khi tả cảnh ra đi mạnh mẽ vượt trường giang của đoàn thuyền, hơi thở băng băng, phơi phới. Đến đoạn này, âm điệu thơ thư thái và dần lắng lại theo niềm vui no ấm, bình yên của dân*.*  Hình ảnh con thuyền cũng giống hình ảnh con người đã trở về sau những chuyến đi xa. Nó vừa là những con thuyền thực vừa là những con thuyền thơ. Con thuyền lúc ra khơi hăng hái, hào hứng không kém con người nay nó lặng lẽ vì mỏi mệt, muốn nghỉ ngơi sau một chuyến đi vất vả gian truân, thuyền nằm im trên bến, lặng lẽ cảm nhận vị mặn mòi của biển cả ngấm vào cơ thể mình. Con thuyền giống như nhà hiền triết lắng mình ngẫm nghĩ.

 *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

 *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Đây là phút ngừng, phút lặng im của bản giao hưởng lao động hoành tráng: Giây lát thư giãn, nghỉ ngơi sau chuyến đi vất vả thật yên bình. Không còn là vật vô tri, con thuyền đã mang tâm hồn người qua biện pháp nhân hóa con thuyền như một sinh thể sống biêt “im, mỏi, trở về nằm, nghe” đặc biệt biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua từ “nghe”. Bằng tất cả “ tâm hồn” con thuyền tự nhận ra chất muối – hương vị biển cả đang thấm sâu và lặn dần vào cơ thể mình khiến nó trở nên dạn dày, từng trải. Lúc này con thuyền đã đồng nhất với cuộc đời, số phận của người dân chài.

Chỉ ai sinh ra và lớn lên ở nơi sông nước mới viết được những câu thơ như thế. Tế Hanh xây dựng tượng đài người dân chài giữa đất trời lộng gió với hình khối, màu sắc và cả hương vị không thể lẫn: bức tượng đài nồng thở vị xa xăm – vị muối mặn mòi của biển khơi, của những chân trời tít tắp mà họ thường chinh phục. Chất muối mặn mòi ấy ngấm vào thân hình người dân chài quê hương, thấm dần trong thớ vỏ chiếc thuyền hay đã ngấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn thơ Tế Hanh để thành niềm cảm xúc bâng khuâng, kì diệu ?

*Quê hương* là nỗi nhớ da diết, là tình yêu đằm thắm của nhà thơ Tế Hanh. Một tâm hồn như thế khi nhớ nhung tất chẳng thể nhàn nhạt, bình thường. Nỗi nhớ quê hương trong đoạn kết đã đọng thành những kỉ niệm ám ảnh, vẫy gọi.

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !*

Cảnh và người với nhà thơ chỉ hiện lên trong kí ức, nghĩa là có một khoảng cách xa xôi, vì thế nó mới là một miền “tưởng nhớ”. Trong nỗi niềm “tưởng nhớ” ấy, dường như chỉ cần nhắm mắt lại là cảnh và người lại hiện ra rõ mồn một. Bởi hình ảnh quê hương đã đằm sâu trong kí ức trong trẻo, trong tầm hồn nhà thơ thế nên nỗi nhớ quê hương luôn thường trực, da diết khôn nguôi. Xa quê nhà thơ nhớ những gì gần gũi, quen thuộc , nhớ *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền rẽ sóng ra khơi...* nhớ cả hương vị mặn mòi của biển cả ... Tất cả điêù đó cứ trở đi trở về trong tâm hồn tác giả như những dấu ấn đằm thắm không phai mờ! Bài thơ đã kết thúc, nhưng bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển, nhất là tình của nhà thơ với quê hương vẫn đầy dư vị, ngân nga. Tình cảm ấy như chất muối thấm đẫm trong từng câu thơ, trong hơi thơ bồi bồi, tha thiết.

**\* Đánh giá về nội dung và nghệ thuật bài thơ:**

*Quê hương* của Tế Hanh đã cất lên một tiếng ca trong trẻo, nồng nàn, thơ mộng về cái làng vạn chài từng ôm ấp, ru vỗ tuổi thơ mình. Bài thơ đã góp phần bồi đắp cho mỗi người đọc chúng ta tình yêu quê hương thắm thiết.

**Đề số 23. Phân tích đặc điểm nhân vật Kiều Phương trong “Bức tranh của em gái tôi” của Tạ Duy Anh?**

Tạ Duy Anh được đánh giá là cây bút sung sức, với nhiều tìm tòi đổi mới, nhà văn có phong cách viết độc đáo, sáng tạo, vừa đáng yêu, vừa chân thành và sâu sắc. “Bức tranh của em gái tôi” là truyện ngắn đạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Thiếu niên Tiền phong - câu chuyện kể về tài năng hội hoạ của cô bé Kiều Phương khiến người đọc nhớ mãi mỗi lần lật giở từng trang viết

Truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” được viết theo ngôi kể thứ nhất tạo nên nét đặc trưng cho tác phẩm. Có thể nói chạy dọc theo câu chuyện là diễn biến tâm lí nhân vật người anh, từ trạng thái cảm xúc này đến trạng thái cảm xúc khác. Tuy nhiên trong dòng cảm xúc đó, người đọc nhận ra có một nhân vật là điểm sáng tạo nên sự hài hòa và tạo vẻ đẹp lung linh cho truyện ngắn. Đó chính là cô em gái Kiều Phương hồn nhiên, trong sáng, bình dị, nhân hậu, chân thành mà sâu sắc cùng với tài năng hội hoạ thiên bẩm của cô - Một vẻ đẹp tiềm ẩn trong những bức tranh do cô vẽ ra.

Kiều Phương là cô bé hồn nhiên, ngây thơ,nhí nhảnh và đam mê hội họa. Cô bé vừa làm những việc bố mẹ phân công vừa hát vui vẻ.Mặc dù anh trai gọi là “mèo” vì cái tội lục lọi đồ vật trong nhà một cách thích thú nhưng Kiều Phương vẫn “vui vẻ chấp nhận” và hồn nhiên khoe với bạn bè. Kiều Phương vui vẻ khi được đặt biệt danh là “Mèo", thậm chí còn dùng cái tên đó để xưng hô với bạn bè. Cách trò chuyện của Kiều Phương với anh trai cũng chứng tỏ Kiều Phương là cô bé nhí nhảnh, trong sáng và vô cùng đáng yêu “Nó vênh mặt, mèo mà lại, em không phá là được” khi người anh trai tỏ vẻ khó chịu “Này, em không để chúng nó yên được à!”. Dù cho người anh trai khó chịu đến cỡ nào thì cô bé này vẫn không bao giờ tức giận, luôn giữ được sự hài hòa và tinh nghịch như thế.

 Khâm phục hơn hết là tài năng hội họa của Kiều Phương. Niềm đam mê này được tác giả diễn tả một cách cụ thể qua cách cô vẽ hằng ngày, cách cọ nhọ nồi để làm màu vẽ…Và khi chú Tiến Lê - bạn của bố phát hiện ra niềm đam mê này thì Kiều Phương càng tỏ rõ sự quyết tâm và phấn đấu mơ ước thành họa sĩ. Điều này khiến cho bố mẹ vui mừng “Ôi con đã cho bố một bất ngờ quá lớn. Mẹ cũng không kìm được xúc động”. Theo lời chú Tiến Lê, đấy còn là một thiên tài hội hoạ. Tài năng của Kiều Phương được thể hiện qua sáu bức tranh do “Mèo” vẽ dấu người anh, không ngờ là những bức tranh độc đáo “có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào”. Đặc biệt, tài năng của Kiều Phương được khẳng định bằng bức tranh được trao giải nhất, qua một tuần tham gia trại thi vẽ quốc tế điều đó khiến cho cả nhà “vui như tết”. Tài năng hội hoạ của Kiều Phương có được nhờ yếu tố bẩm sinh và lòng yêu thích, sau mê nghệ thuật của cô bé.

Kiều Phương trong “ Bức tranh của em gái tôi” ( Tạ Duy Anh) không những là cô gái đáng yêu, hồn nhiên, tài năng mà còn có tấm lòng nhân hậu, bao dung khiến người khác phải khâm phục và ngưỡng mộ. Khi thấy ba mẹ hào hứng, vui mừng với tài năng của em gái, anh trai ghen tỵ nên càng ngày càng lạnh lùng và hay quát mắng em. Anh trai rất buồn, tỏ ý không vui song tình cảm và thái độ của em gái dành cho anh vẫn không thay đổi, luôn tin yêu và trân trọng hết mực. Hiểu được nỗi lòng của anh, Kiều Phương đã dành cho anh trai những tình cảm rất trong sáng “ Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”. Một hành động, một lời nói thôi đã toát lên một tâm hồn ngây thơ trong sáng của một cô bé đáng yêu! Đặc biệt hơn hết là tình cảm, tấm lòng của Kiều Phương dành cho anh trai trong bức tranh đoạt giải. Bức tranh là hình ảnh cậu con trai có đôi mắt rất sáng, nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Cặp mắt chú bé toả ra thứ ánh sáng rất lạ….tư thế ngồi của chú không chỉ suy tư mà còn rất mơ mộng nữa.. Có thể nói đây là chi tiết khiến người đọc xúc động về tình cảm anh em trong gia đình. Chính bức tranh này của Kiều Phương đã “thức tỉnh” được trái tim người anh, có cách nhìn khác về em, vừa hối hận vừa xấu hổ vừa biết ơn. Ngắm nhìn hình ảnh mình trong bức tranh người anh đã xúc động nói với mẹ “ Không phải con đâu, đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy” - Lời khẳng định của anh trai là sự khẳng định tâm hồn, tấm lòng của Kiều Phương. Đọc câu chuyện, bạn đọc sẽ chẳng bao giờ quên cô bứ Kiều Phương hồn nhiên, lí lắc, giàu lòng nhân hậu. Từ nhân vật đáng yêu này ta học được những bài học ý nghĩa: phải say mê trong học tập cũng như trong việc thực hiện những ước mơ, hoài bão của mình thì mới có được thành công. Thêm vào đó, trong cuộc sống, ta không tự ti, mặc cảm và ích kỷ, nhỏ nhen. Ta cần vượt lên chính mình trong mọi hoàn cảnh để cuộc sống tốt đẹp luôn đến với chúng ta.

Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Kiều Phương được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc. Tạ Duy Anh là một người am hiểu thế giới trẻ thơ, hiểu được tâm lí cũng như tình cảm của trẻ thơ nên đã gửi gắm được những điều tốt đẹp vào nhân vật Kiều Phương,Với cách kể chuyện nhẹ nhàng, tâm tình mà sâu lắng tác giả đã để lại tình cảm tốt đối với bạn đọc về nhân vật Kiều Phương. Truyện kể theo ngôi thứ nhất làm cho lời kể chân thật, tự nhiên dễ dàng bộc lộ diễn biến tâm trạng. Câu chuyện nhẹ nhàng, kết thúc bất ngờ, toát lên bài học nhân sinh thấm thía.

“Bức tranh của em gái tôi” không được vẽ bằng chất liệu hội hoạ. Nó được vẽ bằng quá trình diễn biến tâm trạng của người anh, thông qua lời kể vô cùng xúc động của nhân vật. Qua dòng tâm trạng của người anh, cô bé Kiều Phương hiện lên với tấm lòng bao dung độ lượng, với tài năng hội hoạ. Ở cô bé toát ra vẻ đẹp của tấm hồn trong sáng, giàu tình yêu thương mà bất cứ ai đọc câu chuyện cũng dem lòng yêu mến bạn nhỏ này.